



ĐÀO THỊ HÀ – TRẦN ĐOÀN THANH NGỌC – HOÀNG MINH PHÚC

Kế hoạch bài dạy

môn

MĨ THUẬT

Bản 2

LỚP

9

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa MĨ THUẬT 9 – Bản 2
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐÀO THỊ HÀ – TRẦN ĐOÀN THANH NGỌC – HOÀNG MINH PHÚC

Kế hoạch bài dạy
môn

MĨ THUẬT

Bản 2

LỚP

9

**(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa MĨ THUẬT 9 –
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
PHẦN HAI: THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY	10
Chủ đề 1: NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI THẾ GIỚI	10
Chủ đề 2: SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG	27
Chủ đề 3: XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	43
Chủ đề 4: BẢO VỆ TỔ QUỐC	58
Chủ đề 5: NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM	76
Chủ đề 6: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN	93
Chủ đề 7: MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	111
Chủ đề 8: HƯỚNG NGHIỆP	127

PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Mục đích biên soạn

Kế hoạch bài dạy môn Mỹ thuật lớp 9 – bản 2 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án thiết kế kế hoạch bài dạy (KHBD) các chủ đề, bài học trong sách giáo khoa (SGK) *Mỹ thuật lớp 9 – bản 2* theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật cấp Trung học cơ sở (THCS). Với nội dung dành riêng cho giáo viên (GV), nhóm tác giả mong muốn KHBD được sử dụng như tài liệu tham khảo hỗ trợ GV trong quá trình soạn bài, từ đó có thể đưa ra được phương án dạy học phù hợp với đối tượng học sinh (HS) và điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị mình.

2. Cấu trúc sách

Cấu trúc sách gồm hai phần:

- Phần một: *Những vấn đề chung*: gồm những vấn đề có tính chất chung như mục đích biên soạn, cấu trúc KHBD, thời lượng và nội dung học, gợi ý kiểm tra đánh giá.
- Phần hai: *Thiết kế kế hoạch bài dạy*: gồm những gợi ý tổ chức hoạt động dạy học theo SGK *Mỹ thuật 9 – bản 2* dựa trên khung KHBD do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

3. Cấu trúc kế hoạch bài dạy

Trong phạm vi sách này, nhóm tác giả căn cứ các cơ sở khoa học và pháp lí theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2020, công văn 2613/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp THCS và Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tiêu chí Chuẩn mực – Khoa học – Hiện đại. Cấu trúc sách như sau:

- Yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào việc giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì,...
- Đồ dùng dạy học: Nêu các thiết bị, học liệu sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.
- Các hoạt động dạy học chủ yếu:
 - + Hoạt động Quan sát và nhận thức: Khởi động, mở đầu, kết nối, trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới.
 - + Hoạt động Luyện tập và sáng tạo: Gợi ý, định hướng và hướng dẫn cách tạo ra sản phẩm mỹ thuật (SPMT). HS được thực hành sáng tạo.
 - + Hoạt động Phân tích và đánh giá: HS được trình bày cảm nhận cá nhân, tự đánh giá, nhận xét sản phẩm của mình và của bạn.

+ Hoạt động Vận dụng: HS tìm hiểu tính ứng dụng của sản phẩm và đưa sản phẩm sáng tạo của mình sử dụng trong đời sống hằng ngày.

– Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có): GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện KHBD để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau, cụ thể như: những nội dung còn bất cập, khó khăn còn gặp trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc trong tổ chức dạy học hiệu quả,... để trao đổi thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn. Cấu trúc KHBD được thiết kế bao gồm các hoạt động của GV và HS trong quá trình dạy học một tiết học/ bài học/ chủ đề nhằm giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt. GV được quyền thực hiện KHBD chủ động, linh hoạt phù hợp với đối tượng HS, điều kiện tổ chức dạy học nhằm đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất; được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện tổ chức dạy học.

4. Thời lượng và nội dung môn học

CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	NỘI DUNG
Chủ đề 1: Nghệ thuật đương đại thế giới	Bài 1: Trào lưu nghệ thuật đương đại thế giới	2	– Thực hành: Thực hiện sản phẩm mỹ thuật (SPMT) theo phong cách nghệ thuật yêu thích. – Chủ đề: Tự chọn. – Thể loại: Hội hoạ, nghệ thuật Sắp đặt. – Mục tiêu: + Nhận biết được đặc điểm một số trào lưu nghệ thuật đương đại thế giới. + Vận dụng được hình thức tạo hình của trào lưu đương đại trong thực hành sản phẩm. + Trình bày được ý tưởng thực hiện SPMT theo phong cách đương đại. + Có ý thức trân trọng giá trị các tác phẩm nghệ thuật đương đại.
	Bài 2: Tác phẩm nghệ thuật đương đại	2	– Thực hành: Thiết kế SPMT thời trang. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Hội hoạ tích hợp với Đồ hoạ, Thiết kế thời trang, Thiết kế công nghiệp . – Mục tiêu: + Bước đầu hiểu được phong cách sáng tạo của một số tác phẩm nghệ thuật đương đại. + Vận dụng được phong cách sáng tạo của nghệ thuật đương đại trong thực hành sản phẩm. + Trình bày được ý tưởng sáng tạo SPMT. + Có ý thức tìm hiểu về tác giả và phong cách sáng tạo tác phẩm nghệ thuật đương đại.

Chủ đề 2: Sức khoẻ cộng đồng	Bài 3: Vẻ đẹp ngành y	2	– Thực hành: Vẽ chân dung y – bác sĩ. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Hội hoạ, Điêu khắc. – Mục tiêu: + Nhận thức được vẻ đẹp của ngành y trong cuộc sống đời thường và trong tác phẩm nghệ thuật. + Xây dựng được ý tưởng sáng tạo và thực hành tạo được SPMT mô phỏng chân dung y – bác sĩ có tỉ lệ phù hợp với nguyên mẫu. + Phân tích đặc điểm của sản phẩm sáng tạo với nguyên mẫu được mô phỏng. + Trân trọng những đóng góp, hi sinh của đội ngũ y – bác sĩ trong hoạt động bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.
	Bài 4: Thiết kế truyền thông y tế	2	– Thực hành: Thiết kế sản phẩm truyền thông y tế. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Đồ hoạ. – Mục tiêu: + Hiểu được vai trò thiết kế truyền thông trong tuyên truyền, quảng bá hoạt động y tế. + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng và khoa học công nghệ để sáng tạo SPMT phù hợp với mục đích truyền thông. + Phân tích, đánh giá và sử dụng được thông điệp hình ảnh, chữ để giới thiệu, truyền thông sản phẩm. + Có ý thức tuyên truyền và cùng chung tay bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.
Chủ đề 3: Xây dựng đô thị	Bài 5: Kiến trúc đô thị	2	– Thực hành: Sản phẩm kiến trúc đô thị 2D, 3D. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Kiến trúc. – Mục tiêu: + Nhận biết được tỉ lệ của hình, khối, màu sắc và không gian trong kiến trúc đô thị. + Thể hiện được hình khối, màu sắc và không gian của kiến trúc đô thị trong sản phẩm thực hành. + Phân tích vẻ đẹp hài hoà của hình, khối, màu sắc, không gian trong sản phẩm kiến trúc đô thị. + Có ý thức tuyên truyền bảo vệ không gian sống xanh, sạch, đẹp, phù hợp truyền thống văn hoá vùng miền.

	Bài 6: Vẻ đẹp của người công nhân xây dựng	2	– Thực hành: Vẽ hoặc in tranh chủ đề công nhân xây dựng. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Hội hoạ tích hợp với Đồ hoạ. – Mục tiêu: + Hiểu được đặc điểm, hình dáng, màu sắc, công việc của người công nhân trong môi trường xây dựng. + Vận dụng được các hình ảnh từ thực tiễn để xây dựng bố cục sản phẩm tranh in. + Phân tích được ý tưởng, cách thức thực hiện sản phẩm tranh in. + Có ý thức tìm hiểu và trân trọng vẻ đẹp người công nhân xây dựng thông qua tác phẩm mỹ thuật.
Chủ đề 4: Bảo vệ Tổ quốc	Bài 7: Hình tượng bộ đội trong sáng tạo nghệ thuật	2	– Thực hành: Vẽ hoặc xé dán tranh đề tài bộ đội. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc. – Mục tiêu: + Nhận biết được vẻ đẹp của hình tượng bộ đội trong cuộc sống và trong tác phẩm. + Xây dựng được bố cục từ hình ảnh thực để thực hiện SPMT. + Phân tích vẻ đẹp của SPMT qua các yếu tố tạo hình. + Hiểu được vai trò, nhiệm vụ của bộ đội trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
	Bài 8: Biển đảo Việt Nam	2	– Thực hành: Vẽ tranh chủ đề biển đảo Việt Nam. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Hội hoạ, Điêu khắc. – Mục tiêu: + Nhận thức và hiểu được vẻ đẹp cùng sự đa dạng, phong phú của biển đảo Việt Nam, xác định được đối tượng sáng tạo. + Vận dụng được hình ảnh thực tiễn để xây dựng ý tưởng và thực hành sáng tạo. + Phân tích được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật; nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật. + Biết lan toả ý thức gìn giữ cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quê hương.
Trưng bày cuối học kì 1		1	

Chủ đề 5: Nghệ thuật đương đại Việt Nam	Bài 9: Đặc điểm nghệ thuật đương đại Việt Nam	2	– Thực hành: Thực hiện SPMT phong cách đương đại. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Điêu khắc, Nghệ thuật Sắp đặt tích hợp Lí luận và Lịch sử mỹ thuật. – Mục tiêu: + Nhận biết được một số đặc điểm nghệ thuật đương đại Việt Nam. + Xây dựng được ý tưởng và thực hành sáng tạo sản phẩm theo phong cách nghệ thuật Sắp đặt. + Chia sẻ được ý tưởng sáng tạo về sản phẩm nghệ thuật Sắp đặt. + Có ý thức tìm hiểu về nghệ thuật đương đại Việt Nam.
	Bài 10: Thiết kế đương đại Việt Nam	2	– Thực hành: Thiết kế tạo dáng sản phẩm ứng dụng phong cách đương đại. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Thiết kế công nghiệp tích hợp Lí luận và Lịch sử mỹ thuật, Mỹ thuật ứng dụng. – Mục tiêu: + Biết được đặc điểm tạo hình của một số tác phẩm thiết kế đương đại Việt Nam. + Xây dựng ý tưởng và tạo được sản phẩm thiết kế mỹ thuật theo phong cách đương đại. + Trao đổi được ý tưởng thiết kế và công năng của SPMT. + Trân trọng sự đóng góp của các nghệ sĩ đương đại trong lĩnh vực thiết kế.
Chủ đề 6: Nghệ thuật biểu diễn	Bài 11: Thiết kế tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn	2	– Thực hành: Thiết kế tờ gấp. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Thiết kế đồ hoạ. – Mục tiêu: + Nhận biết được đặc điểm, mục đích, thông điệp trong thiết kế tờ gấp quảng cáo nghệ thuật biểu diễn. + Vận dụng hài hoà được các yếu tố và nguyên lí tạo hình như: hình, mảng, chữ, màu,... để thiết kế tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn. + Phân tích, chia sẻ được kĩ thuật thể hiện và xu hướng thẩm mỹ đương đại trong thiết kế tờ gấp. + Hiểu được vai trò quan trọng của truyền thông trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

	Bài 12: Nghệ thuật múa rối nước	2	– Thực hành: Mô phỏng con rối nước. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Điều khắc tích hợp Hội hoạ. – Mục tiêu: + Nhận biết được cấu trúc, đặc điểm tạo hình, chuyển động của nhân vật rối nước. + Xây dựng được phương án và thiết kế được sản phẩm có tỉ lệ, kích thước phù hợp với hoạt cảnh biểu diễn. + Trình bày được ý tưởng và kĩ thuật thực hiện sản phẩm rối nước. + Gìn giữ và phát huy được những giá trị văn hoá của dân tộc.
Chủ đề 7: Mĩ thuật ứng dụng	Bài 13: Nghệ thuật gốm đương đại	2	– Thực hành: Thực hành sản phẩm đĩa gốm. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Thiết kế công nghiệp. – Mục tiêu: + Hiểu được các đặc điểm, chất liệu, công năng của gốm đương đại. + Xây dựng ý tưởng và tạo hình được sản phẩm gốm đương đại. + Phân tích được vẻ đẹp và vai trò của sản phẩm gốm đương đại. + Biết trân trọng giá trị nghệ thuật gốm truyền thống và đương đại.
	Bài 14: Thiết kế bao bì sản phẩm	2	– Thực hành: Thiết kế sản phẩm bao bì. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Thiết kế đồ hoạ tích hợp Hội hoạ, Lí luận và Lịch sử mĩ thuật. – Mục tiêu: + Hiểu được các đặc điểm nhận diện thương hiệu trên bao bì sản phẩm. + Xây dựng được ý tưởng, phác thảo và thiết kế được bao bì sản phẩm. + Phân tích được kết cấu và các thành phần thiết kế trên sản phẩm bao bì. + Biết trân trọng giá trị thẩm mĩ và có ý thức trong việc sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

Chủ đề 8: Hướng nghịep	Bài 15: Ngành nghề thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng	2	– Thực hành: Viết bài luận. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Lí luận và Lịch sử mĩ thuật. – Mục tiêu: + Liệt kê được một số ngành nghề thuộc hoặc liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng. + Viết được một bài luận (hoặc vẽ được bản đồ tư duy, thực hiện được một đoạn phim ngắn) giới thiệu ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng. + Bước đầu hình thành được định hướng nghề theo sở thích cá nhân. + Hiểu được vai trò, ý nghĩa và phát huy năng lực sáng tạo Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống văn hoá xã hội.
	Bài 16: Đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng	2	– Thực hành: Thiết kế SPMT ứng dụng hoặc viết bài luận. – Chủ đề: Văn hoá xã hội. – Thể loại: Lí luận và Lịch sử mĩ thuật tích hợp Thiết kế công nghiệp, Thiết kế đồ hoạ, Thiết kế thời trang, Thiết kế sân khấu, điện ảnh, Mĩ thuật đa phương tiện. – Mục tiêu: + Hiểu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng. + Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể. + Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân. + Biết trân trọng giá trị của các ngành nghề thuộc hoặc liên quan lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng.
	Tổng kết	2	

PHẦN HAI

THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

CHỦ ĐỀ 1

NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI THẾ GIỚI Số tiết: 04

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Qua quá trình tìm hiểu chủ đề nghệ thuật đương đại thế giới, các em hiểu sơ lược về giai đoạn phát triển các trào lưu nghệ thuật đương đại và sự đóng góp của một số trào lưu nghệ thuật ứng dụng vào đời sống hằng ngày. Các em bước đầu làm quen với một số trào lưu nghệ thuật như nghệ thuật Địa hình, nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Tối giản, nghệ thuật Ý niệm, nghệ thuật Đại chúng, ... qua đó vận dụng được phong cách thể hiện của các trào lưu nghệ thuật đương đại vào thực hành sáng tạo sản phẩm của mình.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Nhận biết được đặc điểm một số trào lưu nghệ thuật đương đại thế giới.
- Vận dụng được hình thức phong cách tạo hình của trào lưu đương đại trong thực hành sản phẩm.
- Trình bày được ý tưởng sáng tạo SPMT theo phong cách đương đại.
- Có ý thức trân trọng giá trị các tác phẩm nghệ thuật đương đại.
- Bước đầu hiểu được phong cách sáng tạo của một số tác phẩm nghệ thuật đương đại.
- Vận dụng được phong cách sáng tạo của nghệ thuật đương đại trong thực hành sản phẩm.
- Trình bày được ý tưởng sáng tạo SPMT.
- Có ý thức tìm hiểu về tác giả và phong cách sáng tạo tác phẩm nghệ thuật đương đại.

BÀI 1: TRÀO LƯU

NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI THẾ GIỚI (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm một số trào lưu nghệ thuật đương đại thế giới.
- Vận dụng được hình thức phong cách tạo hình của trào lưu đương đại trong thực hành sản phẩm.
- Trình bày được ý tưởng sáng tạo SPMT theo phong cách đương đại.
- Có ý thức trân trọng giá trị các tác phẩm nghệ thuật đương đại.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát tranh ảnh của trào lưu nghệ thuật đương đại thế giới và thảo luận tìm ra nét đặc trưng của trào lưu đó. – Hướng dẫn HS cách tạo ra sản phẩm mang phong cách nghệ thuật đương đại. – Tổ chức cho HS thực hành tạo ra sản phẩm mang phong cách nghệ thuật đương đại. – Trưng bày, phân tích, đánh giá.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

- Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được các tác phẩm tiêu biểu thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại; nắm bắt được những đặc điểm, tính chất của phong cách tạo hình tiêu biểu.
- Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được một SPMT theo trào lưu nghệ thuật đương đại thế giới qua cảm nhận của cá nhân bằng các yếu tố tạo hình: đường nét, hình khối, màu sắc,... trong SPMT; phân tích được một số nguyên lý tạo hình được sử dụng trong bài thực hành của bạn, qua đó, cảm thụ được vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống.
- Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; nêu được hướng phát triển mở rộng cho sản phẩm bằng nhiều chất liệu; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

- Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét,...
- Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào sản phẩm.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu thiên nhiên, cuộc sống muôn màu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.
- Cảm nhận được cảnh đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp của cuộc sống qua tác phẩm thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập; biết yêu quý và phát huy giá trị nghệ thuật từ việc học tập và tìm hiểu về nghệ thuật thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số phiên bản tác phẩm thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, giấy bìa, màu vẽ, bút vẽ,...
- Sơ tư tằm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được chủ đề tác phẩm, ý tưởng và hình thức thể hiện, đặc điểm, phong cách qua quan sát các tác phẩm thuộc nghệ thuật đương đại.

b. Nội dung hoạt động:

- HS quan sát các tác phẩm thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại trong SGK trang 5 hoặc SPMT do GV chuẩn bị, qua đó, nhận thức, khai thác và hình thành ý tưởng thể hiện SPMT về chủ đề phong cảnh thiên nhiên theo phong cách nghệ thuật đương đại.
- GV hướng dẫn HS quan sát, đặt câu hỏi định hướng về những nội dung liên quan đến chủ đề trong SGK trang 5 – 7.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, có kiến thức về việc khai thác hình ảnh theo phong cách nghệ thuật đương đại, từ đó hình thành được ý tưởng sáng tạo.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi xem tranh và đoán tên của trào lưu nghệ thuật đương đại hoặc cho HS kể tên những trào lưu nghệ thuật đương đại mà mình biết. – Giới thiệu hình ảnh về nghệ thuật Địa hình, nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Ý niệm, nghệ thuật Tối giản, nghệ thuật Đại chúng; yêu cầu HS (cá nhân/ nhóm) quan sát các hình ảnh trong SGK trang 5 – 7 hoặc hình ảnh do GV sưu tầm; gợi ý cho HS tìm hiểu về nét đặc trưng của từng loại hình nghệ thuật và giá trị của chúng trong đời sống hằng ngày. – Có thể gợi mở để HS nắm bắt được nội dung câu hỏi liên quan đến các loại hình nghệ thuật này. – Triển khai tiếp hoạt động quan sát và tìm hiểu về trào lưu nghệ thuật đương đại qua từng trào lưu nghệ thuật cụ thể: + Nghệ thuật Địa hình (Land art) với tác phẩm <i>Đề chấn sóng hình xoáy ốc</i> (1970): Từ cuối thập niên 1960, vấn đề về môi trường như nạn phá rừng, ô nhiễm, tuyệt chủng động thực vật đã gây nhiều tranh luận trong công chúng. Nhiều nghệ sĩ đã tạo ra những tác phẩm trực tiếp trên mặt đất, trong rừng,...	– Tham gia trò chơi theo sự hướng dẫn của GV. – Quan sát tìm hiểu những tác phẩm trong SGK trang 5 – 7. – Thảo luận nhóm theo sự hướng dẫn của GV. – Trả lời câu hỏi và ghi nhớ kết luận về đặc điểm của trào lưu nghệ thuật đương đại thế giới. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các tác phẩm theo gợi ý của GV.

để gửi gắm những thông điệp của mình. Robert Smithson (1938 – 1973) là một trong số các nghệ sĩ đó. Năm 1970, ông cho ra đời một công trình bằng đất có tên *Đê chắn sóng hình xoáy ốc* diễn tả một đường xoáy ốc dài 457 m, rộng 4,6 m, làm từ đất và đá bazan, cuộn tròn trong hồ Great Salt ở bang Utah, Hoa Kỳ. Vị trí thực hiện tác phẩm được chọn ở phần hồ nơi hình tượng con đê chắn sóng sẽ xuất hiện hoặc biến mất tùy theo sự dao động của mực nước. Những tảng đá bazan cũng đổi màu khi bị muối phủ lên, giúp người xem chiêm nghiệm sự tái định hình tác phẩm do thiên nhiên tác động.

+ Nghệ thuật Sắp đặt (Installation art) với tác phẩm *Đại bàng nâu* (1977): Đây là tác phẩm được thực hiện bằng sợi dây và sợi salu (một loại sợi có nguồn gốc từ cây xương rồng sisan) với phương pháp dệt thủ công truyền thống. Tác phẩm được treo lơ lửng trong không gian như hình một con chim đang bay. Trong quá trình thực hiện tác phẩm, nghệ sĩ Aurèlia Muñoz đã thử nghiệm các phương pháp mô hình hoá không gian kiến trúc thông qua vật liệu sợi và chuyển tải hình thức thể hiện từ chức năng (tắm vải) đến điêu khắc và môi trường (tác phẩm nghệ thuật). Hình tượng đại bàng phản ánh văn hoá và được kết nối như một biểu tượng của Barcelona.

+ Nghệ thuật Tối giản (Minimalism art) với tác phẩm *Homage to the Square* (1968 – 1972): Đây là loạt tác phẩm có bố cục đơn giản, gồm các hình vuông lặp đi lặp lại với những màu sắc khác nhau. Mỗi hình vuông lớn đều có các hình vuông nhỏ lồng vào nhau, kết hợp với hiệu ứng quang học tạo thành mối quan hệ màu sắc.

+ Nghệ thuật Ý niệm (Conceptual art) với tác phẩm *Cấu trúc hình học mở* (1979): Từ những năm 1960, Sol LeWitt tạo ra các cấu trúc hình học 3 chiều bằng cách sử dụng đơn vị hình học cơ bản là hình vuông hoặc khối lập phương làm cấu trúc chính. Ông sáng tạo tác phẩm dựa trên ý tưởng đã định trước và cho rằng cách thức này giúp người nghệ sĩ tránh được tính chủ quan. Tác phẩm *Cấu trúc hình học mở* gồm 5 khối cơ bản: vuông, tam giác, chữ nhật, thang, bình hành. Chúng là phép ngoại suy 3 chiều của các hình 2 chiều.

+ Nghệ thuật Đại chúng (Pop art) với tác phẩm *Shot Sage Blue Marilyn* (1964): Ở thập niên 60 của thế kỉ XX, sự nghiệp sáng tác của Andy Warhol được đánh dấu bằng việc sử dụng phương pháp in lụa phóng đại hình ảnh chân dung của Marilyn Monroe, Liz Taylor hoặc hình ảnh về Campbell's Soup Cans,... Đây là cách tiếp cận ban đầu để minh hoạ nhân vật hoặc hình tượng cơ bản nhất.

Bắt nguồn từ hình chụp cho bộ phim Niagara năm 1953 của Marilyn Monroe, trước khi thực hiện tác phẩm <i>Shot Sage Blue Marilyn</i>, Andy Warhol đã trưng bày 50 bản in lụa Marilyn Monroe giống nhau. Những tác phẩm <i>Shot Sage Blue Marilyn</i> được sáng tác năm 1964 gồm 5 bản in với các màu nền tương phản khác nhau. – GV kết luận theo nội dung được trình bày trong SGK: Trào lưu nghệ thuật đương đại ra đời từ giữa thế kỉ XX trên quan điểm tự do sáng tạo, đa dạng về hình thức, chất liệu, xoá bỏ khoảng cách giữa tác phẩm và người xem. Tác phẩm là không gian người nghệ sĩ tạo ra nhằm đem đến những trải nghiệm thực tế cho công chúng. Nhiều hình thức nghệ thuật mới được thử nghiệm như nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Trình diễn (Performance art), nghệ thuật Ý niệm, nghệ thuật Đại chúng, nghệ thuật Tối giản, nghệ thuật Số (Digital art), nghệ thuật Hình ảnh động (Video art), nghệ thuật Địa hình,...	
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS vận dụng phong cách nghệ thuật đương đại thể hiện được SPMT bằng hình thức sắp đặt. b. Nội dung hoạt động: – GV hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện SPMT theo phong cách nghệ thuật đương đại trong SGK trang 8. – HS quan sát, tìm hiểu các bước và thực hiện SPMT. c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được SPMT bằng hình thức sắp đặt, trình diễn, dán ghép hoặc vẽ từ vật liệu thân thiện với môi trường hoặc vật liệu tái sử dụng có sẵn tại địa phương. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thực hiện một SPMT bằng hình thức sắp đặt, trình diễn, dán ghép hoặc vẽ từ vật liệu thân thiện với môi trường hoặc vật liệu tái sử dụng có sẵn tại địa phương; yêu cầu HS mở SGK trang 8, cho HS quan sát về các bước thực hiện một SPMT thể hiện theo phong cách nghệ thuật đương đại; giúp HS lựa chọn chất liệu để thực hiện bài. – Giúp HS lựa chọn hình thức và chất liệu để thực hành SPMT theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. – Cho HS thực hành SPMT theo hình thức cá nhân, chất liệu tự chọn. Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng và phác hình. 2. Lựa chọn lá cây khác nhau về hình dáng, màu sắc. 3. Xếp hình theo ý tưởng. 4. Hoàn thiện sản phẩm.	– Tìm hiểu các bước thực hiện SPMT theo phong cách nghệ thuật đương đại. – Thảo luận nhóm tìm hiểu về cách thể hiện hình ảnh màu sắc theo phong cách nghệ thuật đương đại. – Thực hành tạo ra SPMT.

– Bài tập thực hành: Thực hiện một SPMT theo phong cách nghệ thuật yêu thích bằng hình thức vẽ, sắp đặt, trình diễn, dán ghép,... từ vật liệu tái sử dụng hoặc vật liệu tổng hợp thân thiện với môi trường. – Cho HS tham khảo một số SPMT minh hoạ liên quan tới chủ đề bài học. Có thể tham khảo SPMT của HS trong SGK trang 9.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn; góp ý giúp bạn xây dựng ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm và nhận xét, góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – Yêu cầu HS mở SGK trang 9 và trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Đặc điểm về màu sắc, chủ đề, chất liệu trong SPMT của bạn. + Việc vận dụng phong cách nghệ thuật đương đại trong SPMT của bạn. – Gợi ý xây dựng ý tưởng hoàn thiện sản phẩm cho HS.	– Trưng bày và chia sẻ với bạn về ý tưởng, cách thể hiện SPMT của mình. – Góp ý và gợi ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kĩ năng, kiến thức trong chủ đề để tìm chất liệu định hướng hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về một số chất liệu dễ tìm như màu nước, màu sáp, giấy màu, đất sét, lá cây, giấy báo,... để định hướng thể hiện màu hoàn thiện sản phẩm mang phong cách nghệ thuật đương đại.

c. Sản phẩm học tập: Lựa chọn được chất liệu thể hiện, xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Gợi ý định hướng các chất liệu thường gặp tại địa phương có thể sử dụng vào hoàn thiện sản phẩm như màu nước, màu sáp, giấy màu, đất sét, lá cây, giấy báo,...	Lựa chọn được chất liệu phù hợp để hoàn thiện sản phẩm.

– củng cố kiến thức bài học: Trào lưu nghệ thuật đương đại ra đời trên quan điểm tự do sáng tạo, đa dạng về hình thức, chất liệu, xoá bỏ khoảng cách giữa tác phẩm và người xem. Tác phẩm là không gian người nghệ sĩ tạo ra nhằm đem đến những trải nghiệm thực tế cho công chúng.

– Dặn dò: Tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật đương đại của họa sĩ Yayoi Kusama, Nhật Bản. Mang bài vẽ và hoạ phẩm để hoàn thiện sản phẩm.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được đặc điểm, phong cách qua quan sát các tác phẩm thuộc phong cách nghệ thuật đương đại.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát các tác phẩm thuộc phong cách nghệ thuật đương đại, qua đó, nhận thức, khai thác và hình thành ý tưởng hoàn thiện sản phẩm của mình.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, có kiến thức về việc khai thác hình ảnh phong cách nghệ thuật đương đại, hình thành được ý tưởng hoàn thiện SPMT.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Gợi ý cho HS trình bày phần tìm hiểu ở tiết 1 về hình thức nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Trình diễn, nghệ thuật Ý niệm, nghệ thuật Đại chúng, nghệ thuật Tối giản, nghệ thuật Số, nghệ thuật Hình ảnh động, nghệ thuật Địa hình,... – Giúp HS xây dựng được ý tưởng hoàn thiện SPMT.	– Thảo luận tìm hiểu về phong cách thể hiện của nghệ thuật Sắp đặt. – Đưa ra được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm của mình theo phong cách nghệ thuật Sắp đặt.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: Ôn lại các bước thể hiện sản phẩm theo phong cách nghệ thuật Sắp đặt và thực hành hoàn thiện sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động: HS nhắc lại các bước thực hiện và hoàn thiện SPMT theo phong cách nghệ thuật Sắp đặt.

c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được SPMT được thể hiện theo phong cách nghệ thuật Sắp đặt.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại các bước tạo SPMT. – Giúp HS hoàn thiện bài tập thực hành của tiết trước.	– Nhắc lại các bước thực hành tạo SPMT và thực hành hoàn thiện sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS biết cách trình bày ý tưởng, nhận xét, đánh giá được SPMT của mình và của bạn; trình bày được cách vận dụng hình thức tạo hình đương đại trong thực hành sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS quan sát SPMT.
- HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 9.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày theo hình thức nhóm. – Yêu cầu HS mở SGK trang 9 và trình bày quan điểm cá nhân theo nội dung: + Trình bày ý tưởng thực hiện SPMT của em hoặc nhóm theo phong cách đương đại. + Nêu vật liệu mà em hoặc nhóm dự kiến sử dụng để tạo hình sản phẩm. Lí do lựa chọn vật liệu này. + Trình bày cách em hoặc nhóm vận dụng hình thức tạo hình đương đại trong thực hành sản phẩm. + Nêu cảm nhận của em về SPMT của bạn. Lưu ý: Tùy vào số HS thực tế của lớp học, GV tổ chức thảo luận theo cách cho từng HS phát biểu hoặc phát biểu theo nhóm.	– Trưng bày SPMT theo hướng dẫn của GV. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các SPMT theo gợi ý: + Nêu cảm nhận về bố cục, cách sắp đặt, hình vẽ, đường nét, màu sắc trong bài thực hành của bạn. + Nêu cảm nhận sau tiết học. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân. – Nhận xét đóng góp ý kiến cho bạn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS nắm được một số thông tin về tác phẩm nghệ thuật đương đại của họa sĩ Nhật Bản Yayoi Kusama.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số tác phẩm nghệ thuật đương đại của họa sĩ Yayoi Kusama.

c. Sản phẩm học tập: HS hiểu được sự sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật đương đại của họa sĩ Yayoi Kusama, từ đó ứng dụng sáng tạo vào thực hành SPMT của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Gợi ý cho HS hướng tìm hiểu qua sách, báo, internet,... và giới thiệu tác phẩm đương đại của họa sĩ Yayoi Kusama theo gợi ý: + Hình thức sáng tạo tác phẩm. + Tên tác phẩm, chất liệu sử dụng. + Hình thức trưng bày và địa điểm đặt/ giới thiệu tác phẩm.	– Tìm hiểu nội dung bài học và trình bày trước lớp về thông tin đã tìm hiểu được. – Thảo luận nhóm, giới thiệu về tác phẩm đương đại của họa sĩ Yayoi Kusama.

– GV mở rộng kiến thức: Yayoi Kusama (1929) được coi là một trong những họa sĩ Nhật Bản nổi tiếng nhất thế giới, hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực điêu khắc, hội họa, thời trang, nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Trình diễn,... Tác phẩm đương đại *Bí ngô nhảy múa* (2021), *Tôi muốn bay vào vũ trụ* (2021) và một số tác phẩm khác đưa người xem vào thế giới ảo giác theo quan điểm của Yayoi Kusama: “Các chấm bi mang hình dáng của Mặt Trời – biểu tượng cho nguồn năng lượng của toàn thế giới và sự sống con người. Nó đồng thời mang hình dáng của Mặt Trăng – hiện hoả về bản chất, tròn, mềm, đa sắc, vô tri và không thể xác định. Những chấm bi bắt đầu chuyển động, chấm bi là một phương tiện để đi đến vô hạn”. Những chấm bi thể hiện trong hai tác phẩm *Bí ngô nhảy múa*, *Tôi muốn bay vào vũ trụ* đưa người xem vào thế giới của những ảo mộng, sự vô hạn và không gian của những đốm màu.

– củng cố kiến thức bài học: nhắc lại kiến thức bài học

– Dặn dò: Tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật đương đại. sưu tầm tranh ảnh, bài viết liên quan đến bài học, đem đủ đồ dùng học tập để học bài 2 tác phẩm nghệ thuật đương đại.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 2: TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Bước đầu hiểu được phong cách sáng tạo của một số tác phẩm nghệ thuật đương đại.
- Vận dụng được phong cách sáng tạo của nghệ thuật đương đại trong thực hành sản phẩm.
- Trình bày được ý tưởng sáng tạo SPMT.
- Có ý thức tìm hiểu về tác giả và phong cách sáng tạo tác phẩm nghệ thuật đương đại.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát các tác phẩm nghệ thuật đương đại và thảo luận tìm ra nét đặc trưng, phong cách sáng tạo của nghệ thuật đương đại. – Hướng dẫn HS cách tạo ra sản phẩm mang phong cách nghệ thuật đương đại. – Tổ chức cho HS thực hành tạo ra sản phẩm mang phong cách nghệ thuật đương đại. – Trưng bày, phân tích, đánh giá.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được các tác phẩm tiêu biểu thuộc nghệ thuật đương đại; nắm bắt được những đặc điểm, tính chất của phong cách tạo hình tiêu biểu trong nghệ thuật đương đại.

– Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được SPMT theo phong cách nghệ thuật đương đại qua cảm nhận của cá nhân bằng các yếu tố tạo hình: đường nét, hình khối, màu sắc,...; biết và phân tích được một số nguyên lý tạo hình được sử dụng trong bài thực hành của bạn, qua đó, cảm thụ được vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống.

– Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; nêu được hướng phát triển mở rộng cho sản phẩm bằng nhiều chất liệu; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét,...

– Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào thực hành SPMT.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu thiên nhiên, cuộc sống muôn màu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.
- Cảm nhận được cảnh đẹp thiên nhiên, cuộc sống em qua tác phẩm thuộc nghệ thuật đương đại và biết ứng dụng SPMT vào thực tế cuộc sống.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa,... trong thực hành, sáng tạo, tích cực tự giác và nỗ lực học tập; biết yêu quý và phát huy giá trị nghệ thuật đương đại từ việc học tập và tìm hiểu.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số phiên bản tác phẩm nghệ thuật đương đại.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, giấy bìa, màu vẽ, bút vẽ,...
- Sơ tư tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ôn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được ý tưởng sáng tạo, phong cách nghệ thuật và đặc điểm tạo hình của tác phẩm qua quan sát một số tác phẩm nghệ thuật đương đại thế giới.

b. Nội dung hoạt động:

- HS quan sát một số tác phẩm nghệ thuật đương đại thế giới trong SGK trang 10, 11 (hoặc hình ảnh, tư liệu phim, video,... do GV chuẩn bị).
- GV đặt câu hỏi định hướng, hướng dẫn HS quan sát và thảo luận các nội dung về nghệ thuật đương đại thế giới trong SGK trang 10.

c. Sản phẩm học tập: HS có kiến thức về nghệ thuật đương đại, tác phẩm nghệ thuật đương đại, đặc điểm tạo hình, ý tưởng, phong cách nghệ thuật, từ đó hình thành được thành ý tưởng thể hiện SPMT.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV tổ chức cho các nhóm thi tài kể tên các tác phẩm nghệ thuật đương đại. – Giới thiệu một số tác phẩm nghệ thuật đương đại thế giới thuộc trào lưu nghệ thuật Đại chúng, nghệ thuật Ý niệm, nghệ thuật Tối giản, nghệ thuật Sắp đặt. – Yêu cầu HS (cá nhân hoặc nhóm HS) quan sát hình ảnh trong SGK trang 10, 11 hoặc hình ảnh do GV sưu tầm. – Gợi ý cho HS tìm hiểu một số tác phẩm nghệ thuật đương đại về ý tưởng, hình thức thể hiện, phong cách nghệ thuật và đặc điểm tạo hình; yêu cầu HS trả lời các câu hỏi liên quan đến bài học trong SGK trang 10. – Nhấn mạnh kiến thức đã được trình bày trong SGK trang 11: Mỗi nghệ sĩ có một phong cách nghệ thuật riêng thể hiện cá tính, tư duy và cách thức sáng tạo của tác giả. Phong cách nghệ thuật “phản ánh cảm xúc, tâm tính, trí tuệ, tài năng và quá trình lao động nghệ thuật của tác giả” (<i>Từ điển Thuật ngữ Mĩ thuật phổ thông</i>, NXB Giáo dục, 2007).	– Tham gia trò chơi. – Chia nhóm thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. – Đại diện nhóm trình bày phần thảo luận của nhóm. – Trả lời các câu hỏi. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các tác phẩm theo gợi ý của GV. – Kể tên những họa sĩ, tác phẩm tiêu biểu của nghệ thuật đương đại. – Rút ra được đặc điểm riêng của từng trường phái và xây dựng được ý tưởng tạo SPMT.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS vận dụng được phong cách sáng tạo của nghệ thuật đương đại trong thực hành SPMT, biết cách thiết kế một sản phẩm thời trang theo phong cách Đại chúng. b. Nội dung hoạt động: – HS quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện SPMT trong SGK trang 12. – HS chuẩn bị giấy, bút, chì, màu vẽ hoặc vật liệu phù hợp để thực hiện SPMT thời trang theo phong cách Đại chúng. c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm thiết kế thời trang theo phong cách Đại chúng. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức cho HS thực hiện một SPMT tự chọn theo hình thức cá nhân/ nhóm và giúp HS lựa chọn chất liệu để thực hiện bài. – Yêu cầu HS vận dụng phong cách nghệ thuật đương đại trong thực hành SPMT thiết kế một sản phẩm thời trang theo phong cách Đại chúng. – Tổ chức cho HS thiết kế SPMT theo phong cách đương đại, giúp HS lựa chọn hình thức và chất liệu để thực hiện. – Yêu cầu HS quan sát gợi ý các bước thực hiện một SPMT trong SGK trang 12.	– Quan sát, thảo luận và chỉ ra các bước tạo SPMT. – Đưa ra ý tưởng về SPMT mình định thể hiện. – Thực hành tạo một SPMT vận dụng trào lưu nghệ thuật Đại chúng. – Suy nghĩ và lưu ý gợi ý của GV để có thêm ý tưởng sáng tạo.

Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng và phác dáng người mẫu. 2. Tạo hình trang phục và vẽ chi tiết. 3. Vẽ màu trang phục theo phong cách đương đại. 4. Hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hãy thiết kế một sản phẩm theo trào lưu nghệ thuật đương đại bằng hình thức tự chọn. – Cho HS tham khảo một số SPMT vận dụng phong cách nghệ thuật Đại chúng và SPMT của HS trong SGK trang 13.	– Lựa chọn được chất liệu phù hợp.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn, trình bày được những cảm nhận về sản phẩm trước lớp.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm.
- HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 13.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày theo hình thức nhóm. – Yêu cầu HS mở SGK trang 13 và định hướng HS trình bày quan điểm cá nhân theo nội dung: + Nêu ý tưởng sáng tạo SPMT của em (hoặc nhóm em). + Trình bày cách vận dụng phong cách sáng tạo đương đại trong thực hành sản phẩm của em (hoặc nhóm em). + Nêu cảm nhận về SPMT của bạn (hoặc nhóm bạn). + Nêu ý tưởng chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm	– Thực hiện theo hướng dẫn của GV dựa vào nội dung hoạt động. – Trưng bày SPMT và chia sẻ ý tưởng, cách thực hiện sản phẩm của mình về: + Sự độc đáo của sản phẩm. + Nét nổi bật thể hiện phong cách đương đại trong SPMT. – Nêu ý tưởng chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS định hướng được ý tưởng hoàn thiện SPMT.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thể hiện và chọn chất liệu để hoàn thiện SPMT.

c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS sưu tầm hình ảnh các sản phẩm thiết kế thời trang theo phong cách đương đại. – Khuyến khích HS vận dụng, phát triển ý tưởng để hoàn thiện sản phẩm. – Gợi ý cho HS có thể tiếp tục hoàn thiện sản phẩm ở nhà để có nhiều thời gian tìm tòi, sáng tạo. – Tìm hiểu chất liệu và định hướng giúp HS lựa chọn chất liệu phù hợp hoàn thiện sản phẩm.	– Thực hiện theo hướng dẫn của GV dựa vào nội dung bài tập. – Lựa chọn chất liệu phù hợp hoàn thiện sản phẩm – Nêu ý tưởng chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm.

- củng cố kiến thức bài học: nhắc lại các bước thực hiện sản phẩm.
- Dặn dò: Chuẩn bị hoạ phẩm để hoàn thiện bài thực hành.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nhận biết được đặc điểm, hình thức sáng tạo của phong cách nghệ thuật đương đại.
- b. Nội dung hoạt động:** HS quan sát một số tác phẩm thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại, qua đó, nhận thức, khai thác và hình thành ý tưởng hoàn thiện SPMT theo phong cách nghệ thuật đương đại.
- c. Sản phẩm học tập:** SPMT thiết kế theo phong cách đương đại.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS (cá nhân/ nhóm) quan sát các hình ảnh trong SGK trang 10, 11 (hoặc hình ảnh sưu tầm), gợi ý cho HS tìm hiểu về cách thể hiện tác phẩm theo nghệ thuật Đại chúng, nghệ thuật Ý niệm, nghệ thuật Tối giản, nghệ thuật Sắp đặt. – Cho HS thảo luận về bài học theo gợi ý trong SGK. Có thể gợi mở để HS nắm bắt được nội dung chủ đề qua gợi ý về màu sắc, hình ảnh, cách thể hiện của trào lưu nghệ thuật đương đại. – Cho HS tiếp tục tìm hiểu một số sản phẩm thể hiện theo phong cách nghệ thuật đương đại.	– Quan sát thảo luận và trả lời câu hỏi. – Phân biệt cách thể hiện từng loại hình nghệ thuật thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS nắm được các bước thiết kế một sản phẩm thời trang theo phong cách nghệ thuật Đại chúng.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện SPMT trong SGK trang 12 và hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: SPMT thiết kế thời trang vận dụng phong cách nghệ thuật Đại chúng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Cho HS tham khảo một số bài tập vận dụng phong cách nghệ thuật đương đại. - Có thể tổ chức cho HS tham gia trò chơi sắp xếp các bước để ôn lại bài. Gợi ý các bước: - Xây dựng ý tưởng và phác dáng người mẫu. - Tạo hình trang phục và vẽ chi tiết. - Vẽ màu trang phục theo phong cách đương đại. - Hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu HS đưa ra ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.	- Tham gia hoạt động hoặc trò chơi do GV tổ chức. - Nhắc lại các bước thực hiện sản phẩm. - Nhận xét bài của mình, của bạn để tìm ra hướng hoàn thiện SPMT.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu:

- HS nêu được ý tưởng sáng tạo và cảm nhận được về SPMT của mình hoặc của bạn.
- HS trình bày được cách vận dụng phong cách tạo hình đương đại trong thực hành sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS quan sát SPMT.
- HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 13.

c. Sản phẩm học tập: Ý tưởng sáng tạo và cảm nhận về SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày theo hình thức nhóm. - GV yêu cầu HS xem SGK trang 13 và định hướng cho HS trình bày quan điểm cá nhân theo nội dung: - Ý tưởng sáng tạo SPMT của em hoặc nhóm theo phong cách đương đại. - Vật liệu em hoặc nhóm sử dụng để thiết kế sản phẩm. - Trình bày cách em hoặc nhóm vận dụng hình thức tạo hình đương đại trong thực hành sản phẩm. - Nêu cảm nhận về SPMT của bạn. Lưu ý: Tùy vào số HS thực tế của lớp học, GV tổ chức thảo luận theo cách cho từng HS phát biểu hoặc HS phát biểu theo nhóm.	- Thực hiện trưng bày sản phẩm theo hướng dẫn của GV. - Nêu cảm nhận về vẻ đẹp, các yếu tố mỹ thuật trong sản phẩm của mình, của bạn. - Chia sẻ cảm xúc cá nhân về sản phẩm. - Nêu ý tưởng sử dụng sản phẩm và đưa ra ý tưởng phát triển thành sản phẩm MT mới hoặc điều chỉnh để sản phẩm hoàn thiện hơn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý tưởng, chất liệu thể hiện trong sản phẩm thiết kế.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm thiết kế đương đại *Hình thức và chức năng* của nghệ sĩ Anders Ruhwald và *Bộ bàn lông* của nghệ sĩ Josef Albers trong SGK trang 13.
- GV có thể cho HS tham khảo thêm các sản phẩm thiết kế khác của cùng tác giả hoặc của một số nghệ sĩ tiêu biểu.

c. Sản phẩm học tập:

- HS hiểu được sự sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật đương đại của nghệ sĩ Anders Ruhwald và Josef Albers qua ý tưởng và chất liệu của sản phẩm thiết kế.
- HS vận dụng được sự hiểu biết từ nghệ thuật đương đại vào thực hành SPMT.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng cho HS tìm hiểu một số tác phẩm đương đại của nghệ sĩ Anders Ruhwald và Josef Albers theo gợi ý: + Ý tưởng sáng tạo trong tác phẩm <i>Hình thức và chức năng</i> của nghệ sĩ Anders Ruhwald và <i>Bộ bàn lông</i> của nghệ sĩ Josef Albers. + Chất liệu và hình thức sáng tạo tác phẩm là gì? + Ấn tượng của em về tác phẩm như thế nào? + Tác phẩm nghệ sĩ Anders Ruhwald và Josef Albers thể hiện phong cách đương đại ở điểm nào?	Các nhóm HS tìm hiểu và cử đại diện lên trình bày về ý tưởng, chất liệu thể hiện trong sản phẩm thiết kế.

– Củng cố kiến thức bài học: Mỗi nghệ sĩ có một phong cách nghệ thuật riêng thể hiện cá tính, tư duy và cách thức sáng tạo của tác giả. Phong cách nghệ thuật phản ánh cảm xúc, tâm tính, trí tuệ, tài năng và quá trình lao động nghệ thuật của tác giả.

– Dặn dò: HS đọc tìm hiểu chủ đề 2 *Sức khoẻ cộng đồng* và sưu tầm tranh ảnh, tờ rơi, chân dung nhân viên y tế,...

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Chủ đề *Sức khỏe cộng đồng* giúp các em tìm hiểu thêm về sự đa dạng, phong phú của lĩnh vực y tế cùng những đóng góp, hi sinh của đội ngũ y – bác sĩ trong hoạt động bảo vệ sức khỏe cộng đồng; nhận thức được vẻ đẹp của ngành y trong cuộc sống đời thường và trong tác phẩm nghệ thuật, từ đó có thể mô phỏng chân dung nhân vật hoạt động trong ngành y và thiết kế được SPMT truyền thông y tế ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày. Thông qua các hoạt động của chủ đề này, HS hiểu thêm về thiết kế truyền thông trên các phần mềm hỗ trợ, kết hợp với các yếu tố mỹ thuật như nét mảng, màu sắc, nhịp điệu, cách sắp xếp họa tiết, nguyên lý cân bằng và tương phản trong trang trí ứng dụng. Qua chủ đề, HS có thể trình bày được sự hiểu biết của mình về tính ứng dụng, vai trò của hội họa trong thiết kế.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Nhận thức được vẻ đẹp của ngành y trong cuộc sống đời thường và trong tác phẩm nghệ thuật. Hiểu được vai trò thiết kế truyền thông trong tuyên truyền, quảng bá hoạt động y tế.
- Xây dựng được ý tưởng sáng tạo và thực hành tạo được SPMT mô phỏng chân dung y – bác sĩ có tỉ lệ phù hợp với nguyên mẫu.
- Phân tích, đánh giá đặc điểm của sản phẩm sáng tạo với nguyên mẫu được mô phỏng và sử dụng được thông điệp hình ảnh, chữ để giới thiệu, truyền thông sản phẩm.
- Trân trọng những đóng góp, hi sinh của đội ngũ y – bác sĩ trong hoạt động bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng và khoa học công nghệ để sáng tạo SPMT phù hợp với mục đích truyền thông.
- Hiểu được vai trò thiết kế truyền thông trong tuyên truyền, quảng bá hoạt động y tế.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng và khoa học công nghệ để sáng tạo SPMT phù hợp với mục đích truyền thông.
- Phân tích, đánh giá và sử dụng được thông điệp hình ảnh, chữ để giới thiệu, truyền thông sản phẩm.
- Có ý thức tuyên truyền và cùng chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

BÀI 3: VẼ ĐẸP NGÀNH Y (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Nhận thức được vẻ đẹp của ngành y trong cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Xây dựng được ý tưởng sáng tạo và thực hành tạo được SPMT mô phỏng chân dung y – bác sĩ có tỉ lệ phù hợp với nguyên mẫu.
- Phân tích đặc điểm của sản phẩm sáng tạo với nguyên mẫu được mô phỏng.
- Trân trọng những đóng góp, hi sinh của đội ngũ y – bác sĩ trong hoạt động bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tạo cơ hội cho HS quan sát một số hình ảnh hoạt động của nhân viên y tế, tranh chân dung của y – bác sĩ; khuyến khích các em thảo luận về đặc điểm, phương pháp tạo hình, tỉ lệ, biểu cảm khuôn mặt, màu sắc trong tranh chân dung. – Gợi ý để HS cảm nhận về mẫu và chỉ ra cách vẽ tranh chân dung theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. – Khuyến khích và hỗ trợ HS thực hiện vẽ tranh chân dung màu. – Tổ chức cho HS trưng bày, phân tích và chia sẻ cảm nhận về phương pháp tạo hình, tỉ lệ, biểu cảm khuôn mặt, màu sắc trong tranh chân dung. – Khuyến khích HS đưa ra những ý tưởng về ứng dụng tranh chân dung trong cuộc sống.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

- Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp của y – bác sĩ cùng những đóng góp của ngành y trong đời sống hằng ngày; nắm được những hình ảnh mang nét đặc trưng, điển hình, khái lược, chắt lọc làm nổi bật nội dung chủ đề.
- Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thể hiện được SPMT với phong cách nghệ thuật Đại chúng, ứng dụng nghệ thuật Đại chúng vào cuộc sống hằng ngày; thiết kế được tờ rơi, áp phích, bản tin truyền truyền; biết cách sắp xếp bố cục hợp lí và thể hiện được sản phẩm bằng các hình thức khác nhau như vẽ trên giấy, thiết kế các phần mềm máy tính,...
- Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp và nêu được tính ứng dụng của SPMT trong đời sống hằng ngày; đưa ra được hướng phát triển

mở rộng SPMT bằng nhiều chất liệu, hình thức khác nhau; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

- Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.
- Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào tạo SPMT.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển khả năng tưởng tượng, bồi dưỡng tình cảm, trân trọng và yêu quý ngành y.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như giấy, cọ, màu vẽ,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực, tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.
- Biết chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật liệu để thực hành sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số tranh, ảnh và bài vẽ của HS.
- Các bước hướng dẫn tạo sản phẩm.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có)

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, màu vẽ, bút vẽ, tẩy, ...
- sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC	
a. Mục tiêu: HS nhận biết được vẻ đẹp và giá trị của ngành y trong đời sống. b. Nội dung hoạt động: – GV hướng dẫn HS quan sát các hình ảnh và định hướng cho HS thông qua các câu hỏi trong SGK trang 14, 15. – HS quan sát các tranh, ảnh trong SGK trang 14, 15 hoặc hình ảnh do GV sưu tầm, nắm được một số hoạt động cơ bản của nhân viên y tế, tìm hiểu chân dung của các y – bác sĩ Việt Nam và thế giới, từ đó các em cảm nhận được vẻ đẹp qua cách tạo hình trong tác phẩm của các họa sĩ và xây dựng được ý tưởng thể hiện SPMT của mình. c. Sản phẩm học tập: HS hình thành được ý tưởng thể hiện chân dung bác sĩ. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV cho HS tìm hiểu về những hoạt động thường ngày của nhân viên y tế qua trò chơi đoán hình. – Giới thiệu một số tranh ảnh và hoạt động thường ngày của y – bác sĩ trong SGK trang 14, 15. GV có thể sưu tầm thêm hình ảnh để mở rộng và đặt câu hỏi theo định hướng trong SGK để HS thảo luận về cách thể hiện sản phẩm. – Có thể lồng ghép một số trò chơi, sắm vai, đóng kịch,... cho tiết học thêm sinh động. – Căn cứ tình hình thực tế của lớp, có thể tổ chức hoạt động nhóm thảo luận. – Đưa ra các gợi ý thảo luận tìm hiểu về nội dung, màu sắc, bố cục như: + Kể tên các hoạt động của y – bác sĩ mà em biết. + Kể tên một số bác sĩ mà em biết. + Nêu những đóng góp của ngành y đối với cộng đồng. + Biểu cảm, hình dáng của các nhân vật. + Cách sắp xếp bố cục trong các tác phẩm. + Đặc điểm của các nhân vật. + Cách thể hiện hình khối, màu sắc, chất liệu trong tác phẩm. + Em hãy nêu cảm xúc của mình khi xem tác phẩm.	– Quan sát tranh ảnh và trả lời câu hỏi. – Chia nhóm thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Đại diện nhóm trình bày phần thảo luận của nhóm. – Nhận xét câu trả lời của nhóm bạn. – Lắng nghe GV truyền đạt kiến thức.

– GV nhấn mạnh kiến thức: Để thể hiện một tác phẩm hoặc SPMT chân dung mô phỏng, cần chú ý khai thác đặc điểm riêng của nhân vật bằng các yếu tố và nguyên lí tạo hình: đường nét, mảng, khối, nhịp điệu, chất liệu,...	
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS nắm được các bước mô phỏng chân dung bác sĩ theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. b. Nội dung hoạt động: – GV hướng dẫn HS các bước mô phỏng chân dung bác sĩ Yersin theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. – HS thực hành tạo sản phẩm chân dung bác sĩ mình yêu thích với chất liệu tự chọn. c. Sản phẩm học tập: SPMT chân dung bác sĩ yêu thích theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV Hướng dẫn HS các bước mô phỏng chân dung bác sĩ Yersin có tỉ lệ phù hợp với nguyên mẫu theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. – HS lựa chọn nguyên mẫu y – bác sĩ mà mình yêu thích để thực hiện SPMT bằng chất liệu tự chọn. Gợi ý các bước: 1. Quan sát, tìm đặc điểm của nhân vật qua ảnh. 2. Mô phỏng chân dung bằng nét. 3. Chia mảng để thể hiện màu. 4. Vẽ màu và hoàn thiện sản phẩm. – GV tóm tắt kiến thức: Chân dung của mỗi người đều có đặc điểm, biểu cảm khác nhau. Vì vậy, khi vẽ chân dung, cần thể hiện được những đặc điểm riêng của mẫu nhằm đem lại cảm xúc cho người xem. – Bài tập thực hành: Hãy mô phỏng chân dung một nhân vật hoạt động trong ngành y theo phong cách Đại chúng mà em biết. – GV cho HS tham khảo một số sản phẩm trong SGK trang 17 và các sản phẩm do GV sưu tầm. – Giao nhiệm vụ cho HS thực hiện một sản phẩm tranh chân dung mà mình thích. – Theo dõi và hỗ trợ HS khi cần thiết. (Sản phẩm của HS trong Tiết 1 có thể dừng ở bước 2.)	– Quan sát, thảo luận nhóm. – Tham khảo các bước mô phỏng chân dung bác sĩ Yersin theo phong cách nghệ thuật Đại chúng trong SGK trang 16. – Ghi nhớ các bước thực hiện mô phỏng chân dung theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. – Thực hành bài tập theo sự hướng dẫn của GV.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS biết nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn. Trình bày những cảm nhận của mình trước nhóm.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát và thảo luận về SPMT.

c. Sản phẩm học tập: Cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn một số bài vẽ treo lên bảng và hướng dẫn HS nhận xét theo gợi ý: + Nêu cảm nhận của em về cách mô phỏng tranh chân dung của bạn. + Em có ý tưởng gì cho phần hoàn thiện các bài vẽ trên? – Bổ sung, nhận xét câu trả lời của HS.	– Quan sát một số bài vẽ treo trên bảng của các bạn. – Chia sẻ cảm nhận, ý tưởng của bản thân về các bài vẽ của bạn. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Tìm hiểu đặc điểm của tranh chân dung và cách hoàn thiện sản phẩm

b. Nội dung hoạt động: Vẽ tranh chân dung.

c. Sản phẩm học tập: Xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khuyến khích HS vận dụng, phát triển ý tưởng để hoàn thiện sản phẩm. – Cho HS tìm hiểu về chất liệu và lựa chọn hoạ phẩm hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2. – Hướng dẫn HS hướng tìm hiểu qua sách báo, internet,... viết giới thiệu sản phẩm sưu tầm được.	– Nhận xét bài vẽ của mình và nêu ý tưởng phát triển bài vẽ để thực hiện ở tiết sau. – Ghi nhớ đặc điểm của SPMT mô phỏng chân dung có tỉ lệ phù hợp nguyên mẫu theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. – Lựa chọn được chất liệu hoàn thiện sản phẩm. – Phát huy năng lực tìm hiểu và ứng dụng SPMT.

– Củng cố kiến thức bài học: Để thể hiện một tác phẩm hoặc SPMT chân dung mô phỏng, cần chú ý khai thác đặc điểm riêng của nhân vật bằng các yếu tố và nguyên lí tạo hình: đường nét, mảng, khối, nhịp điệu, màu sắc, chất liệu,...

– Dặn dò: Tìm hiểu vẻ đẹp của các danh y Việt Nam qua phong cách thể hiện, ý tưởng,... trong các tác phẩm mỹ thuật. Chuẩn bị hoạ phẩm hoàn thiện SPMT ở tiết 2.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

- a. Mục tiêu:** Xây dựng được ý tưởng hoàn thiện SPMT
- b. Nội dung hoạt động:** Quan sát SPMT với nhiều chất liệu khác nhau.
- c. Sản phẩm học tập:** Hình thành ý tưởng hoàn thiện SPMT.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV tổ chức cho HS thi sắp xếp các bước vẽ cho đúng. – Giới thiệu với HS SPMT trong GSGK trang 15 và tranh ảnh do GV sưu tầm, gợi ý cho HS tìm hiểu về màu sắc, chất liệu và cách thể hiện màu trong các tác phẩm. – Nêu đặc điểm của cách thể hiện mảng, màu sắc theo phong cách nghệ thuật Đại chúng.	Tham gia hoạt động và lựa chọn chất liệu, đưa ra ý tưởng hoàn thiện sản phẩm của mình.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

- a. Mục tiêu:** HS Hoàn thiện bài thực hành vẽ chân dung nhân viên y tế theo phong cách nghệ thuật Đại chúng.
- b. Nội dung hoạt động:** HS thực hành hoàn thiện sản phẩm.
- c. Sản phẩm học tập:** SPMT hoàn thiện.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại kiến thức tiết trước: + Đặc điểm của tranh chân dung. + Các bước mô phỏng chân dung bác sĩ Yersin theo phong cách nghệ thuật Đại chúng. – Yêu cầu HS hoàn thiện bài vẽ mô phỏng chân dung nhân vật hoạt động trong ngành y theo phong cách nghệ thuật Đại chúng từ tiết học trước. – Quan sát, theo dõi và nhắc nhở hỗ trợ HS kịp thời trong khi thực hành.	– Nhắc lại kiến thức đã học. – Hoàn thiện bài thực hành.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS biết trưng bày, phân tích và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm của mình trước lớp.
- HS nêu cảm nhận của mình về nội dung, bố cục, màu sắc trong bài vẽ; phân tích, đánh giá bài vẽ của mình và của bạn.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được SPMT.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm và trình bày cảm nhận về sản phẩm mô phỏng chân dung nhân vật hoạt động trong ngành y của mình và của bạn. – Căn cứ thực tế sản phẩm thực hiện, GV mở rộng các nội dung gắn với mục tiêu chủ đề theo gợi ý: + Lựa chọn những sản phẩm mà em yêu thích. + Nêu cảm nhận của em về sản phẩm của bạn. + Nêu ý tưởng lựa chọn hình ảnh y – bác sĩ trong thực hành SPMT của em (hoặc nhóm em). + Chia sẻ cách vận dụng phong cách Đại chúng trong thực hành sản phẩm của em (hoặc nhóm em). + Nêu cảm nhận về SPMT của bạn (hoặc nhóm bạn). + Nội dung, hình thức, quy cách, chất liệu thể hiện. + Đánh giá chất lượng thẩm mỹ và tính ứng dụng của sản phẩm + Nêu cảm nhận của em về đường nét, màu sắc và các đặc điểm của các bài chân dung. + Em ấn tượng với bài vẽ nào nhất? Vì sao? + Em có cảm xúc gì khi thực hiện bài vẽ chân dung theo phong cách nghệ thuật Đại chúng? – Bổ sung, nhận xét câu trả lời của HS.	– Trưng bày theo tổ/ nhóm. – Quan sát đưa ra nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các bài vẽ trên theo gợi ý của GV. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS cảm nhận được vẻ đẹp của các danh y Việt Nam qua phong cách thể hiện, ý tưởng,... trong các tác phẩm mỹ thuật.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS tìm hiểu vẻ đẹp của các danh y Việt Nam qua phong cách thể hiện, ý tưởng,... trong các tác phẩm mỹ thuật.

c. Sản phẩm học tập: HS biết về các danh y Việt Nam cùng vẻ đẹp được thể hiện qua các tác phẩm mỹ thuật.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu và tổ chức cho HS tìm hiểu về <i>Tượng đài Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông</i> của nhà điêu khắc Trịnh Thế Hội và tranh <i>Anh hùng lao động Phạm Ngọc Thạch</i> của họa sĩ Trần Đông Lương. Ngoài ra, GV có thể sưu tầm thêm một số tác phẩm các danh y khác của Việt Nam để giới thiệu với HS.	– Thảo luận nhóm tìm hiểu về <i>Tượng đài Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông</i> của nhà điêu khắc Trịnh Thế Hội và tranh <i>Anh hùng lao động Phạm Ngọc Thạch</i> của họa sĩ Trần Đông Lương. – Đại diện các nhóm lên trình bày phần tìm hiểu của nhóm mình.

– Củng cố kiến thức bài học: Nghệ thuật Đại chúng (Pop art) là hình thức nghệ thuật phản ánh hiện thực vật chất trong cuộc sống hằng ngày. Lấy cảm hứng từ sản phẩm tiêu dùng hằng ngày, truyền thông, quảng cáo, bao bì và truyện tranh, nghệ thuật Đại chúng sử dụng các hình ảnh chân thực từ cuộc sống, phim ảnh, quảng cáo, hoạt họa, biểu tượng,... để thể hiện tính sáng tạo cá nhân.

Những đặc điểm chính của phong cách nghệ thuật Đại chúng là: đối tượng dễ nhận biết, chịu ảnh hưởng của tranh ảnh báo chí hoặc các phương tiện truyền thông đại chúng; dạng hình ảnh phẳng phân chia theo mảng; ngôn ngữ hình ảnh trẻ trung có cách thể hiện táo bạo; màu sắc rực rỡ, tương phản mạnh.

– Dặn dò: Tìm hiểu về truyền thông y tế, sưu tầm tranh cổ động, tờ rơi, tờ gấp,... nghiên cứu bài 4: *Thiết kế truyền thông y tế*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

BÀI 4: THIẾT KẾ TRUYỀN THÔNG Y TẾ (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Hiểu được vai trò thiết kế truyền thông trong tuyên truyền, quảng bá hoạt động y tế.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng và khoa học công nghệ để sáng tạo SPMT phù hợp với mục đích truyền thông.

– Phân tích, đánh giá và sử dụng được thông điệp hình ảnh, chữ để giới thiệu, truyền thông sản phẩm.

– Có ý thức tuyên truyền và cùng chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tạo cơ hội cho HS quan sát một số hình ảnh truyền thông, bản tin, tờ rơi, tranh cổ động,... khuyến khích các em thảo luận về đặc điểm, phương pháp tạo hình, phương thức thường được sử dụng để truyền thông, tác dụng của truyền thông y tế trong cuộc sống. – Tạo cơ hội để HS quan sát hình ảnh cảm nhận về nội dung, màu sắc, đặc điểm, tính ứng dụng trong đời sống. – Khuyến khích và hỗ trợ HS thực hiện thiết kế sản phẩm truyền thông y tế học đường trên máy tính hoặc vẽ tay. – Tổ chức cho HS trưng bày, phân tích và chia sẻ cảm nhận về phương pháp tạo hình trong thiết kế truyền thông y tế.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và hiểu được những hình thức truyền thông y tế ứng dụng trong đời sống hằng ngày; nắm được những hình ảnh mang nét đặc trưng, điển hình, khái lược, chốt lọc làm nổi bật nội dung chủ đề.

– Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thể hiện được SPMT truyền thông y tế ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày; thiết kế được tờ rơi, áp phích, bản tin truyền truyền; biết cách sắp xếp bố cục hợp lý và thể hiện được sản phẩm bằng các hình thức khác nhau như vẽ trên giấy, thiết kế các phần mềm máy tính,...

– Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá về đẹp và nêu được tính ứng dụng của SPMT trong đời sống hằng ngày; đưa ra được hướng phát triển mở rộng SPMT bằng nhiều chất liệu, hình thức khác nhau; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

- Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.
- Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào tạo SPMT.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển khả năng tưởng tượng, bồi dưỡng tình cảm, trân trọng và yêu quý ngành y.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như giấy, cọ, màu vẽ,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực, tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.
- Biết chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật liệu để thực hành sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số tranh, ảnh và bài vẽ của HS.
- Các bước hướng dẫn tạo sản phẩm.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, màu vẽ, bút vẽ, tẩy, máy tính (nếu có),...
- Sơ tư tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu được các hình thức thường sử dụng trong truyền thông y tế như bản tin, tờ rơi, tờ gấp,... và cấu trúc, tác dụng của truyền thông y tế trong cuộc sống hằng ngày.

b. Nội dung hoạt động:

- GV tạo cơ hội cho HS tìm hiểu, quan sát các hình thức truyền thông y tế.
- HS quan sát các hình ảnh truyền thông y tế trong SGK trang 18, 19 và tài liệu do GV sưu tầm.

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được cách tạo sản phẩm truyền thông y tế.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu một số hình ảnh trong SGK trang 18, 19, tờ rơi do GV sưu tầm, đặt câu hỏi để HS thảo luận về nội dung, hình thức trình bày của sản phẩm và tính ứng dụng của sản phẩm trong đời sống hằng ngày. – Có thể xây dựng trò chơi hoặc tổ chức hoạt động nhóm cho HS thảo luận. – Mở rộng kiến thức giúp HS biết thêm nét đặc trưng và sự khác nhau của từng thể loại sản phẩm truyền thông, cách xây dựng ý tưởng tạo hình thông qua nội dung cần tuyên truyền, cổ động. – GV cho HS tìm hiểu về nội dung, tính đặc trưng của các loại hình truyền thông theo gợi ý: + Nội dung thể hiện của sản phẩm. + Hình ảnh, chữ, màu sắc sử dụng trong sản phẩm. + Các phương thức thường được sử dụng để truyền thông. + Tác dụng của truyền thông y tế trong cuộc sống. + Cấu tạo của tờ rơi, áp phích, bản tin,... + Tính ứng dụng của sản phẩm. + Kể tên những chất liệu có thể tạo được sản phẩm mà em biết. Lưu ý: Truyền thông y tế thường được thực hiện dưới dạng tranh cổ động, tờ rơi, tờ gấp,... Hình ảnh minh họa, màu sắc, kiểu chữ, nội dung phù hợp, sẽ thể hiện được mục đích truyền thông và tạo được ấn phẩm có sức lan toả đến cộng đồng.	– Quan sát hình ảnh ảnh trong SGK trang 18, 19, tờ rơi do GV sưu tầm và thảo luận theo gợi ý của GV. – Nêu ý nghĩa, lợi ích, tính ứng dụng của các loại hình truyền thông y tế. – Nắm được những hình thức thể hiện và cách thể hiện trong truyền thông. – Xây dựng được ý tưởng, lựa chọn được loại hình truyền thông mà mình yêu thích để thể hiện.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS nắm được quy trình tạo SPMT truyền thông y tế.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn các bước thiết kế sản phẩm truyền thông y tế bằng kĩ thuật công nghệ thông tin với phần mềm đồ hoạ.
- Thực hành thiết kế sản phẩm truyền thông y tế bằng kĩ thuật công nghệ thông tin với phần mềm đồ hoạ (nếu đơn vị và HS có đủ cơ sở vật chất) hoặc bản tin, tờ rơi, tờ gấp,... trên giấy theo sự lựa chọn của HS, phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

c. Sản phẩm học tập: HS tạo được sản phẩm truyền thông y tế.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS sử dụng phần mềm đồ hoạ để tạo SPMT truyền thông y tế. Gợi ý các bước: 1. Phác thảo ý tưởng trên giấy. 2. Vẽ hình trên phần mềm bằng công cụ (Brushes, Shapes, Tool,...). 3. Điều chỉnh bố cục, sắp xếp chữ, vẽ màu bằng công cụ (Fill). 4. Thiết kế chữ, điều chỉnh màu và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hãy thiết kế một sản phẩm truyền thông y tế học đường với hình thức vẽ tay hoặc sử dụng phần mềm đồ hoạ mà em biết. (GV căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất tại địa phương để tổ chức cho HS thực hành phù hợp.) – Cho HS tham khảo một số sản phẩm của HS trong SGK trang 21. GV có thể sưu tầm thêm các sản phẩm khác với nhiều chất liệu, thể loại khác nhau để HS tham khảo.	– Thảo luận, đưa ra quy trình tạo SPMT truyền thông y tế với các hình thức như thiết kế tờ rơi trên phần mềm máy tính, vẽ tranh cổ động, áp phích, bảng tin,... trên giấy. – Lắng nghe để nắm quy trình thiết kế truyền thông y tế. – Quan sát SGK trang 20 để nắm kĩ thuật và thực hành tạo sản phẩm truyền thông y tế trên phần mềm máy tính. – Thực hành tạo ra sản phẩm truyền thông y tế học đường với hình thức vẽ tay hoặc sử dụng phần mềm đồ hoạ mà mình biết.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS biết trưng bày, phân tích và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn. cùng nhau góp ý hoàn thiện sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày, giới thiệu và chia sẻ sản phẩm của mình trước lớp.
- HS nêu cảm nhận của mình về tính ứng dụng, đặc điểm, thể loại, màu sắc, chất liệu, quy trình tạo sản phẩm; góp ý hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được SPMT; chia sẻ được quy trình thực hiện tạo sản phẩm và đưa ra hướng hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm phân tích, nhận xét sản phẩm của mình và của bạn theo gợi ý: + Nêu ý tưởng thực hiện SPMT truyền thông y tế của em (hoặc nhóm em). + Phân tích thông điệp hình ảnh truyền thông trong sản phẩm của em (hoặc của bạn). + Trình bày cách em (hoặc nhóm em) vận dụng kĩ thuật công nghệ để sáng tạo sản phẩm. – Góp ý điều chỉnh hoàn thiện sản phẩm.	– Trình bày ý tưởng, quy trình tạo sản phẩm truyền thông y tế cùng bạn. – Góp ý giúp bạn đưa ra hướng hoàn thiện sản phẩm về màu sắc, hình thức thể hiện, chất liệu...
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS đưa ra được hướng phát triển cho SPMT. b. Nội dung hoạt động: HS tìm hiểu các loại hình truyền thông y tế và đưa ra hướng phát triển ứng dụng sản phẩm của mình lan toả trong cộng đồng. c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra được hướng phát triển cho SPMT. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trình bày định hướng truyền thông đến cộng đồng khi sản phẩm hoàn thiện.	Đưa ra hướng phát triển, lan toả, ứng dụng của sản phẩm trong đời sống hằng ngày.

– Củng cố kiến thức bài học: Truyền thông y tế thường được thực hiện dưới dạng tranh cổ động, tờ rơi, tờ gấp,... Hình ảnh minh họa, màu sắc, kiểu chữ, nội dung phù hợp sẽ thể hiện được mục đích truyền thông của sản phẩm và tạo sức lan toả đến cộng đồng.

– Dặn dò: HS tìm hiểu, lựa chọn hình thức truyền thông và sản phẩm kĩ thuật đã thiết kế để truyền tải thông tin tới công chúng, người thân, bạn bè. Chuẩn bị nội dung hoàn thiện sản phẩm truyền thông y tế ở tiết 2.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC a. Mục tiêu: HS xây dựng ý tưởng hoàn thiện sản phẩm. b. Nội dung hoạt động: HS quan sát, thảo luận, tìm hiểu sản phẩm truyền thông với nhiều hình thức khác nhau. c. Sản phẩm học tập: Đưa ra ý tưởng hoàn thiện sản phẩm cho bản thân. d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS quan sát các hình thức truyền thông trang 18, 19 và SPMT do GV sưu tầm. – Tổ chức cho HS thảo luận theo gợi ý: hình ảnh, màu sắc, nội dung bố cục chữ, hình, thông điệp của sản phẩm; đặc điểm của sản phẩm và tính ứng dụng trong truyền thông y tế.	– Quan sát, thảo luận và đưa ra nhận xét về cách thể hiện của từng thể loại. – Xây dựng ý tưởng hoàn thiện sản phẩm với nội dung súc tích, dễ nhớ, hình ảnh cô đọng, điển hình gợi rõ tiêu đề thông điệp cần truyền tải.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS hoàn thiện sản phẩm tuyển thông y tế. b. Nội dung hoạt động: HS thực hành hoàn thiện sản phẩm truyền thông y tế. c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm truyền thông y tế hoàn chỉnh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS quan sát SGK trang 20, ôn lại kĩ thuật thực hành tạo sản phẩm truyền thông y tế trên phần mềm máy tính. GV có thể mở rộng hướng dẫn thêm nhiều hình thức thể hiện như vẽ tay, trang trí bản tin, vẽ tranh cổ động, thiết kế tờ rơi, tờ gấp,... Gợi ý các bước: 1. Phác thảo ý tưởng trên giấy. 2. Vẽ hình trên phần mềm bằng công cụ (Brushes, Shapes, Tool,...). 3. Điều chỉnh bố cục, sắp xếp chữ, vẽ màu bằng công cụ (Fill). 4. Thiết kế chữ, điều chỉnh màu và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hoàn thiện thiết kế một sản phẩm truyền thông y tế học đường với hình thức vẽ tay hoặc sử dụng phần mềm đồ họa mà em biết.	– Tìm hiểu nhiều hình thức thể hiện sản phẩm truyền thông y tế. – Thực hành hoàn thiện sản phẩm truyền thông y tế theo hình thức đã chọn.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS biết trưng bày, phân tích và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn. b. Nội dung hoạt động: – GV hướng dẫn HS trưng bày, giới thiệu, chia sẻ sản phẩm của mình trước lớp. – HS nêu cảm nhận của mình về tính ứng dụng, đặc điểm, thể loại, màu sắc, chất liệu, quy trình tạo sản phẩm. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được SPMT; chia sẻ được quy trình thực hiện tạo sản phẩm d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm; phân tích, nhận xét sản phẩm của mình và của bạn theo gợi ý: + Nêu ý tưởng thực hiện SPMT truyền thông y tế của em (hoặc nhóm em). + Phân tích thông điệp hình ảnh truyền thông trong sản phẩm của em (hoặc của bạn). + Trình bày cách em (hoặc nhóm em) vận dụng kĩ thuật công nghệ để sáng tạo sản phẩm.	– Trưng bày, giới thiệu sản phẩm của mình. – Phân tích thông điệp, ý nghĩa, tính ứng dụng của sản phẩm. – Đánh giá, góp ý để SPMT của bạn hoàn thiện hơn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được hình thức truyền thông và SPMT đã thiết kế để truyền tải thông tin tới cộng đồng, người thân và bạn bè.

b. Nội dung hoạt động: HS trình bày hình thức truyền thông và SPMT đã thiết kế để truyền tải thông tin tới công chúng, người thân và bạn bè.

c. Sản phẩm học tập: HS biết được giá trị, tác dụng của các thể loại truyền thông y tế trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS xem hình ảnh trong SGK trang 21, yêu cầu HS trình bày, lựa chọn hình thức truyền thông và SPMT đã thiết kế để truyền tải thông tin tới công chúng, người thân và bạn bè. – Có thể mở rộng giới thiệu thêm các hình thức khác, tính ứng dụng sản phẩm tại địa phương.	Thảo luận và trình bày lựa chọn hình thức truyền thông và SPMT đã thiết kế để truyền tải thông tin tới công chúng, người thân và bạn bè.

– Củng cố kiến thức bài học: Vai trò thiết kế truyền thông trong tuyên truyền, quảng bá hoạt động y tế rất quan trọng. Chúng ta cần chú ý đến nội dung xúc tích, hình thức thể hiện, màu sắc sử dụng trong sản phẩm cho phù hợp.

– Dặn dò: Tìm hiểu chủ đề 3: *Xây dựng đô thị*. Suy tầm tranh, ảnh, mô hình kiến trúc đô thị. Đem đầy đủ đồ dùng dụng cụ học tập học bài 5: *Kiến trúc đô thị*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Chủ đề giúp HS tìm hiểu không gian kiến trúc đô thị, từ đó bồi dưỡng tình cảm, ý thức tuyên truyền bảo vệ không gian sống xanh, sạch, đẹp, phù hợp truyền thống văn hoá vùng miền. Qua nghiên cứu chủ đề, HS vận dụng được hình ảnh từ thực tế để xây dựng bố cục thể hiện SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D bằng chất liệu tự chọn và bằng hình thức vẽ hoặc in.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Nhận biết được tỉ lệ của hình, khối, màu sắc, công việc của người công nhân trong môi trường xây dựng và không gian trong kiến trúc đô thị.
- Thể hiện được hình, khối, màu sắc và không gian của kiến trúc đô thị trong sản phẩm thực hành. Vận dụng được các hình ảnh từ thực tiễn để xây dựng bố cục sản phẩm tranh in.
- Phân tích vẻ đẹp hài hoà của hình, khối, màu sắc, không gian trong sản phẩm kiến trúc đô thị, ý tưởng, cách thức thực hiện sản phẩm tranh in.
- Có ý thức tìm hiểu và trân trọng vẻ đẹp người công nhân xây dựng thông qua tác phẩm mỹ thuật. Tuyên truyền bảo vệ không gian sống xanh, sạch, đẹp, phù hợp truyền thống văn hoá vùng miền.
- Hiểu được đặc điểm, hình dáng, màu sắc, công việc của người công nhân trong môi trường xây dựng.
- Vận dụng được các hình ảnh từ thực tiễn để xây dựng bố cục sản phẩm tranh in.
- Phân tích được ý tưởng, cách thức thực hiện sản phẩm tranh in.
- Có ý thức tìm hiểu và trân trọng vẻ đẹp người công nhân xây dựng thông qua tác phẩm mỹ thuật.

BÀI 5: KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ (2 tiết)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Về kiến thức**

- Nhận biết được tỉ lệ của hình, khối, màu sắc và không gian trong kiến trúc đô thị.
- Thể hiện được hình, khối, màu sắc và không gian của kiến trúc đô thị trong sản phẩm thực hành.

- Phân tích vẻ đẹp hài hoà của hình, khối, màu sắc, không gian trong sản phẩm kiến trúc đô thị.
- Có ý thức tuyên truyền bảo vệ không gian sống xanh, sạch, đẹp, phù hợp truyền thống văn hoá vùng miền.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tạo điều kiện cho HS quan sát, tìm hiểu hình ảnh kiến trúc đô thị. – Hướng dẫn HS nghiên cứu chủ đề, tìm hình ảnh phù hợp để xây dựng bố cục, tạo SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D. – Tổ chức cho HS tìm hiểu, trao đổi và góp ý hoàn thiện SPMT.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp của đô thị trong cuộc sống và trong tác phẩm; nhận biết được nét điển hình tỉ lệ của hình, khối, màu sắc, không gian kiến trúc đô thị và hình ảnh của người công nhân xây dựng trong cuộc sống và trong SPMT.

– Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: xây dựng được bố cục từ hình ảnh thực để thực hiện SPMT; biết cách sắp xếp bố cục hợp lí và thể hiện được sản phẩm trên nhiều hình thức khác nhau như vẽ, in hoặc xé dán.

– Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; cảm nhận và phân tích được SPMT kiến trúc đô thị, vẻ đẹp của người công nhân xây dựng trong cuộc sống và trong SPMT; cách thể hiện sản phẩm, sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình trong SPMT: đường nét, hình, mảng, màu sắc, biểu cảm nhân vật,...

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập để tạo SPMT; biết tìm hiểu các tác phẩm mỹ thuật từ sách báo, tạp chí, internet để tự nghiên cứu và mở rộng kiến thức.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.

– Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào bài tập sáng tạo.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Biết cảm nhận yếu tố thẩm mỹ và trân quý vẻ đẹp hài hoà của hình, khối, màu sắc, không gian trong kiến trúc đô thị.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét, phân tích SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ giấy bìa, giấy màu, vật liệu tái chế,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Hiểu được vai trò và có ý thức tuyên truyền bảo vệ không gian sống xanh, sạch, đẹp, phù hợp truyền thống văn hoá vùng miền.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật liệu để thực hành sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, t.m hiểu mục tiêu bài học.
- Một số tác phẩm của hoạ sĩ, nhà thiết kế,... và tranh, ảnh, bài vẽ của HS.
- Các bước hướng dẫn tạo sản phẩm.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, màu vẽ, bút vẽ, tẩy,...
- sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình, khối, màu sắc và không gian của kiến trúc đô thị trong cuộc sống và trong SPMT.
- HS nhận biết được nét đặc trưng về vùng miền không gian trong kiến trúc đô thị, nhận thức được hình thức và cách thể hiện SPMT.

b. Nội dung hoạt động:

- GV giới thiệu hình ảnh trong SGK và định hướng cho HS nhận xét qua các gợi ý ở trang 22, 23.
- HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 22, 23 (hoặc hình ảnh do GV sưu tầm), nhận biết vẻ đẹp của kiến trúc đô thị trong cuộc sống và trong sản phẩm kiến trúc, từ đó xây dựng được ý tưởng thể hiện sản phẩm kiến trúc của cá nhân/ nhóm.

c. Sản phẩm học tập: HS hình thành ý tưởng thể hiện sản phẩm kiến trúc đô thị 2D/ 3D.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu một số hình ảnh về kiến trúc vùng miền trong SGK trang 22, 23; có thể sưu tầm thêm hình ảnh và giới thiệu sơ lược để mở rộng kiến thức. – Căn cứ tình hình thực tế của lớp, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi để tìm hiểu về kiến trúc đô thị từng vùng miền theo gợi ý: + Đặc trưng trong cấu trúc của kiến trúc đô thị. + Giới thiệu một số kiến trúc đô thị mà em thích. – Tổ chức cho HS trao đổi để tìm hiểu về hình, khối, khối, màu sắc và không gian của kiến trúc đô thị ở sản phẩm mô phỏng kiến trúc trong SGK trang 23 theo gợi ý: + Cách thể hiện tỉ lệ nhà cửa, cây cối, đường phố, con người trong các mô hình kiến trúc. + Hình, khối, màu sắc, không gian, vật liệu sử dụng. – GV mở rộng kiến thức: Không gian kiến trúc đô thị được hình thành bởi các công trình kiến trúc dân dụng, kiến trúc công cộng và yếu tố địa hình (đồng bằng, đồi núi, sông ngòi,...) tạo nên không gian sống. Kiến trúc đô thị cần đảm bảo tính công năng và đạt yêu cầu thẩm mỹ (không gian, ánh sáng, cây xanh,...).	– Tham gia hoạt động theo hướng dẫn của GV. – Thảo luận nhóm, giới thiệu một số kiến trúc đô thị mà mình thích. – Phân tích hình, khối, màu sắc, không gian, vật liệu sử dụng trong các sản phẩm. – Đưa ra ý tưởng không gian kiến trúc đô thị sẽ thể hiện.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS nắm được các bước thực hiện SPMT về kiến trúc đô thị.

b. Nội dung hoạt động:

- GV cho HS quan sát bài tham khảo trong SGK trang 24 hoặc hình ảnh do GV sưu tầm; hướng dẫn HS các bước thực hiện SPMT.
- HS quan sát hình ảnh, tìm hiểu các bước và thực hiện SPMT.

c. Sản phẩm học tập: SPMT về kiến trúc đô thị.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho HS quan sát SGK trang 24 và SPMT sưu tầm; đặt câu hỏi và tổ chức thảo luận, đặt vấn đề để HS nắm được các bước thực hiện SPMT về kiến trúc đô thị. – GV có thể gợi ý cụ thể: + Chọn nội dung phù hợp và vẽ hình khái quát. Có thể xây dựng bố cục kiến trúc theo khối cơ bản như khối tròn, khối tháp,... hoặc một biểu tượng mà cá nhân/ nhóm yêu thích. Khi vẽ nên chọn lọc hình, khối, lược bỏ những chi tiết để sản phẩm kiến trúc đô thị đẹp và có tính điển hình theo vùng miền. + Tạo hình khối nhà, cây,... nên lựa chọn vật liệu có tính thống nhất và dễ thực hiện như: giấy bìa, giấy màu, đất nặn,... + Sắp xếp bố cục cho các khối nhà, cây,... sao cho hợp lí. Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng bố cục trong thiết kế và tạo nền cho khối kiến trúc. 2. Tạo hình khối nhà, cây,... 3. Sắp xếp bố cục cho các khối nhà, cây,... 4. Điều chỉnh hình, khối, màu sắc và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hãy thực hiện SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D bằng chất liệu tự chọn.	– Thảo luận, tìm hiểu cách thể hiện không gian kiến trúc đô thị 2D, 3D. – Lựa chọn chất liệu để thể hiện sản phẩm riêng cho mình. – Thực hành tạo SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D bằng chất liệu tự chọn.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS nhận thức được vẻ đẹp của kiến trúc đô thị trong cuộc sống, trong SPMT, từ đó biết phân tích và đánh giá SPMT của mình và của bạn. b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm của cá nhân/ nhóm trước lớp và nhận xét theo gợi ý: + Giới thiệu ý tưởng thực hiện SPMT kiến trúc đô thị của em (hoặc nhóm em). + Nhận xét tỉ lệ hình, khối, màu sắc, không gian thể hiện trong bài thực hành. + Trình bày những yếu tố mỹ thuật mà em (hoặc nhóm em) đã sử dụng trong thực hành sáng tạo sản phẩm. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được sản phẩm kiến trúc. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm và trình bày cảm nhận về SPMT kiến trúc của mình và của bạn. – Căn cứ thực tế sản phẩm thực hiện, GV mở rộng nội dung gắn với mục tiêu chủ đề theo gợi ý:	– Trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm. – Giới thiệu ý tưởng thực hiện sản phẩm và kế hoạch hoàn thiện của cá nhân hoặc nhóm.

+ Lựa chọn những sản phẩm mà em yêu thích. + Nêu cảm nhận của mình về sản phẩm của bạn. + Hình, khối, màu sắc, không gian sản phẩm kiến trúc. + Cách thể hiện sản phẩm, sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình trong sản phẩm kiến trúc.	– Góp ý định hướng cho bạn hoàn thiện sản phẩm.
– Nêu định hướng hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS xây dựng được ý tưởng hoàn thiện SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu chất liệu để tìm ở địa phương có thể sử dụng tạo SPMT 2D, 3D.

c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra được ý tưởng và chất liệu hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Tổ chức cho HS tìm hiểu chất liệu để tìm ở địa phương có thể sử dụng tạo sản phẩm 2D, 3D như bìa carton, giấy, cành cây, lá cây, hoa, màu,...	Tìm hiểu và đưa ra được ý tưởng, chất liệu hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2.

– Củng cố kiến thức bài học: Không gian kiến trúc đô thị được hình thành bởi các công trình kiến trúc dân dụng, kiến trúc công cộng và yếu tố địa hình (đồng bằng, đồi núi, sông ngòi,...) tạo nên không gian sống. Kiến trúc đô thị cần đảm bảo tính công năng và đạt yêu cầu thẩm mỹ (không gian, ánh sáng, cây xanh,...).

– Dặn dò: HS tìm hiểu phương pháp chọn điểm nhìn và cắt cảnh. Sưu tầm thêm vật liệu để hoàn thiện sản phẩm.

Tiết 2

– Ổn định tổ chức lớp.

– Kiểm tra đồ dùng học tập.

– Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát hình trong SGK trang 23, đưa ra nhận xét về hình khối, chất liệu, màu sắc,... của các sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra ý tưởng hoàn thiện SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS quan sát thảo luận các SPMT trong SGK trang 23 và sản phẩm do GV sưu tầm, khuyến khích HS đưa ra nhận xét về: + Cách thể hiện tỉ lệ nhà cửa, cây cối, đường phố, con người trong các mô hình kiến trúc. + Hình khối, màu sắc, không gian, vật liệu sử dụng,... – Yêu cầu HS trình bày kế hoạch hoàn thiện SPMT của mình (ý tưởng hoàn thiện, chất liệu sử dụng, màu sắc sản phẩm,...).	– Quan sát, nhận xét các SPMT. – Trình bày kế hoạch hoàn thiện SPMT của mình.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS hoàn thiện được sản phẩm kiến trúc đô thị. b. Nội dung hoạt động: Thực hành hoàn thiện SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D. c. Sản phẩm học tập: SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D hoàn chỉnh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS ôn lại gợi ý các bước thực hiện tạo SPMT kiến trúc đô thị: 1. Xây dựng ý tưởng bố cục trong thiết kế và tạo nền cho khối kiến trúc. 2. Tạo hình khối nhà, cây,... 3. Sắp xếp bố cục cho các khối nhà, cây,... 4. Điều chỉnh hình, khối, màu sắc và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hoàn thiện SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D bằng chất liệu tự chọn.	Thực hành hoàn thiện SPMT kiến trúc đô thị 2D, 3D bằng chất liệu tự chọn.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS nhận thức được vẻ đẹp của kiến trúc đô thị trong cuộc sống, trong SPMT, từ đó biết phân tích và đánh giá SPMT của mình và của bạn. b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm của cá nhân/ nhóm trước lớp và nhận xét theo gợi ý: + Giới thiệu ý tưởng thực hiện SPMT kiến trúc đô thị của em (hoặc nhóm em). + Nhận xét tỉ lệ hình, khối, màu sắc, không gian thể hiện trong bài thực hành. + Trình bày những yếu tố mỹ thuật mà em (hoặc nhóm em) đã sử dụng trong thực hành sáng tạo sản phẩm. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được sản phẩm kiến trúc. d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm và trình bày cảm nhận về sản phẩm kiến trúc của mình và của bạn. – Căn cứ thực tế sản phẩm thực hiện, GV mở rộng nội dung gắn với mục tiêu chủ đề theo gợi ý: + Lựa chọn những sản phẩm mà em yêu thích. + Nêu cảm nhận của mình về sản phẩm của bạn. + Hình, khối, màu sắc, không gian sản phẩm kiến trúc. + Cách thể hiện sản phẩm, sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình trong sản phẩm kiến trúc. + Chia sẻ ý kiến về kĩ thuật thể hiện, ý nghĩa của sản phẩm. + Đánh giá chất lượng thẩm mỹ và tính ứng dụng của sản phẩm.	– Trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm và trình bày cảm nhận. – Giới thiệu sản phẩm và nêu ý nghĩa, tính ứng dụng của sản phẩm trong thực tế hằng ngày. – Phân tích đánh giá góp ý sản phẩm cho bạn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS nhận biết được phương pháp chọn điểm nhìn và cắt cảnh.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS tìm hiểu điểm nhìn và cắt cảnh qua theo hướng dẫn trong SGK trang 25.

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được phương pháp chọn điểm nhìn và cắt cảnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu và tổ chức cho HS tìm hiểu về phương pháp chọn điểm nhìn và cắt cảnh. – Có thể sưu tầm thêm về phương pháp chọn điểm nhìn và cắt cảnh để giới thiệu cùng HS. – Gợi ý, hướng dẫn HS sưu tầm hình ảnh minh hoạ cho phương pháp chọn điểm nhìn và cắt cảnh: điểm nhìn từ trên xuống, điểm nhìn ngang, điểm nhìn từ dưới lên; cách cắt cảnh bằng khung hình bằng bìa và bằng tay,...	Trình bày phương pháp chọn điểm, cắt cảnh qua nghiên cứu, tìm hiểu trên sách và các trang thông tin.

– Củng cố kiến thức bài học.

– Dặn dò: Tìm hiểu bài 6 *Vẻ đẹp của người công nhân xây dựng*. Sưu tầm hình ảnh, tranh vẽ về hoạt động thường nhật của người công nhân xây dựng. Chuẩn bị hoạ phẩm đầy đủ cho bài 6.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 6: VẼ ĐẸP CỦA NGƯỜI CÔNG NHÂN XÂY DỰNG (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Hiểu được đặc điểm, hình dáng, màu sắc, công việc của người công nhân trong môi trường xây dựng.
- Vận dụng được các hình ảnh từ thực tiễn để xây dựng bố cục sản phẩm tranh in.
- Phân tích được ý tưởng, cách thức thực hiện sản phẩm tranh in.
- Có ý thức tìm hiểu và trân trọng vẻ đẹp người công nhân xây dựng thông qua tác phẩm mỹ thuật.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tạo điều kiện cho HS quan sát, tìm hiểu đặc điểm, hình dáng, màu sắc, công việc của người công nhân trong môi trường xây dựng. – Hướng dẫn HS nghiên cứu chủ đề, xây dựng bố cục tạo SPMT bằng hình thức vẽ hoặc in. – Tổ chức cho HS tìm hiểu, trao đổi và góp ý hoàn thiện SPMT.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

- Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp của đô thị trong cuộc sống và trong tác phẩm; nhận biết được nét điển hình tỉ lệ của hình, khối, màu sắc, không gian kiến trúc đô thị và hình ảnh của người công nhân xây dựng trong cuộc sống và trong SPMT.
- Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: xây dựng được bố cục từ hình ảnh thực để thực hiện SPMT; biết cách sắp xếp bố cục hợp lí và thể hiện được sản phẩm trên nhiều hình thức khác nhau như vẽ, in hoặc xé dán.
- Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; cảm nhận và phân tích được SPMT về kiến trúc đô thị, vẻ đẹp của người công nhân xây dựng trong cuộc sống và trong SPMT; cách thể hiện sản phẩm, sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình trong SPMT: đường nét, hình, mảng, màu sắc, biểu cảm nhân vật,...

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập để tạo SPMT; biết tìm hiểu các tác phẩm mỹ thuật từ sách báo, tạp chí, internet để tự nghiên cứu và mở rộng kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

- Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.

- Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào bài tập sáng tạo.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Biết cảm nhận yếu tố thẩm mỹ và trân quý vẻ đẹp hài hoà của hình, khối, màu sắc, không gian trong kiến trúc đô thị và hình ảnh của người công nhân xây dựng.

- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét, phân tích SPMT về hình ảnh của người công nhân xây dựng .

- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ giấy bìa, giấy màu, vật liệu tái chế,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập.

- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.

- Hiểu được vai trò và có ý thức tuyên truyền bảo vệ không gian sống xanh, sạch, đẹp, phù hợp truyền thống văn hoá vùng miền.

- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.

- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật liệu để thực hành sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.

- Một số tác phẩm của hoạ sĩ, nhà điêu khắc,... và tranh, ảnh, bài vẽ của HS.

- Các bước hướng dẫn tạo sản phẩm.

- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, màu vẽ, bút vẽ, tẩy,...

- Sơu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS cảm nhận được vẻ đẹp của người công nhân xây dựng trong cuộc sống và trong tác phẩm mỹ thuật; nhận biết đặc điểm, hình dáng, màu sắc, công việc của người công nhân trong môi trường xây dựng; nhận thức được các yếu tố mỹ thuật, chất liệu và kĩ thuật thể hiện qua tác phẩm mỹ thuật.

b. Nội dung hoạt động:

- HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 26, 27 (hoặc hình ảnh do GV sưu tầm), qua đó nhận biết được vẻ đẹp của người công nhân xây dựng trong cuộc sống và trong tác phẩm mỹ thuật.
- GV hướng dẫn HS quan sát và định hướng cho HS thông qua các gợi ý trong SGK trang 26, 27.

c. Sản phẩm học tập: Ý tưởng thể hiện SPMT với chủ đề *Vẻ đẹp của người công nhân xây dựng*.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu một số tranh, ảnh về người công nhân xây dựng trong SGK trang 26, 27 hoặc hình ảnh do GV sưu tầm; đặt câu hỏi theo định hướng để HS thảo luận về cách thể hiện sản phẩm. – GV căn cứ tình hình thực tế của lớp có thể tổ chức cho HS thảo luận để tìm hiểu về vẻ đẹp của người công nhân xây dựng qua gợi ý: + Không gian, môi trường lao động của người công nhân xây dựng. + Đặc điểm thể dáng, động tác và màu sắc trang phục của các nhân vật . + Hình ảnh hoạt động của người công nhân xây dựng. + Hình, khối, màu sắc và tỉ lệ nhân vật. + Bố cục, màu sắc, đậm nhạt, chất liệu và kĩ thuật thể hiện. – GV mở rộng kiến thức cho HS: Hình ảnh người công nhân xây dựng luôn trở thành nguồn cảm hứng để người nghệ sĩ khai thác đưa vào tác phẩm. Bằng cách sử dụng yếu tố đối lập giữa sự vận động của con người với các hình, khối tĩnh của công trình, các tác phẩm có đường nét khúc chiết, kết cấu chặt chẽ, màu sắc đặc trưng,... khắc họa hình ảnh của những con người đang xây dựng công trình cho đất nước.	– Quan sát và thảo luận, tìm hiểu về vẻ đẹp của người công nhân xây dựng qua không gian, môi trường lao động; đặc điểm thể dáng, động tác và màu sắc trang phục của các nhân vật; hình ảnh hoạt động, hình, khối, màu sắc và tỉ lệ nhân vật, bố cục, màu sắc, đậm nhạt, chất liệu và kĩ thuật thể hiện. – Lựa chọn hình ảnh, hoạt động thể hiện sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS nắm được các bước thực hiện SPMT về vẻ đẹp của người công nhân xây dựng.

b. Nội dung hoạt động:

- GV cho HS tham khảo các bước thực hành trong SGK trang 28 hoặc hình ảnh các bước do GV tự thực hiện.
- HS quan sát, ghi nhớ các bước thực hiện tạo SPMT.

c. Sản phẩm học tập: SPMT chủ đề *Vẻ đẹp của người công nhân xây dựng*.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS quan sát các bước thực hành SPMT trong SGK trang 28; tổ chức cho HS thảo luận để nắm được các bước thực hiện SPMT với chất liệu tranh in. GV có thể hướng dẫn cụ thể theo gợi ý: + Chọn nội dung phù hợp và vẽ hình khái quát. Khi vẽ nên chọn lọc hình dáng điển hình để thấy được vẻ đẹp, nét đặc trưng của người công nhân xây dựng. + Chọn khuôn in bằng bìa, xốp, formex,... dùng đầu bút hoặc vật nhọn làm lõm phần nét (phần không bắt mực và là màu của nền giấy). + Dùng màu gouache hoặc acrylic vẽ lên bản in và in ra giấy. Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng và phác thảo nét. 2. Tạo hình khuôn in. 3. Tô màu vào bản in để in tranh. 4. Điều chỉnh màu và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Thực hiện SPMT về công nhân xây dựng bằng hình thức vẽ hoặc in (khuôn hoặc độc bản). Tùy tình hình học tập của HS, tiết 1 có thể dừng lại ở bước 2. – GV cho HS quan sát thêm những sản phẩm ở phần tham khảo trong SGK trang 29 hoặc sản phẩm do GV sưu tầm.	– Quan sát tìm hiểu các bước thực hiện tranh in. – Thực hành tạo SPMT về công nhân xây dựng bằng hình thức vẽ hoặc in (khuôn hoặc độc bản).

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS quan sát và nhận thức vẻ đẹp của người công nhân xây dựng trong SPMT, từ đó phân tích và đánh giá được SPMT của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm của cá nhân/ nhóm trước lớp theo gợi ý:

- + Giới thiệu ý tưởng thực hiện SPMT của em (hoặc nhóm em).
- + Nêu ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được SPMT.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm và trình bày cảm nhận về SPMT của mình và của bạn. – Căn cứ thực tế sản phẩm thực hiện, GV khuyến khích HS nhận xét bố cục, tỉ lệ, hình, khối, không gian, màu sắc,... và đưa ra ý tưởng hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2.	Trưng bày, chia sẻ và nhận xét góp ý đưa ra kế hoạch hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm vẽ hoặc in. b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về chất liệu có thể sử dụng vẽ, in. c. Sản phẩm học tập: Ý tưởng, chất liệu hoàn thiện sản phẩm. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Tổ chức cho HS tìm hiểu chất liệu thể hiện bài: + Hình thức vẽ: chất liệu màu sáp, màu gouache, acrylic, đất nặn, phấn màu,... + Hình thức in: chất liệu màu gouache, acrylic, mực,...	Tìm hiểu chất liệu và lựa chọn hoạ phẩm, hình thức hoàn thiện sản phẩm.

– Củng cố kiến thức bài học: Đặc điểm thể dáng, động tác, màu sắc trang phục của các nhân vật kết hợp với không gian, môi trường lao động của người công nhân xây dựng giúp tạo nên hình ảnh đẹp cho SPMT.

– Dặn dò: HS tìm hiểu, sưu tầm hình ảnh, tác phẩm điêu khắc để hiểu được một số cách xây dựng hình tượng người công nhân trong lao động. HS chuẩn bị hoạ phẩm để hoàn thiện sản phẩm ở tiết 2.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC
a. Mục tiêu: HS nắm được các hình thức thể hiện SPMT. b. Nội dung hoạt động: HS quan sát và nhận xét về hình khối, tỉ lệ, bố cục, màu sắc, đậm nhạt, chất liệu và kĩ thuật thể hiện của các tác phẩm tranh trong SGK trang 27 và tranh do GV sưu tầm. c. Sản phẩm học tập: Lựa chọn được hình thức thể hiện hoàn thiện sản phẩm. d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: Tổ chức cho HS chơi trò chơi đoán chất liệu SPMT. – Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét về hình khối, tỉ lệ, bố cục, màu sắc, đậm nhạt, chất liệu và kĩ thuật thể hiện của các tác phẩm trong SGK trang 27 và tranh GV sưu tầm nhằm giúp HS nắm được sự khác nhau trong cách thể hiện của các chất liệu như tranh in, tranh vẽ, khắc kẽm, sơn dầu, sơn mài,...	– Tìm hiểu hình thức thể hiện SPMT tranh in, tranh vẽ, khắc kẽm, sơn dầu, sơn mài,... – Lựa chọn hình thức thể hiện SPMT là tranh in hoặc tranh vẽ.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS hoàn thiện SPMT về công nhân xây dựng. b. Nội dung hoạt động: HS thực hành hoàn thiện SPMT về công nhân xây dựng. c. Sản phẩm học tập: SPMT về công nhân xây dựng hoàn chỉnh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS tìm hiểu gợi ý các bước thực hiện SPMT tranh in, đặc biệt chú ý hướng dẫn kĩ bước 3 và 4: 1. Xây dựng ý tưởng và phác thảo nét. 2. Tạo hình khuôn in. 3. Tô màu vào bản in để in tranh. 4. Điều chỉnh màu và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hoàn thiện SPMT về công nhân xây dựng bằng hình thức vẽ hoặc in (khuôn hoặc độc bản).	– Nhắc lại 4 bước thực hiện SPMT tranh in. – Thực hành hoàn thiện SPMT về công nhân xây dựng bằng hình thức vẽ hoặc in (khuôn hoặc độc bản).
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS nhận thức được vẻ đẹp của người công nhân xây dựng trong SPMT, từ đó phân tích và đánh giá được SPMT của mình và của bạn. b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm của cá nhân/ nhóm trước lớp theo gợi ý: + Giới thiệu ý tưởng thực hiện SPMT của em (hoặc nhóm em). + Nhận xét SPMT qua các yếu tố tạo hình: bố cục, tỉ lệ, hình, khối, không gian và màu sắc. + Chia sẻ về kĩ thuật và chất liệu em sử dụng để thể hiện SPMT của mình. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được SPMT. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm và trình bày cảm nhận về SPMT của mình và của bạn. – Căn cứ thực tế sản phẩm thực hiện, GV mở rộng nội dung gắn với mục tiêu chủ đề qua gợi ý:	– Trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm.

+ Lựa chọn những sản phẩm mà em yêu thích. + Nêu cảm nhận của mình về sản phẩm của bạn qua các yếu tố mỹ thuật như: bố cục, tỉ lệ, hình, khối, không gian, màu sắc,... + Chia sẻ ý kiến về hình thức và kĩ thuật thể hiện sản phẩm. + Đánh giá chất lượng thẩm mỹ và tính ứng dụng của sản phẩm.	– Trình bày cảm nhận về SPMT của mình và của bạn. – Đưa ra ý tưởng phát triển sản phẩm ứng dụng vào đời sống.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS biết cách sưu tầm hình ảnh tác phẩm điêu khắc để hiểu được một số cách xây dựng hình tượng người công nhân trong lao động. b. Nội dung hoạt động: GV cho học tìm hiểu, sưu tầm hình ảnh tác phẩm điêu khắc để hiểu được một số cách xây dựng hình tượng người công nhân trong lao động. c. Sản phẩm học tập: Hình ảnh tác phẩm điêu khắc giúp HS hiểu được một số cách xây dựng hình tượng người công nhân trong lao động. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu và tổ chức cho HS sưu tầm hình ảnh tác phẩm điêu khắc để hiểu được một số cách xây dựng hình tượng người công nhân trong lao động. – Gợi ý cho HS cách thức sưu tầm hình ảnh qua các phương tiện truyền thông. – Ngoài ra, GV có thể sưu tầm thêm tác phẩm điêu khắc, phân tích để HS hiểu được một số cách xây dựng hình tượng người công nhân trong lao động.	Tìm hiểu và trình bày, giới thiệu tác phẩm điêu khắc, qua đó hiểu thêm một số cách xây dựng hình tượng người công nhân trong lao động.

– Củng cố kiến thức bài học: Hình, khối, tỉ lệ, bố cục, màu sắc, đậm nhạt, chất liệu và kĩ thuật thể hiện đóng vai trò quan trọng để tạo nên một SPMT.

– Dặn dò: HS tìm hiểu Chủ đề 4: *Bảo vệ Tổ quốc*; sưu tầm tranh, ảnh về hoạt động thường ngày của bộ đội và chuẩn bị hoạ phẩm học bài 7: *Hình tượng bộ đội trong sáng tạo mỹ thuật*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Chủ đề giúp các em tìm hiểu vẻ đẹp của hình ảnh người chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, vai trò và ý nghĩa của các vùng biển đảo Việt Nam trong cuộc sống và trong các tác phẩm nghệ thuật, từ đó biết chọn lọc hình ảnh có tính thẩm mỹ để đưa vào sáng tạo SPMT. Thông qua các hoạt động của chủ đề này, HS hiểu thêm về cách sắp xếp bố cục, với sự kết hợp các yếu tố mỹ thuật như đường nét, màu sắc, nhịp điệu,... để tạo bối cảnh và không gian phù hợp với nội dung đề tài. Ngoài ra, HS có thể trình bày được sự hiểu biết của mình về nhiệm vụ của bộ đội và vai trò, ý nghĩa của biển đảo trong đời sống xã hội.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Nhận biết được vẻ đẹp của hình tượng bộ đội trong cuộc sống và trong tác phẩm.
- Xây dựng được bố cục từ hình ảnh thực để thực hiện SPMT.
- Phân tích vẻ đẹp của SPMT qua các yếu tố tạo hình.
- Hiểu được vai trò, nhiệm vụ của bộ đội trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Nhận thức và hiểu được vẻ đẹp cùng sự đa dạng, phong phú của biển đảo Việt Nam, xác định được đối tượng sáng tạo.
- Vận dụng được hình ảnh thực tiễn để xây dựng ý tưởng và thực hành sáng tạo.
- Phân tích được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật; nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật.
- Biết lan toả ý thức gìn giữ cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quê hương.

**BÀI 7: HÌNH TƯỢNG BỘ ĐỘI
TRONG SÁNG TẠO MỸ THUẬT (2 tiết)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Về kiến thức**

- Nhận biết được vẻ đẹp của hình tượng bộ đội trong cuộc sống và trong tác phẩm.
- Xây dựng được bố cục từ hình ảnh thực để thực hiện SPMT.
- Phân tích vẻ đẹp của SPMT qua các yếu tố tạo hình.
- Hiểu được vai trò, nhiệm vụ của bộ đội trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tạo điều kiện cho HS quan sát, tìm hiểu hình tượng bộ đội thông qua ảnh chụp và tranh vẽ. – Hướng dẫn HS nghiên cứu chủ đề, tìm vẽ đáng người phù hợp để xây dựng bố cục tranh. – Tổ chức cho HS tìm hiểu, trao đổi và góp ý hoàn thiện sản phẩm mỹ thuật.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng bộ đội trong cuộc sống và trong tác phẩm; nắm được những hình ảnh mang nét đặc trưng, điển hình, khái lược, làm rõ vẻ đẹp của bộ đội qua quân phục, màu sắc, hình dáng, tư thế, động tác,...

– Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: xây dựng được bố cục từ hình ảnh thực để thực hiện SPMT; biết cách sắp xếp bố cục hợp lý và thể hiện được sản phẩm trên nhiều hình thức khác nhau như vẽ, xé dán,...

– Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; cảm nhận và phân tích SPMT về hình tượng bộ đội với nội dung hoạt động, hình dáng,... cách thể hiện sản phẩm, sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình trong SPMT: đường nét, hình, mảng, màu sắc, biểu cảm nhân vật,...

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để tạo SPMT; biết tìm hiểu các tác phẩm mỹ thuật về đề tài bộ đội từ sách báo, tạp chí, internet,... để tự nghiên cứu và mở rộng kiến thức.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.

– Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào bài tập.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

– Biết cảm nhận và trân quý vẻ đẹp của hình tượng bộ đội trong cuộc sống.

– Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét, phân tích bàn luận về SPMT và tác phẩm.

– Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ trong thực hành, sáng tạo, tích cực tự giác và nỗ lực học tập.

– Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.

– Hiểu được vai trò, nhiệm vụ của bộ đội trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

– Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.

– Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật liệu để thực hành sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.

– Một số tác phẩm của họa sĩ có tính tượng trưng, tính biểu tượng.

– Bài vẽ và SPMT liên quan đến chủ đề.

– Các bước hướng dẫn tạo sản phẩm.

– Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

– SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, màu vẽ, bút vẽ, tẩy, máy tính (nếu có),...

– Sơ tư tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

– Ổn định tổ chức lớp.

– Kiểm tra đồ dùng học tập.

– Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng bộ đội trong cuộc sống và trong tác phẩm; nhận biết được nét đặc trưng về hình ảnh bộ đội qua quân phục, màu sắc, hình dáng, tư thế, động tác,...

b. Nội dung hoạt động:

– HS quan sát các tranh, ảnh trong SGK trang 30, 31 hoặc hình ảnh do GV sưu tầm, qua đó nhận biết được vẻ đẹp của hình tượng bộ đội trong cuộc sống và trong tác phẩm để xây dựng được ý tưởng thể hiện SPMT của mình.

– GV hướng dẫn HS quan sát và định hướng cho HS thông qua các gợi ý trong SGK trang 30, 31.

c. Sản phẩm học tập: HS hình thành ý tưởng thể hiện SPMT với đề tài bộ đội.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV cho HS thi kể tên những binh chủng bộ đội mà em biết. – Giới thiệu một số hình ảnh và tác phẩm mỹ thuật về bộ đội trong SGK trang 30, 31 hoặc hình ảnh tư liệu do GV sưu tầm. – Có thể đặt câu hỏi mở rộng theo định hướng trong SGK để HS thảo luận về cách thể hiện sản phẩm. Có thể lồng ghép một số trò chơi, sắm vai, đóng kịch,... cho tiết học thêm sinh động. – Tổ chức cho HS thảo luận để tìm hiểu về hình ảnh bộ đội trong cuộc sống theo nội dung: + Kể tên các nhiệm vụ, hoạt động, trang thiết bị của bộ đội mà em biết. + Giới thiệu về hình ảnh bộ đội qua quân phục, màu sắc, hình dáng, tư thế, động tác,... – GV tổ chức cho HS trao đổi để tìm hiểu về hình ảnh bộ đội trong tác phẩm hội họa, điêu khắc qua gợi ý: + Những tác phẩm khai thác hình ảnh gì? + Kể tên một số tác phẩm về hình tượng bộ đội mà em biết. + Nêu nội dung và ý nghĩa của tác phẩm. + Hình thức thể hiện (bố cục, hình khối, màu sắc,...) trong tác phẩm. + Biểu cảm, hình dáng của các nhân vật. + Cách sắp xếp bố cục vị trí trong các tác phẩm. – GV tổng kết: Thông qua nhiều hình thức sáng tác (tượng, tranh vẽ, tranh in,...), những tác phẩm mỹ thuật đã tập trung khắc họa chân dung, hoạt động của bộ đội như: chiến đấu, học tập, huấn luyện, sinh hoạt,... để phản ánh tinh thần yêu nước, ý chí quật cường, quả cảm của cán bộ, chiến sĩ trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Đặc điểm chung về cách tạo hình bộ đội là luôn khắc họa hình ảnh rắn rỏi, bút pháp thô khỏe, mộc mạc.	– Tham gia hoạt động khởi động theo hướng dẫn của GV. – Tìm hiểu, thảo luận về các binh chủng trong lực lượng quân đội, các hoạt động thường ngày của bộ đội. – Nhận xét về cách sắp xếp các mảng chính, mảng phụ, hình dáng, màu sắc, sự chuyển động của các yếu tố tạo hình trong các tác phẩm. – Ghi nhớ đặc trưng của tác phẩm mỹ thuật đề tài bộ đội qua các yếu tố: không gian, ánh sáng, tỉ lệ của các nhân vật, sự chuyển động của các yếu tố tạo hình,... – Đưa ra ý tưởng tạo SPMT.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS nắm được cách bố cục và các bước thực hiện SPMT về đề tài bộ đội. b. Nội dung hoạt động: – GV cho HS quan sát các bước gợi ý tham khảo ở SGK trang 32 hoặc hình minh họa do GV sưu tầm. – HS tìm hiểu các bước và thực hiện SPMT. c. Sản phẩm học tập: HS có ý tưởng và thực hiện SPMT về đề tài bộ đội. d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS quan sát SGK trang 32 hoặc SPMT do GV sưu tầm, đặt câu hỏi, định hướng tổ chức cho HS trao đổi, đặt vấn đề HS nắm được các bước xây dựng bố cục, cách lựa chọn hình ảnh từ thực tế. – Có thể đưa ra một số gợi ý: + Xây dựng bố cục qua tư liệu ảnh chụp, đoạn phim, kí hoạ,... với các hoạt động của bộ đội như: tập luyện, hành quân, giúp dân,... + Khi vẽ nên chọn lọc hình ảnh, lược bỏ bớt những chi tiết không cần thiết. + Chú ý về hình dáng, đặc điểm nhân vật, nhịp điệu của mảng màu, nét trong sản phẩm. + Lựa chọn gam màu chủ đạo và vẽ màu có độ tương phản về đậm – nhạt. Gợi ý các bước: 1. Lựa chọn chủ đề, phác mảng (chính, phụ). 2. Vẽ hình chi tiết. 3. Vẽ màu mảng lớn. 4. Vẽ chi tiết và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hãy sử dụng hình thức vẽ hoặc xé dán để thể hiện một sản phẩm mỹ thuật đề tài bộ đội em yêu thích. (Tiết 1 HS hoàn thiện bước 2.) – Cho HS quan sát thêm một số SPMT trong SGK hoặc hình ảnh do GV sưu tầm.	– Tìm hiểu về cách xây dựng bố cục, cách lựa chọn hình ảnh từ thực tế. – Lắng nghe, tiếp thu kiến thức. – Tìm hiểu các bước thực hiện tạo SPMT. – Thực hành tạo sản phẩm SPMT đề tài bộ đội bằng hình thức vẽ hoặc xé, dán giấy.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn. Đưa ra ý tưởng hoàn thiện sản phẩm ở tiết sau. b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm và đưa ra ý tưởng hoàn thiện sản phẩm ở tiết sau. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn. d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – HS nêu cảm nhận của mình về sản phẩm của bạn theo gợi ý: + Nội dung thể hiện, cách lựa chọn và sắp xếp hình ảnh các nhân vật. + Yếu tố chính, phụ, trung gian và sự chuyển động của các ngôn ngữ tạo hình. – Góp ý để HS xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau. – Nhận xét và tuyên dương những bạn có sản phẩm đẹp và sáng tạo, động viên những HS chưa hoàn chỉnh bài cần cố gắng hơn.	– Trưng bày sản phẩm và trình bày ý tưởng trước lớp. – Góp ý bài cho bạn và xây dựng ý tưởng hoàn thiện sản phẩm ở tiết sau.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS biết sử dụng kĩ năng, kiến thức trong chủ đề để tìm chất liệu định hướng hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau. b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về một số chất liệu dễ tìm như màu nước, màu sáp, giấy màu, đất sét, lá cây, giấy báo,... để định hướng thể hiện màu hoàn thiện sản phẩm cho tiết học sau. c. Sản phẩm học tập: Lựa chọn được chất liệu thể hiện, xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS xem các sản phẩm tranh vẽ với nhiều phong cách và chất liệu khác nhau. – Gợi ý, định hướng các chất liệu thường gặp tại địa phương có thể sử dụng để hoàn thiện sản phẩm như màu nước, màu sáp, giấy màu, đất sét, lá cây, giấy báo,...	Lựa chọn chất liệu phù hợp để hoàn thiện sản phẩm.

– Củng cố kiến thức bài học: Biển đảo luôn là mảnh đất tài cuốn hút nhiều thế hệ nghệ sĩ lấy cảm hứng sáng tác. Với góc nhìn đa chiều về đối tượng, phong cách tạo hình đa dạng, các nghệ sĩ đã sáng tạo nhiều tác phẩm nhằm góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

– Dặn dò: HS tìm hiểu và sưu tầm tác phẩm mỹ thuật về đề tài bộ đội và lập danh mục tác phẩm hoặc sơ đồ (thêm hình ảnh nếu có) theo các nội dung khác nhau (chiến đấu, hành quân, nghỉ ngơi, giúp dân,...), đem theo bài vẽ ở tiết này và hoạ phẩm để hoàn thiện bài thực hành.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS thấy được vẻ đẹp của hình tượng bộ đội thông qua quan sát các hình ảnh minh họa trong SGK hoặc SPMT do GV chuẩn bị.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát, thảo luận phân tích về cách thể hiện màu sắc, chất liệu trong các bức tranh, qua đó nhận thức, khai thác và hình thành ý tưởng hoàn thiện SPMT.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức được sự phong phú trong tạo hình và sự chuyển động của hình, của màu sắc, từ đó hình thành ý tưởng hoàn thiện SPMT.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV cho HS tìm hiểu về chất liệu có thể sử dụng trong bài thực hành. – Cho HS quan sát tác phẩm thể hiện những hoạt động thường ngày của bộ đội và tổ chức thảo luận nhóm tìm hiểu về cách thể hiện tác phẩm, giúp HS hình thành ý tưởng hoàn thiện sản phẩm của mình theo gợi ý: + Cách sắp xếp các mảng chính, mảng phụ làm nổi bật chủ đề cần diễn tả. + Hình dáng các nhân vật phù hợp với chủ đề. + Chất liệu thực hiện tác phẩm. + Màu sắc, không gian được thể hiện trong tác phẩm. + Cảm nhận về sự kết hợp màu sắc và đường nét trong tác phẩm.	– Tham gia hoạt động khởi động theo hướng dẫn của GV. – Làm việc nhóm và đưa ra những nhận xét cá nhân về các tác phẩm. – Lựa chọn chất liệu và xây dựng ý tưởng để hoàn thiện SPMT của mình.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hoàn thiện được SPMT đề tài bộ đội.

b. Nội dung hoạt động: HS nhắc lại các bước thực hiện vẽ tranh đề tài hình tượng bộ đội và thực hiện hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: SPMT đề tài bộ đội hoàn thiện theo hình thức vẽ, xé, hoặc cắt dán giấy.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thảo luận và tìm hiểu về các bước thực hiện vẽ tranh đề tài hình tượng bộ đội trong sáng tạo mỹ thuật, đặc biệt là bước 3, bước 4 thể hiện màu sắc.	– Quan sát và nắm được các bước thực hiện SPMT đề tài hình tượng bộ đội trong sáng tạo mỹ thuật.

Gợi ý các bước: 1. Lựa chọn chủ đề, phác mảng (chính, phụ). 2. Vẽ hình chi tiết. 3. Vẽ màu mảng lớn. 4. Vẽ chi tiết và hoàn thiện sản phẩm. – Yêu cầu HS thực hành hoàn thiện sản phẩm bằng chất liệu tự chọn.	– Thực hành hoàn thiện sản phẩm bằng chất liệu tự chọn.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa, cảm nhận được vẻ đẹp của đề tài bộ đội, từ đó biết phân tích và đánh giá được SPMT của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu SPMT trước lớp.
- HS nêu cảm nhận của mình về nội dung, bố cục, màu sắc trong bài thực hành; phân tích, đánh giá bài thực hành của mình và của bạn.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm và trình bày cảm nhận của mình về SPMT đề tài bộ đội; khuyến khích HS góp ý bổ sung vào phần đánh giá của bạn; hướng nội dung thảo luận theo gợi ý: + Lựa chọn những sản phẩm mà em yêu thích. + Nêu cảm nhận của em về sản phẩm của bạn. + Đề tài và hình ảnh bộ đội qua hoạt động, hình dáng, bối cảnh,... + Cách thể hiện sản phẩm, sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình trong SPMT: đường nét, hình, mảng, màu sắc, biểu cảm nhân vật,... + Chia sẻ ý kiến cá nhân về phong cách và kĩ thuật thể hiện của bạn để sản phẩm được hoàn thiện hơn.	Trưng bày, chia sẻ cảm nhận về SPMT của mình và của bạn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết tìm hiểu các tác phẩm mỹ thuật về đề tài bộ đội và cách lập danh mục tác phẩm hoặc sơ đồ.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS tìm hiểu các tác phẩm mỹ thuật về đề tài bộ đội và lập danh mục tác phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS biết lập danh mục/ sơ đồ về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu về đề tài bộ đội.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu và tổ chức cho HS tìm hiểu, kể tên các tác phẩm mỹ thuật về đề tài bộ đội và lập danh mục tác phẩm hoặc sơ đồ theo các nội dung khác nhau như: chiến đấu, hành quân, nghỉ ngơi, giúp dân,... – Yêu cầu HS tìm hiểu các tác phẩm mỹ thuật về đề tài bộ đội, thực hiện yêu cầu lập danh mục hoặc sơ đồ.	Tìm hiểu các tác phẩm qua các phương tiện truyền thông và trình bày trước lớp.

– Củng cố kiến thức bài học: Thông qua nhiều hình thức sáng tác (tượng, tranh vẽ, tranh in...), những tác phẩm mỹ thuật đã tập trung khắc hoạ chân dung, hoạt động của bộ đội như: chiến đấu, học tập, huấn luyện, sinh hoạt,... để phản ánh tinh thần yêu nước, ý chí quật cường, quả cảm của cán bộ, chiến sĩ trong công cuộc xây dựng bảo vệ Tổ quốc. Đặc điểm chung về cách tạo hình bộ đội là luôn khắc hoạ hình ảnh rắn rỏi, bút pháp thô khoẻ, mộc mạc.

– Dặn dò: Đọc trước nội dung Bài 8: *Biển đảo Việt Nam*, sưu tầm nội dung, hình ảnh liên quan đến bài, chuẩn bị đồ dùng học tập đầy đủ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 8: BIỂN ĐẢO VIỆT NAM (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

– Nhận thức và hiểu được vẻ đẹp cùng sự đa dạng, phong phú của biển đảo Việt Nam, xác định được đối tượng sáng tạo.

– Vận dụng được hình ảnh thực tiễn để xây dựng ý tưởng và thực hành sáng tạo.

– Phân tích được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật; nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật.

– Biết lan toả ý thức gìn giữ cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quê hương.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tạo điều kiện cho HS quan sát hình ảnh biển đảo Việt Nam trong thực tế, thu nhận thông tin về hình ảnh từ nhiều góc nhìn khác nhau; tổ chức cho HS thảo luận để nhận biết đặc điểm riêng của mỗi hòn đảo, biết cách lựa chọn góc quan sát và đối tượng tiêu biểu để sáng tạo SPMT. – Hướng dẫn, hỗ trợ HS cách tạo bố cục bài thực hành.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp, vai trò và ý nghĩa của biển đảo Việt Nam trong đời sống và trong các SPMT; nắm được những nét đặc trưng của biển đảo; ghi nhớ, cảm thụ vẻ đẹp từ hình ảnh, màu sắc, sự vật, đối tượng và bối cảnh trong tự nhiên.

– Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được bài thực hành vẽ biển đảo hoặc làm mô hình 3D và tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật điêu khắc; nhận thức được sự khác biệt giữa hình ảnh thực của biển đảo với hình ảnh được thể hiện trong SPMT.

– Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của biển đảo và thấy được vai trò, ý nghĩa của biển đảo; biết vận dụng sự hiểu biết thực tế trong tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.

– Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào bài tập sáng tạo.

– Năng lực tin học: Biết tìm hiểu, sưu tầm những hình ảnh đẹp từ mạng internet.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tính chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu môi trường, thiên nhiên, đất nước và ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.
- Phân tích được vẻ đẹp của thiên nhiên để đưa vào SPMT; có ý thức trân trọng, giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.
- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật liệu để thực hành sáng tạo với thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số tác phẩm của hoạ sĩ có tính tượng trưng, tính biểu tượng.
- Bài vẽ về biển đảo hoặc sản phẩm khác liên quan đến chủ đề.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, màu vẽ, bút vẽ,...
- Sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS cảm nhận được đặc trưng về biển đảo ở các vùng miền thông qua những hình ảnh thực tế từ nhiều góc nhìn khác nhau. HS biết được biển đảo Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đánh dấu chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát một số hình ảnh thực tế về biển đảo, tổ chức thảo luận, tìm hiểu về vẻ đẹp, vai trò và giá trị mà biển đảo mang lại.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận được khái quát về ý nghĩa biển đảo qua các hình ảnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu bài học, cho HS xem hình ảnh hoặc video sưu tầm về biển đảo (tuỳ tình hình thực tế mà GV triển khai cho phù hợp). Tham khảo video theo đường dẫn: https://www.youtube.com/watch?v=WhwTDwjov1g (Hải quân Việt Nam bảo vệ Hoàng Sa, Trường Sa quyền biển đảo Tổ quốc); https://www.youtube.com/watch?v=eZF5MNxI2Q (Xuân về trên nhà giàn DK1). – Giới thiệu một số tranh ảnh trong SGK trang 34, 35. Ngoài ra, GV có thể sưu tầm thêm tranh, ảnh về biển đảo và đặt câu hỏi để HS thảo luận, mô tả về tên, đặc điểm, hình dáng hòn đảo. – Căn cứ tình hình thực tế của lớp, có thể tổ chức hoạt động nhóm thảo luận, tìm hiểu về vị trí, ý nghĩa, góc nhìn về biển đảo theo các nội dung: + Vị trí biển đảo ở đâu? Thuộc địa phận tỉnh nào của nước ta? • Đảo Cát Bà thuộc tỉnh Hải Phòng có vẻ đẹp hoang sơ, hữu tình, xứng danh đảo ngọc của đất Bắc, là quần thể với 367 hòn đảo lớn, nhỏ đứng lơ lửng, được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới. • Đảo Hòn Thơm là hòn đảo lớn nằm ở phía nam đảo Phú Quốc, có phong cảnh hoang sơ, nhiều ghềnh đá đẹp và lạ mắt, có bãi biển đẹp như bãi Nồm, bãi Nam, có những rạn san hô lớn và nhiều màu sắc,.... + Em biết những hòn đảo nào? Em có ấn tượng gì về những hòn đảo đó?	– Xem video, quan sát hình và trả lời câu hỏi theo gợi ý của GV. – Quan sát và tìm hiểu thêm về biển đảo. – Thảo luận và trả lời theo nội dung. – Thảo luận, mô tả về tên, đặc điểm, hình dáng hòn đảo. – Trả lời theo cảm nhận riêng, trả lời theo cảm nhận nhóm.

+ Vẻ đẹp của biển đảo được thể hiện qua thiên nhiên và qua các hoạt động của người dân như thế nào? Mỗi hòn đảo có một hình dáng khác nhau với vẻ đẹp thiên nhiên vừa hoang sơ, vừa nhân tạo khi có sự sống của con người (những công trình công cộng và dân dụng; những hoạt động đánh bắt nuôi trồng thủy sản,... của ngư dân). + Mỗi góc cảnh biển đảo thể hiện đặc điểm gì? Mỗi góc nhìn thể hiện một vẻ đẹp khác nhau: Góc nhìn từ trên cao thể hiện vẻ đẹp của không gian rộng lớn; góc nhìn cận cảnh giúp ta nhìn rõ hình ảnh sự vật, hiện tượng,... + Nhà giàn DK1 (hình 3), giữ vai trò như thế nào đối với biển đảo? Nhà giàn DK1 là tên gọi tắt của Cụm Kinh tế – Khoa học – Dịch vụ. Nhiệm vụ của các nhà giàn là lập các đèn biển để thông báo cho tàu thuyền đánh cá và vận tải hàng hải đi lại trong vùng; đặt trạm nghiên cứu khí tượng thủy văn; làm nơi trú tránh bão và ứng cứu ngư dân,... Nhà giàn có vai trò khẳng định chủ quyền biển đảo. + Biển đảo có ý nghĩa gì đối với đời sống xã hội? Hệ thống đảo và quần đảo có vị trí, vai trò quan trọng đối với đất nước: thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội với các ngành vận tải biển, đóng tàu, ngư nghiệp, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản,... – Tổ chức cho HS thảo luận để tìm hiểu về hình ảnh biển đảo được thể hiện trong các tác phẩm hội họa, điêu khắc qua các câu hỏi gợi ý: + Các tác phẩm khai thác hình ảnh gì? + Tác phẩm thể hiện nội dung gì, màu sắc như thế nào? + Em ấn tượng với tác phẩm nào nhất? Vì sao? – GV cung cấp kiến thức: Tác phẩm <i>Mừng chiến thắng</i> của Lê Văn Hải dùng nét vẽ khoáng đạt, thể hiện sự nhộn nhịp, tinh thần vui tươi phấn khởi của ngư dân trong ngày vui chiến thắng. Cảnh thuyền, biển, trời, mây nước Hòn Gai sống động hoà cùng nhịp với ngày vui của đất nước. Tác phẩm <i>Thuyền về bến</i> của Vũ Duy Nghĩa có nét vẽ nhẹ nhàng, mang tính trang trí.	– Lắng nghe, ghi nhớ, bổ sung ý kiến (nếu có).
--	---

Tác phẩm <i>Giai điệu Biển Đông</i> của Đào Châu Hải thể hiện các ngọn sóng với một khối gồm nhiều cạnh mỏng, sắc nhọn gợi liên tưởng đến mối hiểm nguy,... – GV tổng kết: Biển đảo Việt Nam là một phần thiêng liêng của Tổ quốc và con người Việt Nam với hơn 3 000 hòn đảo lớn nhỏ cùng hai quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa mang vẻ đẹp phong phú và đa dạng. Những hình ảnh mang đậm dấu ấn văn hoá biển là đề tài khơi gợi nhiều cảm xúc cho các thế hệ hoạ sĩ sáng tác nên những tác phẩm giá trị, góp phần bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quê hương.	
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS nắm được cách lựa chọn hình ảnh, bố cục và các bước thực hiện SPMT về đề tài biển đảo. b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát bài tham khảo ở SGK và hình ảnh sưu tầm; hướng dẫn HS các bước thực hiện SPMT. c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được SPMT về đề tài biển đảo. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS quan sát SGK trang 36 và tổ chức thảo luận các nội dung về các bước tiến hành: 1. Xây dựng ý tưởng và phác thảo bố cục. 2. Vẽ hình chi tiết. 3. Vẽ mảng màu lớn. 4. Vẽ màu chi tiết, hoàn thiện sản phẩm. Lưu ý: Ở tiết này, GV chỉ yêu cầu HS thực hiện xong bước 2. – GV gợi ý thêm: + Xây dựng bố cục qua kí hoạ trực tiếp để cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh vật đang hiện hữu trước mắt mình. Cùng một cảnh nhưng có nhiều góc độ quan sát, mỗi góc độ cho ta một cảm quan khác nhau. + Có thể tìm nguồn tư liệu bằng ảnh chụp, video,... Tuy nguồn tư liệu này hạn chế về góc độ nhưng cũng giúp ta quan sát được cấu trúc của sự vật một cách chính xác. Khi vẽ, nên chọn lọc hình ảnh, lược bỏ bớt những chi tiết không cần thiết.	– Nhắc lại các bước thực hiện SPMT.

– Khuyến khích HS nêu ý tưởng dự định cá nhân và góp ý định hướng. Có thể vẽ tranh hoặc làm sản phẩm mô hình theo sở thích cá nhân. – Gợi ý cho HS về hình thức thực hiện SPMT (vẽ, xé dán, làm mô hình,...). – Cho HS làm bài tập thực hành: Hãy thể hiện một SPMT về chủ đề <i>Biển đảo Việt Nam</i>.	– Nêu dự định cá nhân – Tìm ý tưởng và thực hiện SPMT. – Vẽ thực hành theo yêu cầu của bài tập.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa, cảm nhận được vẻ đẹp của các tác phẩm/ SPMT đề tài biển đảo, từ đó biết phân tích và đánh giá SPMT của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu SPMT của mình trước lớp.
- HS nêu cảm nhận của mình về nội dung, bố cục, màu sắc trong bài vẽ; phân tích, đánh giá bài vẽ của mình và của bạn.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS trưng bày các SPMT theo cá nhân hoặc nhóm. – Yêu cầu HS giới thiệu và phân tích, đánh giá về SPMT; khuyến khích HS góp ý bổ sung vào phần đánh giá của bạn. – Đánh giá chung, phân tích thêm những ưu điểm và hạn chế trong sản phẩm của từng cá nhân, đưa ra giải pháp để HS tham khảo thêm. – Yêu cầu HS góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.	– Trưng bày, chia sẻ cảm nhận của mình về sản phẩm của mình và của bạn. – Góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm tốt hơn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kĩ năng, kiến thức trong bài học để có ý tưởng về chất liệu/ vật liệu, màu sắc định hướng hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về một số chất liệu/ vật liệu dễ tìm hoặc sẵn có như bìa carton, màu nước, màu sáp, giấy màu, giấy báo,... để định hướng thể hiện màu hoàn thiện sản phẩm đề tài biển đảo.

c. Sản phẩm học tập: HS lựa chọn được chất liệu thể hiện, xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Nhắc nhở HS nghiên cứu ý tưởng, chỉnh sửa (nếu cần) để có phương án hoàn thiện bài tập cho tiết học sau. – GV lưu ý HS: Có rất nhiều hình ảnh hoạt động của con người trên biển đảo. Chúng ta cần chọn lọc, tránh vẽ quá nhiều thứ khiến sản phẩm bị rối mắt. – Gợi ý các chất liệu có thể sử dụng vào hoàn thiện sản phẩm gồm: giấy bìa, giấy báo, giấy màu, màu nước, màu sáp,...	– Nghiên cứu ý tưởng thể hiện và cách lựa chọn chất liệu phù hợp để hoàn thiện sản phẩm. – Lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.

– Củng cố kiến thức bài học: GV yêu cầu HS nhắc lại để nắm được các bước thực hành vẽ phác thảo bố cục tranh về biển đảo.

– Dặn dò: Chuẩn bị họa phẩm để hoàn thiện bài tập ở tiết sau.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS cảm nhận được đặc trưng về biển đảo ở các vùng miền thông qua những hình ảnh thực tế và qua các tác phẩm nghệ thuật; biết quan sát và thu nhận thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát một số hình ảnh thực tế về biển đảo, tổ chức thảo luận, tìm hiểu về vẻ đẹp, vai trò và giá trị mà biển đảo mang lại.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận được khái quát về ý nghĩa biển đảo qua các hình ảnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS tham khảo SGK trang 37 hoặc sản phẩm do GV sưu tầm và tổ chức thảo luận theo nội dung: + Tranh/ mô hình thể hiện những nội dung gì? + Góc nhìn và màu sắc như thế nào? + Chất liệu thể hiện SPMT là gì? – GV gợi ý: + Hình 1: tranh vẽ thể hiện cảnh tàu thuyền nhộn nhịp ra khơi, đánh bắt thủy sản, phía xa có tàu của các chú hải quân đi tuần tra. Tranh sử dụng tông màu xanh lam đặc trưng của nước biển, mảng núi đá nhấp nhô phía trước dùng màu xám của giấy báo. + Hình 2: mô hình thể hiện hình ảnh chính là cột cờ và những công trình được con người xây dựng, mang ý nghĩa thể hiện vai trò của quân và dân trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc.	– Quan sát, thảo luận và đưa ra câu trả lời. – Nêu ý tưởng hoàn thiện sản phẩm của mình. – Lắng nghe, tiếp nhận kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS nắm được cách lựa chọn hình ảnh, bố cục và các bước thực hiện SPMT về đề tài biển đảo.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát bài tham khảo trong SGK và hình ảnh sưu tầm; củng cố cho HS các bước thực hiện SPMT.

c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được SPMT về đề tài biển đảo.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại các bước phác thảo bố cục. – Tổ chức cho HS nêu ý tưởng hoàn thiện bài thực hành của mình. – Tổ chức thực hành: Yêu cầu HS hoàn thiện bài.	– Quan sát và nhắc lại các bước thực hành SPMT về đề tài biển đảo. – Thực hành hoàn thiện sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa nội dung, vẻ đẹp của các SPMT về đề tài biển đảo, từ đó biết phân tích và đánh giá SPMT của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu SPMT của mình trước lớp.

c. Sản phẩm học tập: HS phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm. – Hướng dẫn HS nhận xét SPMT theo gợi ý: + Nêu cảm nhận của em về nội dung, ý tưởng, đường nét, màu sắc của bài vẽ. + Em ấn tượng với bài vẽ nào nhất? Vì sao? + Em có cảm xúc gì khi thực hiện SPMT về đề tài biển đảo?	– Trưng bày theo tổ/ nhóm. – Quan sát, nhận xét và chia sẻ cảm nhận cá nhân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được ngôn ngữ tạo hình của tác phẩm *Đảo Hoàng Sa – chủ quyền hải phận Việt Nam* của nhà điêu khắc Tạ Quang Bạo.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát tác phẩm *Đảo Hoàng Sa – chủ quyền hải phận Việt Nam*, phân tích và nêu cảm nhận về tác phẩm; có thể sưu tầm thêm những bài viết về nhà điêu khắc Tạ Quang Bạo.

c. Sản phẩm học tập: HS hiểu và phân tích được nội dung và phong cách tạo hình của tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho HS quan sát tác phẩm <i>Đảo Hoàng Sa – chủ quyền hải phận Việt Nam</i> trong SGK trang 37. – Yêu cầu HS giới thiệu, phân tích và đưa ra cảm nhận về tác phẩm <i>Đảo Hoàng Sa – chủ quyền hải phận Việt Nam</i> của nhà điêu khắc Tạ Quang Bạo. – Gợi ý: Về hình khối tạo hình, người lính hải quân canh gác có dáng đứng hiên ngang trên ngọn sóng, tay bồng súng, cả phần thân người và lá cờ tổ quốc là một thể thống nhất.	Trình bày phần tìm hiểu về tác phẩm theo nhóm.

– Củng cố kiến thức bài học: Biển đảo luôn là nguồn cảm hứng để hình thành các hình tượng mang tính nghệ thuật. Các tác phẩm là sự chất lọc các hình ảnh thiên nhiên và nguồn tài nguyên biển phong phú cùng với các sự vật, con người đang hoạt động trên biển đảo.

– Dặn dò: Chuẩn bị các bài thực hành đã hoàn thiện để trưng bày cuối học kì 1.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

Số tiết: 04

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Chủ đề giúp các em hiểu sơ lược về giai đoạn phát triển của mỹ thuật đương đại Việt Nam; bước đầu làm quen với một số trào lưu nghệ thuật đương đại như nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Hình ảnh động và các tác phẩm hội họa, qua đó, các em biết vận dụng phong cách thể hiện của các loại hình nghệ thuật vào thực hành sáng tạo sản phẩm cho mình.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Nhận biết được một số đặc điểm nghệ thuật đương đại Việt Nam.
- Xây dựng được ý tưởng và thực hành sáng tạo sản phẩm theo phong cách nghệ thuật Sắp đặt.
- Chia sẻ được ý tưởng sáng tạo về sản phẩm nghệ thuật Sắp đặt.
- Có ý thức tìm hiểu về nghệ thuật đương đại Việt Nam.
- Biết được đặc điểm tạo hình của một số tác phẩm thiết kế đương đại Việt Nam.
- Xây dựng ý tưởng và tạo được sản phẩm thiết kế mỹ thuật theo phong cách đương đại.
- Trao đổi được ý tưởng thiết kế và công năng của SPMT.
- Trân trọng sự đóng góp của các nghệ sĩ đương đại trong lĩnh vực thiết kế.

BÀI 9: ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Nhận biết được một số đặc điểm nghệ thuật đương đại Việt Nam.
- Xây dựng được ý tưởng và thực hành sáng tạo sản phẩm theo phong cách nghệ thuật Sắp đặt.
- Chia sẻ được ý tưởng sáng tạo sản phẩm nghệ thuật Sắp đặt.
- Có ý thức tìm hiểu nghệ thuật đương đại Việt Nam.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát hình ảnh của nghệ thuật đương đại Việt Nam và thảo luận tìm ra nét đặc trưng, những đóng góp của nghệ thuật đương đại. – Hướng dẫn HS cách tạo ra sản phẩm mang phong cách nghệ thuật đương đại. – Tổ chức cho HS thực hành tạo ra sản phẩm mang phong cách nghệ thuật đương đại. – Trưng bày, phân tích, đánh giá.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: nhận biết được đặc điểm nghệ thuật đương đại Việt Nam; bước đầu tìm hiểu ý tưởng sáng tạo, hình thức thể hiện tác phẩm, không gian trưng bày tác phẩm đương đại, hình thức thiết kế sản phẩm theo phong cách đương đại.

– Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: vận dụng được hình thức tạo hình đương đại trong thực hành sản phẩm; biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá sản phẩm; biết tự tìm hiểu và giới thiệu tác phẩm nghệ thuật đương đại Việt Nam.

– Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; nêu được hướng phát triển mở rộng thêm sản phẩm bằng nhiều chất liệu; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm phù hợp để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng trình bày trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.

– Năng lực tính toán: vận dụng hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào thực hành sản phẩm.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu, quý trọng nghệ thuật và có ý thức bảo vệ, phát huy nghệ thuật đương đại Việt Nam.
- Cảm nhận được giá trị nghệ thuật của nghệ thuật đương đại Việt Nam thông qua SPMT và biết ứng dụng vào thực tế cuộc sống.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số ảnh chụp tư liệu tác giả, tác phẩm nghệ thuật đương đại Việt Nam.
- Một số SPMT đương đại tiêu biểu của Việt Nam (có thể sử dụng hình ảnh trong SGK hoặc sưu tầm tranh, ảnh,... liên quan đến bài học).
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT, đồ dùng học tập, giấy vẽ, giấy bìa, màu vẽ, bút vẽ,...
- Sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nắm được đặc điểm nghệ thuật đương đại Việt Nam qua quan sát một số tác phẩm tiêu biểu.
- HS hình thành được kĩ năng quan sát, khai thác được giá trị tạo hình, không gian trưng bày và đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động:

- HS quan sát một số hình ảnh tác phẩm nghệ thuật đương đại Việt Nam trong SGK trang 40, 41 (hoặc tư liệu phim, video giới thiệu tác phẩm nghệ thuật đương đại Việt Nam do GV sưu tầm).
- HS tìm hiểu về ý tưởng, hình thức thể hiện tác phẩm, không gian trưng bày và đặc điểm nghệ thuật đương đại.

c. Sản phẩm học tập:

- HS có kiến thức về nghệ thuật đương đại Việt Nam thông qua việc quan sát tác phẩm, thảo luận các nội dung liên quan.
- HS hình thành được ý tưởng thể hiện SPMT gắn với chủ đề bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu một số tác phẩm nghệ thuật đương đại Việt Nam (nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Hình ảnh động,...); gợi ý cho HS tìm hiểu về ý tưởng, hình thức thể hiện tác phẩm và đặc điểm nghệ thuật đương đại Việt Nam. – Yêu cầu HS trình bày những hiểu biết cá nhân, thảo luận về một số nội dung liên quan đến bài học trong SGK trang 40 theo gợi ý: + Ý tưởng sáng tạo và hình thức thể hiện tác phẩm. + Không gian trưng bày tác phẩm. + Đặc điểm nghệ thuật. – GV cung cấp kiến thức: + Tác phẩm <i>Nguồn</i> của nhà điêu khắc Bùi Hải Sơn được trưng bày tại trung tâm triển lãm Vincom Center for Contemporary art (VCCA) năm 2017. Tác phẩm mang tính biểu tượng qua hình ảnh hạt gạo, được làm từ chất liệu đồng và gỗ treo lơ lửng phía trên thảm cỏ. + Tác phẩm <i>Làng trong phố</i> của nghệ sĩ Vương Văn Thạo thuộc bộ sưu tập của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Tác phẩm mô tả những cổng làng cũ còn lại ở Hà Nội nằm trong khối hộp, chất liệu composite.	– Thảo luận trình bày phần nghiên cứu tìm hiểu về thành tựu của nghệ thuật đương đại Việt Nam: + Nghệ thuật Sắp đặt là một thể loại nghệ thuật của các tác phẩm ba chiều thường dành riêng cho địa điểm và được thiết kế để thay đổi nhận thức về một không gian. + Nghệ thuật Hình ảnh động: có nhiều hình thức khác nhau trình diễn ở phòng trưng bày, bảo tàng, phát sóng trên các kênh truyền hình, phân phối dưới dạng băng đĩa kết hợp với nghệ thuật Trình diễn, nghệ thuật Sắp đặt,... nhưng không dựa vào những quy tắc cơ bản của lĩnh vực điện ảnh.

+ Tác phẩm <i>Tích tắc</i> của nghệ sĩ Võ Việt Dũng đoạt giải Nhì giải thưởng Triển lãm Mĩ thuật Việt Nam năm 2020. Tác phẩm sử dụng máy quay để biểu đạt nghệ thuật, dựa trên một số thủ pháp của kĩ thuật điện ảnh, ánh sáng, dựng phim,... để tạo hình. + Tác phẩm <i>Lời của sông</i> của nghệ sĩ Phan Hải Bằng lần đầu được trưng bày trong triển lãm Trúc chỉ tại Viện Goethe, Hà Nội. Dựa trên cơ sở của nghề giấy thủ công được làm chủ yếu từ nguyên liệu tre, trúc, tác phẩm được sáng tạo trên bề mặt giấy bằng nhiều phương thức khác nhau khi giấy còn ướt, làm thay đổi cấu trúc bề mặt giấy tạo nên những hoa văn chìm. + ... – GV nhấn mạnh kiến thức cho HS về nghệ thuật đương đại Việt Nam trong SGK trang 41: Nghệ thuật đương đại Việt Nam là sự kết hợp đa dạng phong cách (hiện đại, hậu hiện đại, nghệ thuật trang trí,...). Một số loại hình nghệ thuật mới như: Sắp đặt, Trình diễn, Hình ảnh động,... của nghệ thuật đương đại được du nhập vào Việt Nam từ thập niên 70 của thế kỉ XX. Đến nay, cùng với Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc,... các hình thức nghệ thuật mới đã từng bước khẳng định vị trí trong đời sống nghệ thuật đương đại Việt Nam.	+ Nghệ thuật Trình diễn là một màn trình diễn được trình bày cho công chúng do những nghệ sĩ mĩ thuật thực hiện nhằm diễn đạt ý tưởng của nghệ thuật tạo hình. Nghệ thuật Trình diễn còn bao gồm cả những chuỗi hoạt động khác như sân khấu, múa, xiếc, thể dục, nhào lộn,... – HS lựa chọn loại hình nghệ thuật để tạo SPMT.
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng phong cách nghệ thuật đương đại vào việc xây dựng ý tưởng thể hiện SPMT bằng hình thức sắp đặt.

b. Nội dung hoạt động:

- HS quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện SPMT trong SGK trang 42.
- GV đặt câu hỏi định hướng cho HS dựa vào hình ảnh và thông tin trong SGK, trang 42.
- HS tiến hành thực hiện sản phẩm theo yêu cầu bài học.

c. Sản phẩm học tập: SPMT theo phong cách đương đại (hình thức sắp đặt) từ vật liệu tái sử dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức HS thực hiện SPMT theo phong cách đương đại; giúp HS lựa chọn hình thức và chất liệu để thực hiện. Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng và chuẩn bị các khối gỗ hoặc vật liệu phù hợp. 2. Vẽ màu các khối. 3. Sử dụng keo dán khối gỗ trên mặt phẳng theo ý tưởng đã định. 4. Hoàn thiện sản phẩm.	– Tìm hiểu các bước gợi ý thực hiện một SPMT theo phong cách đương đại. – Thực hành tạo sản phẩm theo phong cách đương đại từ vật liệu tái sử dụng.

– Bài tập thực hành: Hãy sáng tạo một SPMT theo phong cách đương đại từ vật liệu tái sử dụng. Tuỳ tình hình của lớp học, GV có thể cho HS làm thực hành cá nhân hoặc nhóm. – Cho HS tham khảo một số SPMT liên quan tới chủ đề bài học.	
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: – HS biết cách trình bày ý tưởng thực hành sáng tạo SPMT đương đại. – HS chia sẻ được cách thức thực hiện SPMT và chất liệu sáng tạo; nhận xét được SPMT theo phong cách đương đại của mình và của bạn. b. Nội dung hoạt động: – GV hướng dẫn HS quan sát SPMT. – HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 43. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày theo hình thức nhóm. – Yêu cầu HS xem SGK trang 43 và định hướng phân tích theo nội dung: + Ý tưởng thực hiện SPMT của em hoặc nhóm theo phong cách đương đại. + Trình bày cách thức tạo hình SPMT đương đại. + Vật liệu em hoặc nhóm sử dụng để tạo hình sản phẩm. + Nêu nhận xét về SPMT của bạn hoặc nhóm bạn. Lưu ý: Tuỳ vào số HS thực tế của lớp học, GV tổ chức thảo luận theo cách cho từng HS phát biểu hoặc phát biểu theo nhóm.	– Chia sẻ ý tưởng, hình thức thể hiện sản phẩm. – Nhận xét, góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chất liệu, hoạ phẩm hoàn thiện sản phẩm. b. Nội dung hoạt động: HS tìm hiểu chất liệu, màu sắc phù hợp với hình thức thể hiện sản phẩm của cá nhân/ nhóm. c. Sản phẩm học tập: HS lựa chọn được chất liệu, hoạ phẩm hoàn thiện sản phẩm. d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Gợi ý một số vật liệu tìm được ở địa phương để hoàn thiện sản phẩm như gỗ, cành cây, lá, giấy, bìa carton, đất nặn, chai, lọ,...	Dựa trên sản phẩm đang thực hiện, tìm chất liệu phù hợp để chuẩn bị hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

– Củng cố kiến thức bài học: Nghệ thuật đương đại Việt Nam là sự kết hợp đa dạng phong cách (hiện đại, hậu hiện đại, nghệ thuật trang trí,...). Một số loại hình nghệ thuật mới như: Sắp đặt, Trình diễn, Hình ảnh động,... của nghệ thuật đương đại được du nhập vào Việt Nam từ thập niên 70 của thế kỉ XX. Đến nay, cùng với Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc,... các hình thức nghệ thuật mới đã từng bước khẳng định vị trí trong đời sống nghệ thuật đương đại Việt Nam.

– Dặn dò: HS tìm hiểu một số tác phẩm nghệ thuật đương đại của hoạ sĩ Lê Bá Đảng (1921 – 2015); đem vật liệu, hoạ phẩm để hoàn thiện SPMT theo phong cách đương đại.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm theo phong cách đương đại từ vật liệu tái sử dụng.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh, ảnh về các sản phẩm theo phong cách nghệ thuật đương đại.

c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Tạo điều kiện cho HS quan sát tranh, ảnh, sản phẩm về các sản phẩm theo phong cách nghệ thuật đương đại và tổ chức cho HS tìm hiểu đặc điểm, ý tưởng sáng tạo, hình khối, màu sắc, cách bố cục, không gian,...	Xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm theo phong cách đương đại từ vật liệu tái sử dụng.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hoàn thiện được sản phẩm theo phong cách đương đại từ vật liệu tái sử dụng.

b. Nội dung hoạt động: Thực hành hoàn thiện sản phẩm cá nhân/ nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm hoàn thiện theo phong cách đương đại từ vật liệu tái sử dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thực hiện SPMT theo phong cách đương đại; giúp HS lựa chọn hình thức và chất liệu để thực hiện.	Hoàn thiện sản phẩm.

– Bài tập thực hành: Hoàn thiện SPMT theo phong cách đương đại từ vật liệu tái sử dụng. Tùy tình hình của lớp học, GV có thể cho HS làm thực hành cá nhân hoặc nhóm.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu:

- HS biết cách trình bày ý tưởng thực hành sáng tạo SPMT đương đại.
- HS chia sẻ được cách thức thực hiện SPMT và chất liệu sáng tạo; nhận xét được sản phẩm thực hành mỹ thuật đương đại của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS quan sát SPMT.
- HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 43.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT mà HS đã thực hiện để trưng bày theo hình thức nhóm. – Yêu cầu HS xem SGK trang 43 và định hướng phân tích theo nội dung: + Ý tưởng thực hiện SPMT của em hoặc nhóm theo phong cách đương đại. + Trình bày cách thức tạo hình SPMT đương đại. + Vật liệu em hoặc nhóm sử dụng để tạo hình sản phẩm. + Nêu nhận xét về SPMT của bạn hoặc nhóm bạn. Lưu ý: Tùy vào số HS thực tế của lớp học, GV tổ chức thảo luận theo cách cho từng HS phát biểu hoặc phát biểu theo nhóm.	– Chia sẻ ý tưởng, hình thức thể hiện sản phẩm. – Nêu nhận xét về SPMT của bạn hoặc nhóm bạn. – Đưa ra định hướng phát triển sản phẩm ứng dụng vào cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS nắm được thông tin về một số tác phẩm nghệ thuật đương đại của họa sĩ Lê Bá Đảng (1921– 2015).

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số tác phẩm nghệ thuật đương đại của họa sĩ Lê Bá Đảng.

c. Sản phẩm học tập: HS hiểu được một số đặc điểm của nghệ thuật đương đại qua sự sáng tạo trong tác phẩm của họa sĩ Lê Bá Đảng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Gợi ý cho HS hướng tìm hiểu qua sách, báo, internet... và giới thiệu tác phẩm đương đại của họa sĩ Lê Bá Đảng theo nội dung:	Trình bày, giới thiệu tác phẩm đương đại của họa sĩ Lê Bá Đảng.

+ Hình thức sáng tạo trong tác phẩm của hoạ sĩ Lê Bá Đảng. + Chất liệu sử dụng. – GV có thể mở rộng kiến thức cho HS qua một số thông tin về tác phẩm: + Tác phẩm tranh in <i>Tám chú ngựa</i> (1964) mở đầu cho việc nghiên cứu chất liệu và kĩ thuật in trong quá trình sáng tác của hoạ sĩ Lê Bá Đảng. Ông sử dụng kĩ thuật in thạch bản (in đá) kết hợp kĩ thuật đắp nổi nhằm tạo hiệu ứng về thị giác và không gian. Trong hành trình sáng tạo của hoạ sĩ Lê Bá Đảng, đề tài ngựa được ông thể hiện nhiều nhất với ý tưởng thể hiện tính chất linh hoạt, sự ngoan cường, thông minh, bền bỉ và sức dẻo dai. + Tác phẩm <i>Không gian</i> (1997) được thực hiện bằng chất liệu sơn dầu, áp dụng phương pháp vẽ kết hợp kĩ thuật đắp nổi để tạo chất.	
--	--

– củng cố kiến thức bài học: Nghệ thuật đương đại Việt Nam bao gồm một số loại hình nghệ thuật mới như: Sắp đặt, Hình ảnh động, Trình diễn,... Nghệ thuật đương đại Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhưng đã cho thấy nhiều điểm mới trong cả tư duy và sáng tạo nghệ thuật.

– Dẫn dò: HS tìm hiểu nội dung bài 10 *Thiết kế đương đại Việt Nam*. Sưu tầm tranh ảnh về các sản phẩm thiết kế theo phong cách đương đại. Chuẩn bị vật liệu, hoạ phẩm cho bài 10 *Thiết kế đương đại Việt Nam*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 10: THIẾT KẾ ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Biết được đặc điểm tạo hình của một số tác phẩm thiết kế đương đại Việt Nam.
- Xây dựng ý tưởng và tạo được sản phẩm thiết kế mỹ thuật theo phong cách đương đại.
- Trao đổi được ý tưởng thiết kế và công năng của SPMT.
- Trân trọng sự đóng góp của các nghệ sĩ đương đại trong lĩnh vực thiết kế.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát các tác phẩm của nghệ thuật Sắp đặt, phong cách đương đại và thảo luận tìm ra nét đặc trưng của trào lưu, phong cách đó. – Hướng dẫn HS cách tạo ra sản phẩm mang phong cách đương đại, nghệ thuật Sắp đặt. – Tổ chức cho HS thực hành tạo ra sản phẩm mang phong cách đương đại, nghệ thuật Sắp đặt. – Trưng bày, phân tích, đánh giá.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được các tác phẩm tiêu biểu thuộc trào lưu nghệ thuật đương đại như nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Hình ảnh động, nắm bắt được những đặc điểm, tính chất của phong cách tạo hình tiêu biểu trong các trào lưu nghệ thuật đương đại Việt Nam.

– Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được một SPMT theo phong cách đương đại, nghệ thuật Sắp đặt qua cảm nhận của cá nhân bằng các yếu tố tạo hình: sắp xếp bố cục, đường nét, hình khối, màu sắc,... trong SPMT; phân tích được một số nguyên lí tạo hình được sử dụng trong bài thực hành của bạn, qua đó, cảm thụ được vẻ đẹp của sự vật trong cuộc sống.

– Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; nêu được hướng phát triển mở rộng cho sản phẩm bằng nhiều chất liệu; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét,...

– Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào vẽ sản phẩm.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu thiên nhiên, cuộc sống muôn màu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong cuộc sống qua tác phẩm nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Hình ảnh động,...
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa, khối gỗ,... trong thực hành, sáng tạo, tích cực tự giác và nỗ lực học tập; biết yêu quý và phát huy giá trị nghệ thuật đương đại Việt Nam từ việc học tập và tìm hiểu.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số phiên bản tác phẩm thuộc nghệ thuật Sắp đặt, nghệ thuật Hình ảnh động.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, giấy bìa, màu vẽ, bút vẽ,...
- Sơ tư tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được đặc điểm, phong cách các sản phẩm nghệ thuật thiết kế như: thiết kế nội thất, ngoại thất, thiết kế sân khấu, nghệ thuật trang trí,...

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS quan sát, tìm hiểu, thảo luận về các sản phẩm nghệ thuật thiết kế nội thất, thiết kế sân khấu, nghệ thuật trang trí trong SGK trang 44, 45 (hoặc SPMT do GV chuẩn bị).

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, có kiến thức về các phong cách thiết kế nội, ngoại thất đương đại Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV tổ chức cho HS xem video về nghệ thuật thiết kế đương đại. https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=i8tb7Pe5l3A <i>(Phong cách đương đại trong thiết kế nội thất).</i> – Đặt câu hỏi: Em có nhận xét gì về xu hướng thiết kế nội thất theo phong cách đương đại qua video? – Giới thiệu về phong cách thiết kế và yêu cầu HS (cá nhân/ nhóm) quan sát các hình ảnh trong SGK trang 44, 45 (hoặc hình ảnh GV sưu tầm); gợi ý cho HS tìm hiểu về phong cách thiết kế qua tổ chức thảo luận theo gợi ý: + Màu sắc và vật liệu thiết kế: • Màu sắc phong phú: tông màu tương phản mạnh (lam, đỏ, xanh, cam, hồng, vàng,...) hoặc tông màu trung tính (xám, trắng, đen, vân đá,...). • Vật liệu thiên nhiên (gỗ, mây, tre, gốm,...), vật liệu nhân tạo (nhựa giả đá, gỗ, kính,...). + Hình thức thiết kế: phong cách đương đại thường đa dạng; kết hợp, kế thừa có chọn lọc phong cách hiện đại và hậu hiện đại ở thời kì trước. + Công năng của sản phẩm: thể hiện được đầy đủ tiện ích và có giá trị thẩm mỹ. – GV cung cấp kiến thức: Phong cách thiết kế đương đại là phong cách cập nhật những yếu tố thiết kế của thời đại đang diễn ra. Đây cũng là phong cách được nhiều người yêu thích bởi sự đơn giản nhưng không tẻ nhạt, khô cứng, không gò bó theo một công thức nhất định. Phong cách thiết kế đương đại luôn thay đổi để phù hợp với môi trường xung quanh và tâm lí người sử dụng. Công năng sử dụng được tính toán hợp lí và tiện dụng, đặc biệt rõ nét với việc thiết kế nội thất (nhà hàng, văn phòng, nhà ở,...).	– Xem video giới thiệu. – Quan sát, tìm hiểu đặc điểm phong cách thiết kế sản phẩm. – Trả lời theo hiểu biết riêng. – Thảo luận và trình bày.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hiểu và biết cách thể hiện SPMT theo phong cách đương đại thông qua các bước gợi ý.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện SPMT theo phong cách đương đại trong SGK trang 46. HS thực hiện SPMT theo phong cách đương đại.

c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được SPMT theo phong cách đương đại.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thực hiện một SPMT theo phong cách đương đại; yêu cầu HS mở SGK trang 46, cho HS quan sát các bước thực hiện một SPMT thể hiện theo phong cách đương đại; giúp HS lựa chọn ý tưởng thiết kế thực hiện bài tập. – HS thực hành SPMT theo hình thức cá nhân, chất liệu tự chọn. Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng và phác hình. 2. Cắt hình và ghép chi tiết. 3. Vẽ màu. 4. Hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hãy thể hiện một SPMT theo phong cách đương đại. Vật liệu và kích thước do HS tự chọn phù hợp với thực tế địa phương. – Bài thực hành chỉ yêu cầu HS xong bước thiết kế (bước 1) và cắt rời mảnh ghép (bước 2). – Cho HS tham khảo một số SPMT theo phong cách đương đại.	– Quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện SPMT theo phong cách đương đại. – Thảo luận nhóm tìm hiểu về cách thể hiện SPMT với hình ảnh màu sắc theo phong cách đương đại. – Thực hành tạo SPMT.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn; góp ý giúp bạn xây dựng ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm; HS nhận xét, góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – Yêu cầu HS mở SGK trang 47 và trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu ý tưởng thiết kế mỹ thuật theo phong cách đương đại của em (hoặc nhóm em).	– Trưng bày và chia sẻ ý tưởng, cách thể hiện của mình.

+ Chia sẻ về công năng của sản phẩm. + Vật liệu để thực hiện sản phẩm. – GV góp ý để HS hoàn thiện sản phẩm.	– Góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kĩ năng, kiến thức trong chủ đề để tìm chất liệu trang trí hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về một số chất liệu sẵn có, dễ tìm như bìa carton, màu nước, màu sáp, giấy màu, giấy báo,... để định hướng trang trí hoàn thiện sản phẩm mang phong cách đương đại.

c. Sản phẩm học tập: Lựa chọn được chất liệu thể hiện, xây dựng được ý tưởng trang trí hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Gợi ý các chất liệu thường gặp tại địa phương có thể sử dụng vào hoàn thiện sản phẩm như: giấy bìa, cành cây, màu nước, màu sáp, giấy màu, giấy báo,...	Lựa chọn chất liệu phù hợp để hoàn thiện sản phẩm.

– củng cố kiến thức bài học: Để nhận biết một sản phẩm thiết kế theo phong cách đương đại, ta cần chú ý đến hoa văn và đường nét, họa tiết của sản phẩm đó qua cách sử dụng những đường thẳng, bề mặt trang trí nhẵn bóng, bằng phẳng hoặc họa tiết tối giản.

– Dặn dò: Tìm hiểu về nghệ thuật thiết kế đương đại, đem bài vẽ và họa phẩm để hoàn thiện sản phẩm.

Tiết 2

– Ổn định tổ chức lớp.

– Kiểm tra đồ dùng học tập.

– Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được đặc điểm, phong cách của các sản phẩm thiết kế đương đại như: thiết kế nội thất, thiết kế sân khấu, nghệ thuật trang trí,...

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS quan sát, thảo luận về các hình ảnh tham khảo trong SGK trang 47 hoặc SPMT do GV chuẩn bị.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, củng cố kiến thức về các phong cách và xu hướng thiết kế đương đại Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Triển khai tiếp hoạt động quan sát và tìm hiểu về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu mà GV sưu tầm; gợi ý cho HS nêu những hiểu biết của mình về một số tác phẩm theo nội dung: + Màu sắc và chất liệu trong sản phẩm. + Hình thức thiết kế. + Công năng sử dụng của sản phẩm. – Tổ chức cho HS trưng bày một số SPMT của cá nhân đã làm ở tiết 1 và tổ chức thảo luận, nhận xét ý tưởng, cách thể hiện sản phẩm theo gợi ý: + Hãy nêu ý tưởng thực hiện sản phẩm của em. + Em dự định hoàn thành tiếp sản phẩm như thế nào? – Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thiện SPMT (nếu cần).	– Thảo luận tìm hiểu về màu sắc, phong cách thể hiện của phong cách đương đại. – Trưng bày SPMT. – Trình bày ý tưởng và dự định cá nhân. – Hoàn thiện sản phẩm của mình theo phong cách đương đại.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS hoàn thiện SPMT theo phong cách đương đại thông qua các bước gợi ý. b. Nội dung hoạt động: GV tiếp tục hướng dẫn HS quan sát hình tham khảo các bước thiết kế trong SGK trang 46, hoàn thiện SPMT theo phong cách đương đại. c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thiện bản thiết kế SPMT theo phong cách đương đại. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS nhắc lại các bước cơ bản để tạo SPMT. – Giúp HS hoàn thiện bài tập thực hành của tiết trước.	– Nhắc lại các bước thực hành tạo SPMT. – Thực hành hoàn thiện sản phẩm.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn; trình bày được những cảm nhận của mình trước lớp. b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm. HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 47. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn. d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – HS trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu ý tưởng và cách thức tạo sản phẩm thiết kế mỹ thuật theo phong cách đương đại của em (hoặc nhóm em). + Trình bày vật liệu sử dụng trong SPMT. + Tính ứng dụng và công năng sử dụng của sản phẩm. + Những khó khăn (nếu có) trong quá trình hoàn thiện sản phẩm. Lưu ý: Tùy vào số HS thực tế của lớp học, GV tổ chức thảo luận theo cách cho từng HS phát biểu hoặc HS phát biểu theo nhóm.	– Trưng bày SPMT theo sự hướng dẫn của GV. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các sản phẩm. – Góp ý thêm về sản phẩm thiết kế của bạn. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS có kiến thức về nghệ thuật trúc chỉ. b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát và tìm hiểu về nghệ thuật trúc chỉ thông qua quan sát các sản phẩm tiêu biểu. c. Sản phẩm học tập: HS hiểu được về nghệ thuật trúc chỉ. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung vận dụng trong SGK trang 47 và trình bày trước lớp về thông tin đã tìm hiểu được. – Hướng dẫn HS tìm hiểu qua sách, báo, internet,... về nghệ thuật trúc chỉ qua gợi ý: Em hãy cho biết một số thông tin về tác phẩm/ sản phẩm và tác giả tiêu biểu của nghệ thuật trúc chỉ. – GV cung cấp kiến thức: Nghệ thuật trúc chỉ là sự sáng tạo tinh tế của họa sĩ Phan Hải Bằng (giảng viên Trường Đại học Nghệ thuật – Đại học Huế) và các cộng sự. Nhóm đã nghiên cứu, thử nghiệm nhiều năm, chế tác được các tác phẩm, sản phẩm đa dạng như tranh, đèn lồng, nón,... – Yêu cầu HS tìm hiểu nghệ thuật trúc chỉ qua gợi ý: + Hãy liệt kê một số sản phẩm trúc chỉ mà em biết. Nêu vật liệu sử dụng và đặc điểm của sản phẩm. • Đặc điểm: có thể viết, vẽ hoặc điêu khắc trên giấy hoặc sắp đặt giấy (tùy theo cách xử lý dày mỏng, màu sắc, loại bột giấy,...). • Vật liệu: xơ sợi từ tre, trúc, giang, chuối, ngô, rơm, lục bình, dừa, bã mía, cỏ,... và trải qua nhiều công đoạn chế tác đặc biệt.	– Tìm hiểu, thảo luận và trình bày. – Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức. – Thảo luận nhóm theo gợi ý của GV.

+ Hãy trình bày về không gian trưng bày tác phẩm/ sản phẩm. Không gian trưng bày tác phẩm/ sản phẩm ở các triển lãm thường có sự kết hợp cộng hưởng với ánh sáng. Có thể trưng bày trong nhà hoặc ngoài trời. – GV tổng kết: Nghệ thuật giấy trúc chỉ là một loại hình nghệ thuật mới. Các tác phẩm/ sản phẩm được tạo ra độc đáo và có tính ứng dụng cao. Để tác phẩm/ sản phẩm mang dấu ấn riêng, cần phải qua nhiều quy trình phức tạp từ khâu bảo quản nguyên liệu cho đến tạo tác hoa văn,... nhưng quan trọng hơn hết vẫn là sự kiên trì, tỉ mỉ và niềm đam mê sáng tạo của mỗi họa sĩ/ nghệ nhân tham gia chế tác.	– Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.
---	--

– củng cố kiến thức bài học: Trong thiết kế SPMT theo phong cách đương đại, đôi khi có thể tận dụng những chi tiết thô vào thiết kế (đường ống máy lạnh, gạch thô, mảnh tường vỡ, bề mặt thân cây,...) kết hợp ánh sáng/ chiếu sáng làm tăng hiệu quả thể hiện của không gian.

– Dặn dò: Tìm hiểu về tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn. Sưu tầm sản phẩm, bài viết liên quan đến bài học. Đem đủ đồ dùng học tập để học chủ đề 6, bài 11 *Thiết kế tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Chủ đề giúp các em hiểu khái quát về thiết kế tờ gấp quảng cáo nghệ thuật biểu diễn và cấu trúc, đặc điểm tạo hình, chuyển động của nhân vật rối nước ở Việt Nam; bước đầu làm quen kĩ thuật thể hiện và xu hướng thẩm mỹ đương đại trong thiết kế quảng cáo như: poster, backdrop, tờ gấp, địa điểm trưng bày sản phẩm và kĩ thuật thực hiện sản phẩm rối nước, không gian sân khấu, qua đó, các em hiểu được vai trò của truyền thông và phát huy được những giá trị văn hoá dân tộc vào thực hành sáng tạo sản phẩm cho mình.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Nhận biết được đặc điểm, mục đích, thông điệp trong thiết kế tờ gấp quảng cáo, nghệ thuật biểu diễn.
- Vận dụng hài hoà được các yếu tố và nguyên lí tạo hình như: hình, mảng, chữ, màu,... để thiết kế tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn.
- Phân tích, chia sẻ được kĩ thuật thể hiện và xu hướng thẩm mỹ đương đại trong thiết kế tờ gấp.
- Hiểu được vai trò quan trọng của truyền thông trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.
- Nhận biết được cấu trúc, đặc điểm tạo hình, chuyển động của nhân vật rối nước.
- Xây dựng được phương án và thiết kế được sản phẩm có tỉ lệ, kích thước phù hợp với hoạt cảnh biểu diễn.
- Trình bày được ý tưởng và kĩ thuật thực hiện sản phẩm rối nước.
- Gìn giữ và phát huy được những giá trị văn hoá của dân tộc.

BÀI 11: THIẾT KẾ TỜ GẤP

GIỚI THIỆU NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm, mục đích, thông điệp trong thiết kế tờ gấp quảng cáo nghệ thuật biểu diễn.
- Vận dụng hài hoà được các yếu tố và nguyên lí tạo hình như: hình, mảng, chữ, màu,... để thiết kế tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn.

- Phân tích, chia sẻ được kĩ thuật thể hiện và xu hướng thẩm mỹ đương đại trong thiết kế tờ gấp.
- Hiểu được vai trò quan trọng của truyền thông trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát các sản phẩm thiết kế quảng cáo; thảo luận, tìm ra đặc điểm và hình thức thiết kế. – Hướng dẫn HS cách tạo ra sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo – Tổ chức cho HS thực hành tạo ra sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo. – Trưng bày, phân tích, đánh giá.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được các sản phẩm thiết kế quảng cáo, tìm ra đặc điểm và hình thức thiết kế.

– Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được một SPMT thiết kế tờ gấp quảng cáo qua cảm nhận cá nhân bằng các yếu tố tạo hình: sắp xếp bố cục hợp lí giữa kênh chữ và kênh hình, có màu sắc hài hoà, nội dung phù hợp với sự kiện biểu diễn trong SPMT; phân tích được một số nguyên lí tạo hình được sử dụng trong bài thực hành của bạn, qua đó, cảm thụ được ý nghĩa của sự kiện biểu diễn.

– Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; nêu được hướng phát triển mở rộng cho sản phẩm bằng nhiều hình thức thiết kế; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét,...

– Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào vẽ sản phẩm.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu cuộc sống và có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong cuộc sống qua sản phẩm thiết kế quảng cáo.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa, khối gỗ,... trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập tìm hiểu.
- Cảm nhận được cái đẹp, xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số sản phẩm thiết kế quảng cáo.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, giấy bìa, màu vẽ, bút vẽ,...
- Suu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được đặc điểm, hình thức thiết kế quảng cáo và địa điểm trưng bày các sản phẩm như: poster, backdrop, tờ gấp,...

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS quan sát, tìm hiểu, thảo luận về các sản phẩm thiết kế quảng cáo trong SGK trang 48, 49 (hoặc SPMT do GV chuẩn bị).

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, có kiến thức về các sản phẩm thiết kế quảng cáo.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi nối chữ – hình nhằm rèn luyện cho HS khả năng phân biệt một số đặc điểm nổi bật của sản phẩm.	– Tham gia trò chơi.

+ GV chuẩn bị: một số hình ảnh sản phẩm như, tranh minh hoạ, bìa sách, poster, backdrop, tờ gấp,... (về truyền thông y tế, bảo vệ môi trường,...). + Cách chơi: Chơi theo nhóm hoặc cả lớp. GV có thể cho HS nối tên sản phẩm với hình ảnh đúng; nối tên gọi chính xác của những sản phẩm thuộc thiết kế quảng cáo với hình ảnh,... – Giới thiệu về phong cách thiết kế và yêu cầu HS (cá nhân/nhóm) quan sát các hình ảnh trong SGK trang 48, 49 (hoặc hình ảnh GV sưu tầm); gợi ý cho HS tìm hiểu về phong cách thiết kế qua tổ chức thảo luận theo gợi ý: + Hình ảnh truyền thông trong sản phẩm thiết kế. + Đặc điểm, hình thức thiết kế. + Địa điểm trưng bày. + Nội dung truyền thông trong tờ gấp. + Kích thước, hình ảnh, cấu trúc tờ gấp. + Cách thức bố cục, màu sắc, kiểu và kích thước của chữ trong sản phẩm thiết kế. – GV cung cấp kiến thức: + Hình 4: Tờ gấp chương trình biểu diễn tuồng, kích thước hình chữ nhật, sử dụng hình mặt nạ hoá trang làm hình ảnh chính, sử dụng gam màu đỏ và xám làm chủ đạo. + Hình 5: Tờ gấp giới thiệu lịch trình sự kiện mùa rỗi nước, phần nhân vật được trở thúng nền tạo cảm giác sinh động, sử dụng gam màu vàng và xanh làm chủ đạo. + Hình 6: Giấy mời thiết kế triển lãm mặt nạ tuồng, thiết kế bố cục theo cách phá thế, sử dụng sắc độ mạnh (đỏ, lam, trắng) tạo ấn tượng và gây chú ý cho khán giả. – GV mở rộng kiến thức: Hình thức truyền thông, quảng bá cho nghệ thuật biểu diễn thường được thực hiện dưới dạng poster, backdrop, tờ rơi, tờ gấp,... Thiết kế tờ rơi, tờ gấp (brochure) cho nghệ thuật biểu diễn là một dạng ấn phẩm quảng cáo dưới hình thức cuốn sách mỏng chứa đựng những thông tin giới thiệu các sự kiện biểu diễn nghệ thuật, đảm bảo được các yếu tố về chất lượng như: hình ảnh rõ ràng, sắc nét, giàu tính thẩm mỹ, nội dung ngắn gọn, hấp dẫn, kích thích nhu cầu tìm hiểu của khán giả.	– Thảo luận theo hiểu biết cá nhân: + Hình ảnh: rõ ràng, cô đọng, sắc nét. + Đặc điểm: sử dụng đồng thời cả kênh hình và kênh chữ, hình thức thiết kế đa dạng, trên trang web, ngoài trời, thư phát trực tiếp,... + Địa điểm: backdrop thường được trưng bày trong không gian chính của sự kiện, được bố trí ánh sáng làm nổi bật sản phẩm; poster trưng bày nơi tiền sảnh và các khu vực giao thông, lối vào; vé và tờ rơi là sản phẩm nhỏ nên được đưa trực tiếp cho khán giả,... – Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hiểu được và biết cách thể hiện sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo thông qua các bước gợi ý.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo trong SGK trang 50. HS thực hiện sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo.

c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo theo chủ đề yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thực hiện một sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo; yêu cầu HS mở SGK trang 50, quan sát các bước thực hiện; giúp HS lựa chọn ý tưởng thiết kế thực hiện bài tập. – HS thực hành SPMT theo hình thức cá nhân, chất liệu tự chọn. Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng và cấu trúc, cách gấp; xác định bố cục thiết kế. 2. Vẽ hình, chữ. 3. Vẽ màu. 4. Chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm. Lưu ý: Sản phẩm thiết kế cần đảm bảo sự hài hoà giữa hình và nền. Không nên sử dụng nhiều phong chữ khi thiết kế một tờ gấp. Màu sắc có thể phân ra các sắc thái và tông màu hoặc sử dụng các màu của thương hiệu để thể hiện. – Bài tập thực hành: Hãy thiết kế tờ gấp giới thiệu về một đêm nhạc kịch, một bài hát hoặc một thần tượng âm nhạc mà em yêu thích. Bài thực hành chỉ yêu cầu HS xong bước phác thảo bố cục (bước 1) và vẽ hình, chữ (bước 2). – Cho HS tham khảo một số sản phẩm thiết kế tờ rơi do GV sưu tầm.	– Quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện sản phẩm thiết kế tờ gấp. – Thảo luận nhóm tìm hiểu về cách thể hiện thiết kế tờ gấp (brochure). – Thực hành tạo SPMT.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn; góp ý giúp bạn xây dựng ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm; HS nhận xét, góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn một số SPMT của HS đã thực hiện xong bước 2 để trưng bày. – Yêu cầu HS trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu ý tưởng thiết kế tờ gấp của em. + Trình bày việc vận dụng cách thức bố cục, hình ảnh, màu sắc, chữ,... trong thiết kế sản phẩm tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn.	– Trưng bày và chia sẻ ý tưởng, cách thể hiện của mình. – Góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kĩ năng, kiến thức trong chủ đề để có phương án hoàn thiện sản phẩm với gam màu phù hợp ở tiết học sau.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về kích thước, nội dung trình bày trong thiết kế (về hình ảnh, bố cục, màu sắc,...) để định hướng thể hiện màu hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Lựa chọn được cách thể hiện, xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Gợi ý về các yếu tố mỹ thuật trong thiết kế tờ gấp. + Kích thước: • Kích thước hình chữ nhật: 10 × 15 cm; 12 × 18 cm; 14 × 21 cm. • Kích thước hình vuông 15 × 15 cm; 18 × 18 cm. + Hình ảnh: sử dụng hình ảnh chất lượng, rõ nét, đơn giản hoá,... chữ viết nằm cân đối trong diện tích của phần gấp. + Bố cục: những hình ảnh như mặt mũi, tay chân nhân vật tránh rơi vào giữa điểm gấp. + Màu sắc: phù hợp với chủ đề, nội dung.	Lựa chọn ý tưởng phù hợp để hoàn thiện sản phẩm.

– Củng cố kiến thức bài học: Để nhận biết một sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo cần lưu ý đến các yếu tố về hình, màu, chữ, trong tổng thể nội dung khi đặt cạnh nhau. Sự tương phản (về hình, đậm nhạt, sắc thái, tỉ lệ,...) thường tạo hiệu quả mạnh và ấn tượng trong thiết kế. Cần lưu ý: sự tương phản quá ít sẽ khiến thiết kế không nổi bật và ấn tượng; sự tương phản quá nhiều sẽ khiến thiết kế trở nên lộn xộn.

– Dặn dò: Tìm hiểu về nghệ thuật thiết kế sản phẩm quảng cáo để hoàn thiện sản phẩm.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được đặc điểm, hình thức thiết kế quảng cáo poster, backdrop, tờ gấp,... và địa điểm trưng bày các sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS quan sát, tìm hiểu, thảo luận về các sản phẩm thiết kế quảng cáo trong SGK trang 51 (hoặc SPMT do GV chuẩn bị).

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, có kiến thức về các sản phẩm thiết kế quảng cáo.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Triển khai tiếp hoạt động quan sát, tìm hiểu hình tham khảo ở SGK trang 51 hoặc một số sản phẩm mà GV tự sưu tầm; gợi ý cho HS nêu những hiểu biết của mình về một số sản phẩm theo nội dung: + Cách sử dụng bố cục, hình ảnh, màu sắc, chữ,... trong thiết kế sản phẩm tờ gấp hai mặt giới thiệu chương trình <i>Những câu hát về bà</i>. + Chia sẻ kĩ thuật thể hiện và xu hướng thẩm mĩ đương đại trong thiết kế tờ gấp của em (hoặc nhóm em). – Tổ chức cho HS trưng bày một số SPMT của cá nhân đã làm ở tiết 1 và tổ chức thảo luận, nhận xét ý tưởng, cách thể hiện sản phẩm theo gợi ý: + Hãy nêu ý tưởng thực hiện sản phẩm của em. + Em dự định hoàn thiện sản phẩm như thế nào? – GV mở rộng kiến thức: Tờ gấp được thiết kế 5 trang, mỗi trang là một hình ảnh minh họa khác nhau nhưng vẫn thể hiện sự liên kết với nhau bởi cách sử dụng thống nhất gam màu lạnh làm chủ đạo. Khi mở tờ gấp, bố cục tổng thể giữa hình, chữ và nền tạo nhịp điệu mềm mại như giai điệu của âm nhạc. – Góp ý nhận xét, bổ sung ý kiến của HS.	– Thảo luận, tìm hiểu về các yếu tố kĩ thuật trong thiết kế. – Trả lời theo cảm nhận riêng. – Trình bày ý tưởng và dự định cá nhân. – Lắng nghe, tiếp nhận kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hoàn thiện sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo qua các bước gợi ý.

b. Nội dung hoạt động: GV tiếp tục hướng dẫn HS quan sát hình tham khảo các bước thiết kế trong SGK trang 50, hoàn thiện sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo.

c. Sản phẩm học tập: Bản thiết kế sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại các bước cơ bản để tạo SPMT theo hình tham khảo trong SGK trang 50. – Cho HS tiếp tục hoàn thiện bài tập thực hành của tiết trước. – Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thiện SPMT (nếu cần).	– Nhắc lại các bước thực hành tạo SPMT. – Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn; trình bày được những cảm nhận của mình trước lớp.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm. HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 51.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – HS trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu đặc điểm tờ gấp trong sản phẩm thiết kế của em (hoặc nhóm em). + Trình bày việc vận dụng cách thức bố cục, hình ảnh, màu sắc, chữ,... trong thiết kế sản phẩm tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn. + Chia sẻ kĩ thuật thể hiện và xu hướng thẩm mỹ đương đại trong thiết kế tờ gấp của em (hoặc nhóm em). + Những khó khăn (nếu có) trong quá trình hoàn thiện sản phẩm. Lưu ý: Tùy vào số HS thực tế của lớp học, GV tổ chức thảo luận theo cá nhân hoặc theo nhóm.	– Trưng bày SPMT theo sự hướng dẫn của GV. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các sản phẩm. – Góp ý thêm về sản phẩm thiết kế của bạn. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS có kiến thức về thiết kế tờ gấp quảng cáo chương trình hoặc tiết mục biểu diễn đương đại cùng vai trò của truyền thông đối với xã hội.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát và tìm hiểu về thiết kế tờ gấp quảng cáo thông qua quan sát các sản phẩm tiêu biểu.

c. Sản phẩm học tập: HS giới thiệu được một tờ gấp quảng cáo chương trình hoặc tiết mục biểu diễn đương đại và hiểu được vai trò của truyền thông đối với xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung hoạt động Vận dụng trong SGK trang 51 và trình bày trước lớp về thông tin đã tìm hiểu được. - Hướng dẫn HS tìm hiểu qua sách, báo, internet,... về thiết kế tờ gấp quảng cáo chương trình hoặc tiết mục biểu diễn đương đại qua gợi ý: Hãy cho biết một số thông tin về các sản phẩm thiết kế tờ gấp quảng cáo chương trình hoặc tiết mục biểu diễn đương đại mà em đã tìm hiểu. - GV gợi ý một số sản phẩm tờ gấp, tờ rơi cho các loại hình. Ví dụ: Tuồng là loại hình nhạc kịch mang âm hưởng hùng tráng; Chèo là loại hình sân khấu cổ truyền phát triển mạnh ở phía Bắc; Múa rối là loại hình nghệ thuật cổ xưa có hình thức sân khấu hay trình diễn liên quan đến việc thao tác với các con rối,... - GV tổng kết: Thiết kế tờ gấp quảng cáo chương trình biểu diễn nói riêng và vai trò của truyền thông nói chung có ảnh hưởng rất lớn đến mọi vấn đề của xã hội. Trong nghệ thuật biểu diễn, truyền thông tác động đến nhận thức của công chúng về định hướng thẩm mỹ nghệ thuật của sự kiện.	- Tìm hiểu, thảo luận và trình bày theo gợi ý của GV. - Trả lời theo cảm nhận riêng. - Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.

– Củng cố kiến thức bài học: Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của xã hội, vai trò truyền thông có ảnh hưởng lớn đến mọi vấn đề của xã hội, các sản phẩm quảng cáo có những thiết kế linh hoạt, sử dụng nhiều hình thức khác nhau để tiếp cận người dùng.

– Dặn dò: Tìm hiểu về tờ gấp giới thiệu nghệ thuật biểu diễn. Sưu tầm sản phẩm, bài viết liên quan đến bài học. Đem đủ đồ dùng học tập để học bài 12 *Nghệ thuật múa rối nước*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 12: NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Nhận biết được cấu trúc, đặc điểm tạo hình, chuyển động của nhân vật rối nước.
- Xây dựng được phương án và thiết kế được sản phẩm có tỉ lệ, kích thước phù hợp với hoạt cảnh biểu diễn.
- Trình bày được ý tưởng và kĩ thuật thực hiện sản phẩm rối nước.
- Gìn giữ và phát huy được những giá trị văn hoá của dân tộc.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát các sản phẩm rối nước và thảo luận tìm ra đặc điểm, cấu trúc, quy trình và vật liệu thiết kế. – Hướng dẫn HS cách tạo ra sản phẩm thiết kế tạo dáng mô phỏng con rối nước truyền thống. – Tổ chức cho HS thực hành tạo ra sản phẩm thiết kế tạo dáng mô phỏng con rối nước. – Tổ chức trưng bày sản phẩm, giúp HS nhận biết và thảo luận chia sẻ thêm về cách tạo sản phẩm.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

- Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ: biết quan sát các sản phẩm rối nước và thảo luận tìm ra đặc điểm, cấu trúc, quy trình và vật liệu thiết kế.
- Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: thực hiện được một thiết kế tạo dáng mô phỏng con rối nước truyền thống qua cảm nhận của cá nhân qua các yếu tố tạo hình: hình dáng, màu sắc, xác định điểm cân bằng và các chi tiết khớp nối,... trong sản phẩm thiết kế con rối; phân tích được một số nguyên lí tạo hình, cấu trúc và cơ chế hoạt động được sử dụng trong bài thực hành của bạn, qua đó, cảm thụ được ý nghĩa của loại hình nghệ thuật truyền thống.
- Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mĩ: biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá ý nghĩa, công năng sử dụng của sản phẩm; nêu được hướng phát triển mở rộng cho sản phẩm bằng nhiều hình thức thiết kế; biết phân tích những giá trị thẩm mĩ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét,...

– Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào thiết kế sản phẩm.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

– Phát triển tình yêu cuộc sống và có ý thức trân trọng các loại hình nghệ thuật truyền thống.

– Cảm nhận được vẻ đẹp của sự vật, nhân vật gắn liền với thiên nhiên và sinh hoạt của người nông dân trồng lúa nước ở đồng bằng Bắc Bộ thông qua các sản phẩm thiết kế con rối.

– Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa, khối gỗ,... trong thực hành, sáng tạo, tích cực tự giác và nỗ lực học tập, tìm hiểu.

– Cảm nhận được cái đẹp, xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.

– Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.

– Một số sản phẩm thiết kế tạo dáng mô phỏng con rối nước

– Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

– SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, giấy vẽ, giấy bìa, màu vẽ, bút vẽ, ghim giấy, kim chỉ,...

– Sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

– Ổn định tổ chức lớp.

– Kiểm tra đồ dùng học tập.

– Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS cảm nhận được nét đặc trưng về loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống của Việt Nam như: không gian biểu diễn, đặc điểm tạo hình, tên gọi, quy trình thiết kế và cơ chế hoạt động của nhân vật rối.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát một số hình ảnh thực tế của các nhân vật và sân khấu biểu diễn rối nước; tổ chức cho HS thảo luận để tìm hiểu về loại hình và các giá trị của nghệ thuật múa rối nước trong đời sống văn hoá tinh thần của người dân Việt Nam.

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được đặc trưng về loại hình nghệ thuật múa rối nước truyền thống của Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV tổ chức cho HS hát, đọc thơ hoặc đố vui về nghệ thuật rối nước để tạo hứng thú. Ví dụ đọc câu thơ: Làng mình mở hội hay chưa? Đi xem múa rối ao chùa canh đêm Tếu cười toét miệng ngoi lên Trăng rằm rơi tằm in nền nước xanh <i>Hoàng Anh Tuấn</i> – Cho HS xem hình ảnh hoặc video về nghệ thuật rối nước do GV sưu tầm hoặc vào đường link https://www.youtube.com/watch?v=Qb7nZpD7QqQ (tùy tình hình thực tế mà GV triển khai cho phù hợp). – Giới thiệu về nghệ thuật rối nước và yêu cầu HS (cá nhân/ nhóm) quan sát các hình ảnh trong SGK trang 52, 53 (hoặc hình ảnh GV sưu tầm); gợi ý cho HS tìm hiểu về nghệ thuật rối nước qua thảo luận theo gợi ý: + Hãy kể tên những nhân vật rối mà em biết (chú tễu, vua, quan, lính, nông dân, cô tiên, rồng, phượng,...). + Miêu tả đặc điểm tạo hình của nhân vật (thường được tạo hình theo tiêu chuẩn ước lệ: nữ có mặt trái xoan, người thắt đáy lưng ong, mặc yếm dải; nam mặt chữ điền, vai rộng,...). + Kể tên vở diễn múa rối nước mà em đã xem. Nêu cảm nhận về nội dung và không gian, địa điểm biểu diễn. + Vật liệu chính để chế tạo con rối (các loại gỗ như: gỗ sung, gỗ mít là loại gỗ nhẹ để có thể nổi trên mặt nước; có thớ dai, không bị vỡ khi tạo tác; có độ bền để không bị mục khi ngâm trong nước). + Nêu khái quát quy trình thiết kế và cách tạo hình con rối:	– Tham gia hoạt động. – Theo dõi hình ảnh, video. – Thảo luận, trình bày theo hiểu biết và cảm nhận cá nhân.

• Quy trình thiết kế: nghiên cứu kịch bản, vẽ mẫu nhân vật, đục tạo hình rối (đục rỗng bên trong để giảm trọng lượng), phơi khô, làm nhẵn bề mặt, phủ sơn ta (loại sơn chống thấm nước giữ độ bền gỗ), thép bạc, vàng, hoá trang theo tính cách nhân vật, trang trí hoạ tiết, lắp bộ phận điều khiển (máy, dây, sào, thùng,...). • Cách tạo hình: Đầu và thân được tạc liền trên một khúc gỗ, chân, tay được gắn vào thân bằng những chốt gỗ. Trang phục con rối hầu hết bó sát vào người, ranh giới phân biệt là màu sắc. + Cơ chế hoạt động của con rối như thế nào? (Người điều khiển đứng bên trong sân khấu, sử dụng hệ thống sào kết hợp với dây được gắn ở phần thân dưới để điều khiển hoặc giật con rối bằng hệ thống dây bố trí ở bên ngoài/ dưới nước.) – GV cung cấp kiến thức: Múa rối nước là loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống của Việt Nam, ra đời khoảng hơn mười thế kỷ trước ở vùng châu thổ sông Hồng. Đây là loại hình dùng con rối diễn trò, diễn kịch trên mặt nước, thường diễn ra vào dịp lễ, hội làng, ngày vui, ngày Tết,... Đặc trưng của loại hình này là sự kết hợp giữa nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật biểu diễn trên mặt nước. Múa rối có ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhưng múa rối nước thì chỉ có ở Việt Nam, được vinh danh là tinh hoa văn hoá phi vật thể đặc sắc của dân tộc.	– Lắng nghe, ghi nhớ.
---	-----------------------

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS nắm được cách bố cục và các bước thiết kế tạo dáng mô phỏng con rối.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát bài tham khảo trong SGK và hình ảnh do GV sưu tầm; hướng dẫn HS các bước thực hiện sản phẩm mô phỏng rối nước.

c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được SPMT nhân vật mô phỏng rối nước.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thực hiện một sản phẩm thiết kế mô phỏng con rối nước. Yêu cầu HS mở SGK trang 54, cho HS quan sát các bước thực hiện; giúp HS lựa chọn ý tưởng thiết kế thực hiện bài tập. – Tổ chức cho HS thảo luận, nêu ý tưởng dự định cá nhân, góp ý định hướng thêm; có thể gợi ý cho HS tìm hiểu các vở diễn để thêm ý tưởng sáng tạo. – Yêu cầu HS thực hành SPMT theo hình thức cá nhân, chất liệu giấy hoặc bìa carton, màu gouache.	– Quan sát, suy nghĩ tìm ý tưởng. – Thảo luận nhóm, tìm hiểu về cách thể hiện thiết kế mô phỏng con rối nước bằng giấy bìa.

Gợi ý các bước: 1. Phác thảo thiết kế cấu tạo tổng thể con rối (gồm phần đế và phần thân rối). 2. Vẽ hình con rối lên bìa, cắt các bộ phận và trang trí (thân và đầu phải làm cả mặt trước, sau và ghép vào nhau). 3. Nối khớp bộ phận tay vào thân rối. (Có thể dùng kim, chỉ hoặc đinh ghim xuyên qua và cố định hai đầu. Lưu ý không quá sát để phần tay có thể cử động dễ dàng.) 4. Xác định điểm cân bằng để dán thân rối với đế, hoàn thiện sản phẩm. <i>Lưu ý:</i> Thông thường, phần thân đặt chính giữa đế sẽ tạo thế cân bằng, nhưng nếu một bên tay nhân vật có cầm thêm đồ vật thì phần thân cần đặt dịch sang phía ngược lại để cân bằng trọng lượng. – Bài tập thực hành: Hãy sử dụng các vật liệu sẵn có để thiết kế tạo dáng và trang trí một con rối phù hợp với nhân vật trong vở diễn hoặc hoạt cảnh em yêu thích. Bài thực hành chỉ yêu cầu HS xong bước phác thảo thiết kế cấu tạo tổng thể (bước 1) và vẽ hình con rối lên bìa (một phần trong bước 2).	– Tìm hiểu các bước thực hiện sản phẩm thiết kế mô phỏng con rối nước. – Thực hành tạo SPMT.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của nhân vật rối, từ đó biết phân tích và đánh giá sản phẩm nhân vật rối của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu bản thiết kế nhân vật rối của mình trước lớp.
- HS nêu cảm nhận của mình về nhân vật, đặc điểm tạo hình và cấu tạo con rối (khuôn mặt, trang phục,...).
- HS phân tích, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận và phân tích được sản phẩm mô phỏng nhân vật rối nước.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn một số SPMT của HS đã thực hiện xong bước 1 và một vài mảnh cắt rời của bước 2 để trưng bày. – Yêu cầu HS trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu ý tưởng thiết kế mô phỏng con rối của em. + Nêu cảm nhận của mình về nhân vật, đặc điểm tạo hình và cấu tạo con rối (khuôn mặt, trang phục, màu sắc và chi tiết khớp nối giúp con rối cử động).	– Trưng bày và chia sẻ ý tưởng, cách thể hiện của mình. – Góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kĩ năng cắt dán, ghép hình,... để có phương án hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về cấu tạo, cơ chế hoạt động trong bản thiết kế con rối (khớp nối, sự cân bằng,...) để định hướng thể hiện hoàn thiện sản phẩm thiết kế mô phỏng con rối nước.

c. Sản phẩm học tập: Lựa chọn được cách thể hiện, xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Gợi ý về cách tạo hình (màu sắc, hình ảnh,...) và đặc điểm, cấu trúc trong thiết kế mô phỏng con rối nước. + Về kích thước: • Phần đế rối: đường kính 15 – 20 cm. • Chiều cao rối: 23 – 28 cm (tính cả phần cao phía trên đế và phần gắn vào đế bập bênh) sao cho phần tay nhân vật khi cử động không bị chạm đế quá nhiều gây vướng. + Về hình ảnh nhân vật trong thiết kế: • Nhân vật người như chú tễu, cô tiên, thằn lằn, cô thôn nữ,... nên khai thác vẽ mặt chính diện. • Nhân vật thú như: con ngựa, rùa, trâu, bò, chim,... nên khai thác vẽ mặt nhìn nghiêng 1/2 để tiện cho việc tạo khớp nối ở các bộ phận như đầu, cổ, thân, đuôi,... + Về khớp nối: Có thể dùng kim chỉ hoặc đinh ghim để nối phần thân và bộ phận cánh tay, sau đó thắt nút cố định hai đầu bằng miếng bìa hoặc khúc tăm tre nhỏ. Không nên thắt quá chặt gây khó cử động cho các bộ phận.	– HS lắng nghe – Tìm hiểu, phân tích chi tiết và có phương án phù hợp để hoàn thiện sản phẩm.

– Củng cố kiến thức bài học: Để nhận biết một sản phẩm thiết kế mô phỏng con rối nước cần lưu ý đến các yếu tố về hình, về động tác, các chi tiết có thể tạo khớp nối và sự chuyển động như: khối đầu với thân, cánh tay với thân, bàn tay với khuỷu tay,... Các phần có chi tiết ghép khớp nối, cần cắt cộng thêm cả những phần (mảng) bị che khuất để khớp nối được chắc chắn. Nếu mảng che khuất quá ít, khớp nối dễ bị bong/ đứt khi chuyển động.

– Dặn dò: Tìm hiểu về nghệ thuật thiết kế con rối để hoàn thiện sản phẩm.

Tiết 2

– Ổn định tổ chức lớp.

– Kiểm tra đồ dùng học tập.

– Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu được nét đặc trưng về loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống của Việt Nam như: không gian biểu diễn, đặc điểm tạo hình, tên gọi, quy trình thiết kế và cơ chế hoạt động của nhân vật rối.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát một số sản phẩm các nhân vật và sân khấu biểu diễn rối nước ở phần Tham khảo SPMT trong SGK trang 55 và một số sản phẩm mà GV sưu tầm.

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được đặc trưng về đặc điểm, cấu tạo của con rối.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Triển khai tiếp hoạt động quan sát, tìm hiểu hình tham khảo trong SGK trang 55 hoặc một số sản phẩm mà GV tự sưu tầm; gợi ý cho HS nêu những hiểu biết của mình về một số sản phẩm theo nội dung: + Cảm nhận về nhân vật, đặc điểm tạo hình: hình dáng, trang phục, màu sắc,... + Cấu tạo con rối và chi tiết khớp nối giúp con rối cử động. Gợi ý: • Hình 1: Nhân vật rối tể mô phỏng rối nước được thiết kế chuyển động ở cánh tay và đế bập bênh, nền phía sau là ngôi đình (không chuyển động, chỉ mang tính trang trí). Về tạo hình, rối tể là nhân vật khoảng 7, 8 tuổi nhưng hình dáng thường to hơn các nhân vật rối khác, miệng cười rộng đến mang tai, gây cười cho khán giả. Tể có thân hình đầy đặn, da trắng hồng, đóng khố, lộ ngực và bụng phệ, có tính cách táo bạo, luôn luôn giễu cợt, chế nhạo người khác. • Hình 2: Nhân vật cô thôn nữ, rối dây, được điều khiển bởi hệ thống dây và que sào phía trên đối với phần chuyển động là cánh tay. Về tạo hình, nhân vật thể hiện vẻ dịu dàng, mềm mại, duyên dáng. • Hình 3: Rối ngựa, mô phỏng rối nước “ngựa” còn gọi là xích mã (ngựa đỏ), diễu trên đường trong cảnh đưa quan lớn về làng (vinh quy bái tổ), được thiết kế chuyển động ở phần đế bập bênh và khớp nối giữa thân và cổ. Về tạo hình, nhân vật được tô màu đỏ và màu vàng (ý nghĩa sơn son, thếp vàng), họa tiết trên tượng ngựa được trang trí tỉ mỉ, mang vẻ đẹp tinh tế và trang nghiêm. Hình ảnh nhân vật ngựa cũng thể hiện sự mạnh mẽ, thông minh và tận tụy, đã trở thành một biểu tượng quan trọng trong nền văn hoá Việt Nam. – Cho HS trưng bày một số bản thiết kế con rối đã làm ở tiết 1 và tổ chức thảo luận, nhận xét ý tưởng, cách thể hiện sản phẩm theo gợi ý: Em dự định hoàn thành tiếp sản phẩm như thế nào? – Góp ý nhận xét, bổ sung ý kiến cho HS.	– Thảo luận tìm hiểu về cấu tạo con rối. – Lắng nghe, tiếp thu kiến thức. – Trưng bày SPMT. – Trình bày ý tưởng và dự định cá nhân.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hoàn thiện được SPMT nhân vật mô phỏng rối nước qua các bước gợi ý.

b. Nội dung hoạt động: GV tiếp tục hướng dẫn HS quan sát hình tham khảo các bước thiết kế trong SGK trang 54 hoặc SPMT nhân vật mô phỏng rối nước do GV sưu tầm.

c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thiện SPMT nhân vật mô phỏng rối nước.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS nhắc lại các bước cơ bản để tạo SPMT theo hình tham khảo trong SGK trang 54. – Yêu cầu HS tiếp tục hoàn thiện bài tập thực hành của tiết trước. – Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thiện SPMT (nếu cần).	– Nhắc lại các bước thực hành tạo sản phẩm mô phỏng con rối. – Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của nhân vật rối, từ đó biết phân tích và đánh giá được sản phẩm nhân vật rối của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu trước lớp sản phẩm nhân vật rối đã hoàn thiện của mình.
- HS nêu cảm nhận của mình về nhân vật, đặc điểm tạo hình và cấu tạo con rối (khuôn mặt, trang phục, màu sắc và chi tiết khớp nối giúp con rối cử động).
- Biết phân tích, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.

c. Sản phẩm học tập: Cảm nhận và phân tích được sản phẩm mô phỏng nhân vật rối nước.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – Yêu cầu HS trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Cách thức tạo dáng, cấu trúc, đặc điểm tạo hình để thiết kế và trang trí sản phẩm rối. + Cách thức thiết kế chuyển động (các khớp nối, yếu tố giữ thăng bằng,...) trong sản phẩm rối của em (hoặc nhóm em). – Chia sẻ ý tưởng về tính ứng dụng của sản phẩm (vở diễn, sân khấu, địa điểm, không gian,...).	– Trưng bày SPMT theo sự hướng dẫn của GV. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các sản phẩm. – Góp ý thêm về sản phẩm thiết kế của bạn. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS có kiến thức về sân khấu và các tiết mục múa rối nước ở Việt Nam, có thể cùng bạn tìm ý tưởng thiết kế và xây dựng hoạt cảnh phù hợp với sản phẩm rối đã thực hiện.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 55, khuyến khích HS sưu tầm thêm hình ảnh liên quan đến sân khấu hoặc hoạt cảnh rối nước.

c. Sản phẩm học tập: HS hiểu thêm về sân khấu và các tiết mục múa rối nước ở Việt Nam. Ngoài ra, HS có thể hợp tác với bạn/ nhóm để xây dựng ý tưởng thiết kế và hoạt cảnh phù hợp với sản phẩm rối đã thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung vận dụng trong SGK trang 55 và trình bày trước lớp về thông tin đã tìm hiểu được. – Hướng dẫn HS tìm hiểu qua sách, báo, internet,... về sân khấu rối nước qua gợi ý: + Thuỷ đình thường được dựng ở đâu? + Hình dáng cấu tạo của thuỷ đình như thế nào? – Hướng dẫn HS cách quan sát, tìm hiểu sản phẩm, thảo luận thêm các chi tiết trang trí nếu chưa rõ. – GV kết luận : Hình ảnh thuỷ đình mang dáng dấp mái đình với kiến trúc chồng diêm hai tầng, mái ngói nhẹ nhàng và thanh thoát với đầu đao cong vút như mái thuyền được dựng trên mặt nước (có thể là ao, hồ hay bể chứa nước). Thuỷ đình có hai dạng: thuỷ đình cố định bằng gạch ngói và thuỷ đình di động dùng để đi biểu diễn lưu động làm bằng phên tre, khung ống nước,... – Yêu cầu HS làm sản phẩm thuỷ đình theo nhóm và ghép với các nhân vật rối đã thực hành ở tiết trước sao cho phù hợp với vở diễn (nếu thời gian trên lớp cho phép).	– Tìm hiểu, thảo luận và trình bày. – Lắng nghe, tiếp nhận kiến thức. – Thảo luận nhóm theo gợi ý của GV. – Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức. – Thực hành làm sản phẩm thuỷ đình theo nhóm.

– Củng cố kiến thức bài học: Nghệ thuật múa rối nước là một loại hình nghệ thuật sân khấu mang tính tổng hợp, đa diện với nhiều thành phần. Để vở diễn thành công, cần trang bị thêm cờ, quạt, lọng, cổng, ánh sáng, màn khói huyền ảo kết hợp âm nhạc (lời ca, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng tù và, pháo thăng thiên từ dưới nước lên,...).

– Dặn dò: Tìm hiểu về Mĩ thuật ứng dụng. Sưu tầm sản phẩm, bài viết liên quan đến bài học. Đem đủ đồ dùng học tập để học chủ đề 7, bài 13 *Nghệ thuật gốm đương đại*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Chủ đề giúp các em hiểu sơ lược về gốm đương đại và thiết kế bao bì sản phẩm; bước đầu làm quen với đặc điểm, chất liệu, công năng của gốm và bao bì sản phẩm; phân tích được vẻ đẹp, vai trò, công năng sử dụng và quy trình chế tác/ thiết kế của sản phẩm gốm và bao bì, qua đó, các em biết vận dụng ngôn ngữ tạo hình thể hiện thực hành sáng tạo sản phẩm cho mình.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Hiểu được các đặc điểm, chất liệu, công năng của gốm đương đại.
- Xây dựng ý tưởng và tạo hình được sản phẩm gốm đương đại.
- Phân tích được vẻ đẹp và vai trò của sản phẩm gốm đương đại.
- Biết trân trọng giá trị nghệ thuật gốm truyền thống và đương đại.
- Hiểu được các đặc điểm nhận diện thương hiệu trên bao bì sản phẩm.
- Xây dựng được ý tưởng, phác thảo và thiết kế được bao bì sản phẩm.
- Phân tích được kết cấu và các thành phần thiết kế trên sản phẩm bao bì.
- Biết trân trọng giá trị thẩm mỹ và có ý thức trong việc sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

BÀI 13: NGHỆ THUẬT GỐM ĐƯƠNG ĐẠI (2 tiết)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Về kiến thức**

- Hiểu được đặc điểm, chất liệu, công năng của gốm đương đại.
- Xây dựng được ý tưởng và tạo hình được sản phẩm gốm đương đại.
- Phân tích được vẻ đẹp và vai trò của sản phẩm gốm đương đại.
- Biết trân trọng giá trị nghệ thuật gốm truyền thống và đương đại.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát các sản phẩm của nghệ thuật gốm đương đại và thảo luận tìm ra nét đặc trưng về đặc điểm, chất liệu, kiểu dáng và màu sắc của sản phẩm đó. – Hướng dẫn HS cách tạo ra sản phẩm đĩa gốm bằng đất sét hoặc chất liệu phù hợp. – Tổ chức cho HS thực hành tạo sản phẩm đĩa gốm bằng đất sét hoặc chất liệu phù hợp. – Trưng bày, phân tích, đánh giá.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được các sản phẩm/ tác phẩm nghệ thuật gốm đương đại như bộ ấm chén, bát, đĩa, lư, ché, gốm, phù điêu gốm,... nắm bắt được những đặc điểm, hoạ tiết, tính ứng dụng của sản phẩm gốm đương đại Việt Nam và thế giới.

– Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được SPMT gốm trang trí theo phong cách đương đại bằng hình thức, chất liệu phù hợp.

– Năng lực phân tích đánh giá thẩm mỹ: phân tích được vẻ đẹp và vai trò của sản phẩm gốm đương đại; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để tạo SPMT; biết sưu tầm các sản phẩm thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng từ sách báo, tạp chí, internet,... để tự nghiên cứu mở rộng kiến thức.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, trao đổi, chia sẻ, phân tích nhận xét SPMT.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng kĩ năng nặn, uốn vuốt, tạo khối, khắc nét và vẽ trang trí để thực hành sáng tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng thuyết trình, trao đổi, trình bày, giới thiệu, nhận xét, góp ý,...

– Năng lực tính toán: ứng dụng các thông số kĩ thuật trong thiết kế bản vẽ để hoàn thiện SPMT.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu thiên nhiên, cuộc sống muôn màu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong cuộc sống qua tác phẩm gốm,...
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa, khối gỗ,... trong thực hành, sáng tạo, tích cực tự giác và nỗ lực học tập; biết yêu quý và phát huy giá trị nghệ thuật đương đại Việt Nam từ việc học tập và tìm hiểu.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số phiên bản tác phẩm/ sản phẩm nghệ thuật gốm.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có), đồ dùng học tập, đất sét/ đất nặn, dụng cụ nặn, bảng kê, khăn lau tay,...
- Sơ tư tằm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu được đặc trưng, hình thức thể hiện của gốm đương đại; biết được công năng của các sản phẩm gốm đương đại.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát các hình ảnh gốm đương đại trong SGK trang 56, 57 hoặc các hình ảnh do GV sưu tằm, qua đó hình thành ý tưởng thiết kế, sáng tạo SPMT.

c. Sản phẩm học tập: HS hình thành được ý tưởng trang trí đĩa gốm theo phong cách đương đại.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV tổ chức cho HS xem video về nghệ thuật gốm. Tham khảo đường dẫn: https://www.youtube.com/watch?v=KNV9Vulin6A (Gốm mỹ nghệ Biên Hoà) hoặc https://www.youtube.com/watch?v=KIOQR1abYL4 (Gốm Biên Hoà – Tinh hoa đất Việt). – Đặt câu hỏi: Em có nhận xét gì về xu hướng thiết kế sản phẩm gốm theo phong cách đương đại khi xem video? – Giới thiệu về phong cách thiết kế và yêu cầu HS (cá nhân/ nhóm) quan sát các hình ảnh trong SGK trang 56, 57 (hoặc hình ảnh GV sưu tầm); gợi ý cho HS tìm hiểu về nghệ thuật gốm đương đại qua tổ chức thảo luận theo gợi ý: + Đặc điểm của sản phẩm gốm. + Ý tưởng thể hiện. + Kiểu dáng, màu sắc, hoạ tiết trang trí trên sản phẩm. + Tính ứng dụng của sản phẩm. – GV cung cấp kiến thức: + Tác phẩm 1: <i>Người phụ nữ và con chim</i> của Joan Miró (một hoạ sĩ và nhà điêu khắc gốm sứ), tạo hình một người phụ nữ bằng hình khối đơn giản, nữ tính với hình trụ rỗng bên trong; bên trên là một chiếc mũ có hình một con chim mang giá trị biểu trưng. + Tác phẩm 2: <i>Hình thức và Chức năng</i> của Anders Ruhwald, là một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt, thể hiện sự tự do, chuyển động. + Sản phẩm 3: <i>Bát trà</i> của John Glick (một nghệ sĩ được biết đến nhiều nhất với những thiết kế bộ đồ ăn độc đáo, mang phong cách gốm sứ Nhật Bản), tạo hình bát trà với hoạ tiết hoa văn đơn giản, hình dạng trừu tượng. + Sản phẩm 4 và 5: có lối tạo hình mang tính cách điệu và không gian ước lệ với gốm nhiều màu phong phú. + Sản phẩm 6: Bình gốm với hình phong cảnh, dùng để trưng bày hoặc cắm hoa. + ... – Để tạo sự hứng thú, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi hoặc chia nhóm thảo luận theo gợi ý: + Kể tên một số sản phẩm gốm trong đời sống. + Kể tên một vài dòng gốm ở Việt Nam mà em biết, tên địa phương sản xuất các dòng gốm này.	– Xem video giới thiệu. – Quan sát, tìm hiểu đặc điểm phong cách thiết kế sản phẩm. – Trả lời theo hiểu biết riêng: + Một số dòng gốm: gốm Bát Tràng, gốm Bàu Trúc, gốm Cây Mai, gốm Biên Hoà,...; + Phương thức sản xuất: • Gốm Bát Tràng: chọn đất làm gốm, xử lí, pha chế đất, tạo dáng, phơi sấy, trang trí hoa văn, chế tạo men, tráng men, nung. • Gốm Biên Hoà: tạo dáng, trang trí (vẽ chìm, đắp nổi hoặc trổ thủng), phủ men màu, nung. – Thảo luận và trình bày.

– GV cung cấp kiến thức: Gốm được chia thành ba nhóm chính: đồ đất nung, đồ sành và đồ sứ, có những đặc tính khác nhau phục vụ cho nhiều mục đích sử dụng. Sản phẩm gốm đương đại đã có thêm nhiều màu men mới như: gốm Bát Tràng có men nâu (nâu xám, nâu vàng, da lươn, men nâu cộng với men nền trắng ngà và xanh rêu), men lam, men trắng ngà, men xanh rêu, men rạn,... Gốm Biên Hoà có thêm nhiều màu men lạ như: men xanh đồng, men đá đỏ (đá ong),...	
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS nắm được các bước thực hành trang trí gốm dạng đĩa tròn theo phong cách đương đại và thực hiện được SPMT gốm bằng đất sét hoặc chất liệu phù hợp. b. Nội dung hoạt động: – GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng, lựa chọn chất liệu thực hành. – HS xây dựng ý tưởng và thực hiện SPMT trang trí gốm theo phong cách đương đại. c. Sản phẩm học tập: SPMT gốm bằng đất sét hoặc chất liệu phù hợp. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thực hiện một sản phẩm gốm theo phong cách đương đại; yêu cầu HS mở SGK trang 58, cho HS quan sát các bước thực hiện sản phẩm gốm; giúp HS lựa chọn ý tưởng thiết kế thực hiện bài tập. – HS thực hành SPMT theo hình thức cá nhân, chất liệu tự chọn. Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng, tạo nền tròn. 2. Phác hình và gọt khối theo ý tưởng. 3. Đắp nổi. 4. Khắc chi tiết và hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hãy thực hiện một sản phẩm đĩa gốm bằng đất sét hoặc chất liệu phù hợp. Bài thực hành chỉ yêu cầu HS xong bước 1 và 2. – Cho HS tham khảo thêm một số sản phẩm gốm đương đại.	– Quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện SPMT theo phong cách đương đại. – Thảo luận nhóm, tìm hiểu về cách thể hiện SPMT với hình ảnh màu sắc theo phong cách đương đại. – Thực hành tạo SPMT.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS biết trưng bày, phân tích và chia sẻ cảm nhận về SPMT của mình và của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày, giới thiệu và chia sẻ SPMT của mình trước lớp.
- HS phân tích đặc điểm, chất liệu sản phẩm gốm; nêu ý tưởng tạo hình sản phẩm gốm đương đại về đường nét trang trí, màu sắc,...; chia sẻ về tính ứng dụng của sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS trưng bày, phân tích và chia sẻ được cảm nhận về SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – Yêu cầu HS mở SGK trang 57 và trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu ý tưởng thiết kế sản phẩm gốm đương đại của em (hoặc nhóm em). + Đặc điểm, hoạ tiết trang trí của sản phẩm. – GV góp ý để HS hoàn thiện sản phẩm.	– Trưng bày và chia sẻ ý tưởng, cách thể hiện của mình. – Góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kiến thức tạo hình và kĩ năng (đắp, nặn, uốn, vuốt, khắc nét,...) để trang trí hoàn thiện sản phẩm bằng gốm ở tiết học sau.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về một số kĩ thuật điêu khắc để định hướng cho HS hoàn thiện sản phẩm gốm đương đại.

c. Sản phẩm: HS lựa chọn được kĩ thuật thể hiện, xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Gợi ý về các phương pháp, kĩ thuật thường được sử dụng trong điêu khắc như: đắp nổi, khoét lõm,... – Nếu không có công cụ chuyên dụng, có thể cho HS sử dụng các công cụ có sẵn như ngòi bút bi, ghim kẹp giấy,... để thay thế. – GV lưu ý về bố cục: Cần có sự nhịp nhàng về đường nét, hình khối mảng chính, mảng phụ, đồng thời chú ý các mảng đặc, mảng trống và cách diễn tả đường nét mang tính trang trí. Nếu bố cục đĩa gốm nhiều mảng đặc, không có mảng trống thì đĩa gốm trở nên chật chội, khó chịu. Mảng trống nên vuốt phẳng, mượt để tôn các mảng có hình, hoạ tiết trang trí.	– Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức. – Lựa chọn chất liệu phù hợp để hoàn thiện sản phẩm.

– Củng cố kiến thức bài học: Để nhận biết một sản phẩm gốm theo phong cách đương đại, ta cần chú ý đến hoa văn, màu sắc của sản phẩm. Vì sản phẩm gốm đương đại được hỗ trợ bởi nhiều kĩ thuật, nhiều công cụ máy móc nên màu sắc đa dạng và phong phú hơn các sản phẩm truyền thống.

– Dặn dò: Tìm hiểu về nghệ thuật gốm đương đại, đem bài thực hành để hoàn thiện sản phẩm.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được đặc điểm của các sản phẩm gốm đương đại như đĩa, viên gạch, vật dụng trưng bày trang trí,...

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS quan sát, thảo luận về các hình ảnh tham khảo trong SGK trang 59 hoặc SPMT do GV chuẩn bị.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, củng cố kiến thức về các phong cách và xu hướng thiết kế gốm đương đại Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV có thể cho HS xem video: https://www.youtube.com/watch?v=GVni7JSj1cl (“LOONG KOONG” – Triển lãm sắp đặt gốm đương đại). Đặt câu hỏi: Em có nhận xét gì khi xem triển lãm? – Triển khai tiếp hoạt động quan sát, tìm hiểu hình tham khảo trong SGK trang 59 hoặc một số hình ảnh sản phẩm gốm mà GV sưu tầm; tổ chức cho HS quan sát, thảo luận về hình tham khảo theo gợi ý: Nêu đặc điểm, chất liệu sản phẩm gốm. – GV cung cấp kiến thức: + Hình 1: <i>Con công</i>, đất sét cao lanh, màu hơi nhạt, tạo hình sản phẩm uốn cong theo hình tròn, phần đuôi đơn giản nhưng mang tính cách điệu cao. Sản phẩm dùng để trưng bày và trang trí. + Hình 2: <i>Cá chép</i>, đất sét màu nâu đỏ, lấy ý tưởng của tranh dân gian Đông Hồ nhưng tạo hình phù hợp với sản phẩm mang tính ứng dụng. + Hình 3: <i>Biển đảo và quê hương</i>, gốm men, sản phẩm trang trí theo bố cục tranh đề tài, màu sắc vui tươi. – Tổ chức cho HS trưng bày một số sản phẩm làm bằng đất sét hoặc đất nặn của cá nhân đã làm ở tiết 1 và tổ chức thảo luận, nhận xét ý tưởng, cách thể hiện sản phẩm theo gợi ý: + Hãy nêu ý tưởng thực hiện sản phẩm của em. + Em dự định hoàn thành sản phẩm như thế nào? – GV góp ý nhận xét, bổ sung ý kiến.	– Thảo luận tìm hiểu về màu sắc, đặc điểm của triển lãm sản phẩm gốm đương đại. – Quan sát và trả lời theo cảm nhận riêng. – Trưng bày SPMT. – Trình bày ý tưởng và dự định cá nhân. – HS lắng nghe.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hoàn thiện sản phẩm gốm theo phong cách đương đại thông qua các bước gợi ý.

b. Nội dung hoạt động: GV tiếp tục hướng dẫn HS quan sát hình tham khảo các bước thiết kế trong SGK trang 58 để củng cố kiến thức, hoàn thiện sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thiện sản phẩm gốm theo phong cách đương đại.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS nhắc lại các bước cơ bản để tạo SPMT theo hình tham khảo trong SGK trang 46. – Cho HS tiếp tục hoàn thiện bài tập thực hành của tiết trước. – Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thiện SPMT (nếu cần).	– Nhắc lại các bước thực hành tạo SPMT. – Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm gốm của mình theo phong cách đương đại.

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn; trình bày được những cảm nhận của mình trước lớp.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm. HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 59.

c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – Yêu cầu HS trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Trình bày ý tưởng, màu sắc và kĩ thuật thể hiện trong sản phẩm. + Tính ứng dụng, giá trị thẩm mỹ trong đời sống. + Những khó khăn (nếu có) trong quá trình hoàn thiện sản phẩm. Lưu ý: Tùy vào số HS thực tế của lớp học, GV tổ chức thảo luận theo cách cho từng HS phát biểu hoặc HS phát biểu theo nhóm.	– Trưng bày SPMT theo hướng dẫn của GV. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các sản phẩm. – Góp ý thêm về sản phẩm thiết kế của bạn. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được đặc điểm gốm đương đại thông qua việc sưu tầm tác phẩm của các nghệ sĩ nổi tiếng, tác phẩm đã được trưng bày triển lãm,...

b. Nội dung hoạt động: HS sưu tầm hình ảnh sản phẩm trên các phương tiện truyền thông và tìm hiểu về gốm đương đại.

c. Sản phẩm học tập: Hình ảnh sưu tầm sản phẩm gốm đương đại kèm theo ý kiến phân tích về ý tưởng, tạo hình, kĩ thuật thể hiện, giá trị thẩm mỹ và tính ứng dụng của gốm trong đời sống.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng trong SGK trang 59 và trình bày trước lớp về thông tin đã tìm hiểu được. – Tổ chức cho HS tìm hiểu về gốm đương đại, chọn tác phẩm yêu thích và nêu ý kiến nhận xét, phân tích theo gợi ý: + Ý tưởng, tạo hình, màu sắc và kĩ thuật thể hiện. + Tính ứng dụng, giá trị thẩm mỹ trong đời sống. – Hướng dẫn HS sưu tầm qua sách, báo, internet,... về nghệ thuật gốm đương đại.	– Tìm hiểu, thảo luận và cử đại diện trình bày theo ý kiến riêng. – Lắng nghe, thực hiện.

– Cùng cố kiến thức bài học: Nghệ thuật gốm đương đại có sự kế thừa các chất liệu dân gian và truyền thống nhưng có thêm sự hỗ trợ của kĩ thuật mới. Nghệ sĩ/ nghệ nhân đôi khi tìm cách loại bỏ hình khối cơ bản của các mẫu bình lọ,... đã có trước đây, đồng thời kết hợp chất liệu gốm với các chất liệu khác để tạo nên những giá trị thẩm mỹ mới cho các sản phẩm.

– Dặn dò: Tìm hiểu về thiết kế bao bì sản phẩm. Sưu tầm sản phẩm, bài viết liên quan đến bài học. Đem đủ đồ dùng học tập để học bài 14 *Thiết kế bao bì sản phẩm*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 14: THIẾT KẾ BAO BÌ SẢN PHẨM (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Hiểu được các đặc điểm nhận diện thương hiệu trên bao bì sản phẩm.
- Xây dựng được ý tưởng, phác thảo và thiết kế được bao bì sản phẩm.
- Phân tích được kết cấu và các thành phần thiết kế trên sản phẩm bao bì.
- Biết trân trọng giá trị thẩm mỹ và có ý thức trong việc sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Tổ chức cho HS quan sát các sản phẩm thiết kế bao bì và thảo luận tìm ra yếu tố nhận diện thương hiệu, nét đặc trưng chất liệu, kiểu dáng và màu sắc của sản phẩm đó. – Hướng dẫn và tổ chức cho HS tạo ra sản phẩm thiết kế bao bì bằng giấy crô-ki hoặc giấy bìa phù hợp. – Tổ chức trưng bày sản phẩm; giúp HS phân tích, đánh giá sản phẩm.	– Phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập, đánh giá. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát và cảm nhận được các sản phẩm thiết kế bao bì như bao bì đựng bánh, kẹo, bao bì cà phê, giày thể thao,... nắm bắt được những đặc điểm thiết kế, tính ứng dụng của sản phẩm.

– Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được SPMT thiết kế bao bì bằng hình thức, chất liệu phù hợp.

– Năng lực phân tích đánh giá thẩm mỹ: phân tích được vẻ đẹp và vai trò của sản phẩm thiết kế bao bì; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để tạo SPMT; biết sưu tầm các sản phẩm thiết kế bao bì từ sách báo, tạp chí, internet,... để tự nghiên cứu mở rộng kiến thức.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, trao đổi, chia sẻ, phân tích nhận xét SPMT.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng kĩ năng vẽ, cắt dán, để thực hành sáng tạo SPMT.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng thuyết trình, trao đổi, trình bày, giới thiệu, nhận xét, góp ý,...

– Năng lực tính toán: ứng dụng các thông số kĩ thuật trong thiết kế bao bì để áp dụng vào thiết kế SPMT.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Phát triển tình yêu thiên nhiên, cuộc sống muôn màu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của sự vật, đồ vật trong cuộc sống qua sản phẩm bao bì.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu, giấy bìa, khối gỗ,... trong thực hành, sáng tạo, tích cực tự giác và nỗ lực học tập; biết yêu quý và phát huy giá trị nghệ thuật đương đại Việt Nam từ việc học tập và tìm hiểu.
- Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện được tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, với nhóm.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số phiên bản tác phẩm/ sản phẩm thiết kế bao bì.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, SBT (nếu có).
- Đồ dùng học tập, thước, kéo, keo dán, giấy bìa, màu vẽ, bút chì, tẩy,...
- Sơ tư tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nắm được kiểu dáng, yếu tố nhận diện thương hiệu; cấu trúc và công năng; tính sáng tạo trong ý tưởng thiết kế, kĩ năng thực hiện sản phẩm.
- b. Nội dung hoạt động:** Thông qua tranh ảnh, mô hình, video,... mà GV cung cấp, HS quan sát, liên tưởng, hình thành ý tưởng thiết kế, sáng tạo mỹ thuật.
- c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được kiểu dáng, yếu tố nhận diện thương hiệu; cấu trúc và công năng; tính sáng tạo trong ý tưởng thiết kế, kĩ năng thực hiện sản phẩm.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV đặt vấn đề: Ngày nay, ngoài việc quan tâm đến chất lượng, người ta còn quan tâm đến hình thức sản phẩm, đặc biệt là những sản phẩm dùng làm quà tặng. Từ nhu cầu đó, việc thiết kế những bao bì lịch sự, trang trọng, hoa tiết đẹp mắt nhằm làm tăng giá trị sản phẩm được chú trọng. – Giới thiệu về phong cách thiết kế và yêu cầu HS (cá nhân/ nhóm) quan sát các hình ảnh trong SGK trang 60, 61 (hoặc hình ảnh do GV sưu tầm); gợi ý cho HS tìm hiểu về bao bì qua tổ chức thảo luận theo nội dung: + Kiểu dáng và yếu tố nhận diện thương hiệu sản phẩm. + Cấu trúc và công năng của sản phẩm. + Tính sáng tạo trong ý tưởng thiết kế, kĩ năng thực hiện. + Bố cục hình ảnh, mảng chính – phụ, cách phối màu,... + Cách sử dụng chữ, kiểu chữ. – GV mở rộng kiến thức: Bao bì là sản phẩm ứng dụng gắn gũi và xuất hiện nhiều trong đời sống, có chức năng chứa đựng, bảo vệ, quảng cáo, trưng bày, trang trí và nhận diện thương hiệu,... Tùy vào từng loại sản phẩm, nhà thiết kế bao bì cần lựa chọn vật liệu cho phù hợp. Theo xu hướng đương đại, bao bì cần có chất liệu thân thiện với môi trường và quảng bá được hình ảnh thương hiệu sản phẩm. Thiết kế bao bì có hai loại chính: bao bì trực tiếp và bao bì gián tiếp.	– HS lắng nghe. – Thảo luận và trình bày. + Hình 1, 2, 3, 5: loại bao bì tiện dụng bên ngoài được ưa chuộng. Nó vừa mang tính thẩm mỹ vừa giúp người sử dụng đóng mở sản phẩm một cách nhanh chóng không phải mất nhiều thao tác. Các bao bì thường dùng hình ảnh sản phẩm làm nội dung trang trí. Riêng hình 5, bao bì bánh cốm được trang trí bằng tranh vẽ dây phố cổ Hà Nội (nơi có nhiều thương hiệu bánh cốm gia truyền). + Hình 4: bao bì bên trong, vừa là vỏ bọc bảo vệ sản phẩm vừa mang tính trang trí. – Trả lời theo hiểu biết riêng.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS nắm được các bước thiết kế một bao bì sản phẩm và hoàn thiện được sản phẩm bao bì mà mình yêu thích. b. Nội dung hoạt động: GV cho HS tham khảo một số mẫu bao bì sản phẩm hiện có trên thị trường, từ đó HS hình thành ý tưởng thiết kế bao bì theo ý thích. c. Sản phẩm học tập: SPMT bao bì bằng giấy hoặc vật liệu thân thiện với môi trường được thiết kế theo cách thủ công hoặc thiết kế trên máy vi tính. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS thực hiện một sản phẩm gốm theo phong cách đương đại; yêu cầu HS mở SGK trang 62, cho HS quan sát các bước thực hiện sản phẩm bao bì; giúp HS lựa chọn ý tưởng thiết kế thực hiện bài tập.	– Quan sát, tìm hiểu các bước thực hiện thiết kế bao bì.

Gợi ý các bước: 1. Xây dựng ý tưởng, tạo dáng bằng tay hoặc phối hợp áp dụng công nghệ. 2. Vẽ, gấp hoặc cắt dán theo ý tưởng. 3. Phác hình, chữ, gấp hộp; dùng keo dán cách cạnh đảm bảo chắc chắn. 4. Sử dụng kiểu chữ, màu sắc, hình ảnh đảm bảo đặc điểm của thương hiệu; hoàn thiện sản phẩm. – Bài tập thực hành: Hãy thiết kế một sản phẩm bao bì có chất liệu thân thiện với môi trường mà em yêu thích. Bài thực hành chỉ yêu cầu HS thực hiện bước 1 và bước 2. – Cho HS tham khảo thêm một số bản thiết kế sản phẩm do GV sưu tầm.	– Thảo luận nhóm tìm hiểu về cách thể hiện bao bì. – Thực hành tạo SPMT.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS biết cách trưng bày SPMT và trình bày được cảm nhận về SPMT theo gợi ý của GV.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS trưng bày, giới thiệu sản phẩm trước lớp.
- HS trưng bày, giới thiệu sản phẩm bao bì của mình; nhận xét, góp ý về sản phẩm của bạn về hình thức, kết cấu, kĩ thuật thể hiện,...

c. Sản phẩm học tập: HS giới thiệu được sản phẩm bao bì của mình; nhận xét, góp ý sản phẩm bao bì của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Lựa chọn một số SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – Yêu cầu HS mở SGK trang 63 và trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu ý tưởng thiết kế bao bì của em (hoặc nhóm em). + Kết cấu bao bì, kĩ thuật thể hiện, các yếu tố nhận diện thương hiệu. – Góp ý để HS hoàn thiện sản phẩm.	– Trưng bày và chia sẻ ý tưởng, cách thể hiện sản phẩm bao bì của mình. – Góp ý giúp bạn hoàn thiện sản phẩm ở tiết học sau.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kiến thức tạo hình và kĩ năng cắt dán, lắp ghép để trang trí hoàn thiện sản phẩm bao bì ở tiết học sau.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS tìm hiểu về một số sản phẩm tiêu biểu của một thương hiệu đã có tên tuổi để định hướng cho HS hoàn thiện sản phẩm thiết kế bao bì.

c. Sản phẩm học tập: Lựa chọn được kĩ thuật thể hiện, xây dựng được ý tưởng hoàn thiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Nêu các phương pháp, kĩ thuật làm bao bì dạng khối hộp hoặc khối hộp kèm quai xách qua việc quan sát sản phẩm do GV sưu tầm theo hướng dẫn: + Nội dung cần ghi trên bao bì bắt buộc phải đầy đủ (thông tin về sản phẩm, lô gô nhãn hàng, hình ảnh sản phẩm, trọng lượng, kích thước,...). + Chọn hình thức bao bì phù hợp, thông tin chính xác, tránh sai sót về hình ảnh sản phẩm. – GV lưu ý HS chọn loại giấy bìa vừa phải, đủ độ cứng nhưng không quá dày để dễ gấp các đường biên.	Lựa chọn hình thức và chất liệu phù hợp để hoàn thiện sản phẩm.

– Củng cố kiến thức bài học: Mục đích ban đầu của thiết kế bao bì là tạo ra một phương tiện để chứa, bảo vệ, vận chuyển, lưu trữ, nhận diện và phân biệt sản phẩm trên thị trường. Tuy nhiên, sau đó bao bì còn có chức năng đáp ứng các mục tiêu quảng bá, tiếp thị, thúc đẩy hoạt động bán hàng. Vì vậy, một thiết kế bao bì đẹp, ấn tượng, độc đáo sẽ tạo cho thương hiệu một lợi thế cạnh tranh lớn. Gần đây, xu hướng thiết kế bao bì tối giản khá được ưa chuộng.

– Dặn dò: Tìm hiểu về nghệ thuật thiết kế bao bì sản phẩm, đem theo bài thực hành để hoàn thiện sản phẩm.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS quan sát và nắm được kiểu dáng, yếu tố nhận diện thương hiệu; cấu trúc và công năng; tính sáng tạo trong ý tưởng thiết kế, kĩ năng thực hiện sản phẩm.

b. Nội dung hoạt động: GV tổ chức cho HS quan sát, thảo luận về các hình ảnh tham khảo trong SGK trang 63 hoặc SPMT do GV chuẩn bị.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận thức, củng cố kiến thức về kiểu dáng, yếu tố nhận diện thương hiệu; cấu trúc và công năng; tính sáng tạo trong ý tưởng thiết kế, kĩ năng thực hiện sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Triển khai tiếp hoạt động quan sát, tìm hiểu, thảo luận về hình ảnh tham khảo trong SGK trang 63 hoặc một số hình ảnh sản phẩm bao bì mà GV sưu tầm theo gợi ý: + Kiểu dáng và yếu tố nhận diện thương hiệu sản phẩm. + Cấu trúc và công năng của sản phẩm.	– Quan sát và thảo luận: + Hình 1: Bao bì kẹo làm bằng giấy bìa với tạo hình uốn cong, mô phỏng theo khối của sản phẩm kẹo cùng hình ảnh trang trí.

+ Tính sáng tạo trong ý tưởng thiết kế, kĩ năng thực hiện. + Bố cục hình ảnh sản phẩm, phối màu và diễn đạt mảng chính, phụ. + Cách sử dụng chữ, kiểu chữ. – Cho HS trưng bày một số sản phẩm thiết kế bao bì đã làm ở tiết 1 và tổ chức thảo luận, nhận xét ý tưởng, cách thể hiện sản phẩm theo gợi ý: + Hãy nêu ý tưởng thực hiện sản phẩm của em. + Em dự định hoàn thành tiếp sản phẩm như thế nào? – Góp ý, nhận xét, bổ sung thêm ý kiến cho HS.	+ Hình 2: Bao bì hạt dẻ được thiết kế trên bì cứng với hình trụ đơn giản, có nắp tháo rời tiện dụng. Mảng chính là chùm hạt dẻ, nền màu be đơn giản, kiểu chữ đậm dễ đọc. + Hình 3: Bao bì nho khô, màu sắc và hình ảnh chưa được phù hợp vì hình ảnh trên bao bì là nho tươi. Cần rút kinh nghiệm về thông tin hình ảnh. – Trưng bày sản phẩm thiết kế bao bì. – Trình bày ý tưởng và dự định cá nhân.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS hoàn thiện sản phẩm thiết kế bao bì mà mình yêu thích. b. Nội dung hoạt động: GV tiếp tục hướng dẫn HS quan sát hình ảnh, tham khảo các bước thiết kế trong SGK trang 62 để củng cố kiến thức, hoàn thiện sản phẩm. c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thiện sản phẩm thiết kế bao bì theo cách thủ công hoặc thiết kế trên máy vi tính. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV – Cho HS nhắc lại các bước cơ bản để tạo SPMT theo các bước tham khảo trong SGK trang 62. – Cho HS tiếp tục hoàn thiện bài tập thực hành của tiết trước. – Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thiện SPMT (nếu cần).	Hoạt động của HS – Nhắc lại các bước thực hành tạo SPMT. – Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm thiết kế bao bì sản phẩm.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn; trình bày được cảm nhận của mình trước lớp. b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS quan sát SPMT của cá nhân/ nhóm. HS thảo luận theo gợi ý trong SGK trang 63. c. Sản phẩm học tập: HS cảm nhận, phân tích được SPMT của mình và của bạn. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV – Lựa chọn SPMT của HS đã thực hiện để trưng bày. – Yêu cầu HS trình bày quan điểm cá nhân theo gợi ý: + Nêu ý tưởng, nét đặc sắc trong thiết kế về màu sắc, đường nét, hình ảnh.	Hoạt động của HS – Trưng bày SPMT theo hướng dẫn của GV. – Nhận xét, chia sẻ cảm nhận của bản thân về các sản phẩm.

+ Kỹ thuật thể hiện, các yếu tố nhận diện thương hiệu trong sản phẩm. + Những khó khăn (nếu có) trong quá trình hoàn thiện sản phẩm. – GV đánh giá, nhận xét kết quả chung theo nhóm hoặc cá nhân.	– Góp ý thêm về sản phẩm thiết kế của bạn. – Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho bản thân.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết cách sưu tầm một số sản phẩm bao bì đa dạng về kiểu dáng, màu sắc, kích cỡ, chất liệu.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS sưu tầm hình ảnh sản phẩm trên các phương tiện truyền thông.
- HS sưu tầm những sản phẩm đa dạng về kiểu dáng, màu sắc, kích cỡ và chất liệu.

c. Sản phẩm học tập: Hình ảnh sưu tầm đa dạng về nhiều loại bao bì sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng trong SGK trang 63 và trình bày trước lớp về thông tin đã tìm hiểu được. – Tổ chức cho HS tìm hiểu về bao bì sản phẩm, nêu ý kiến nhận xét, phân tích theo gợi ý: Ý tưởng về kiểu dáng, màu sắc, kích cỡ, chất liệu của bao bì sản phẩm Tiệm bánh Hoài Thanh. – Hướng dẫn HS sưu tầm hình ảnh về thiết kế bao bì sản phẩm qua sách, báo, internet.	– Tìm hiểu, thảo luận và cử đại diện trình bày theo ý kiến riêng. – Lắng nghe, thực hiện.

– Củng cố kiến thức bài học: Các thông tin trên bao bì giúp người sử dụng biết được: tên sản phẩm, hãng sản xuất, thành phần, cách bảo quản, hạn sử dụng,... của sản phẩm. Người tiêu dùng cần kiểm tra các thông tin trước khi mua hàng.

– Dặn dò: Tìm hiểu chủ đề 8; sưu tầm sản phẩm, bài viết liên quan đến bài học; đem đủ đồ dùng học tập để học bài 15: *Ngành nghề thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

Chủ đề này giúp các em biết quan sát và nắm được nét đặc trưng của ngành nghề thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng, hiểu được giá trị và lợi ích của ngành nghề này đối với đời sống xã hội. Các em biết lựa chọn, tìm hiểu và phân tích những hình ảnh đặc trưng để thực hiện được SPMT, bài luận và xây dựng được đoạn phim ngắn giới thiệu về ngành nghề; hình thành ý tưởng tạo nên những sản phẩm có tính nghệ thuật; giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá những thông điệp có ý nghĩa về ngành đặc thù, bước đầu hình thành định hướng nghề cho bản thân.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

- Liệt kê được một số ngành nghề thuộc hoặc liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng.
- Viết được một bài luận (hoặc vẽ được bản đồ tư duy, thực hiện được một đoạn phim ngắn) giới thiệu về ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng.
- Bước đầu hình thành được định hướng nghề theo sở thích cá nhân.
- Hiểu được vai trò, ý nghĩa và phát huy năng lực sáng tạo Mỹ thuật ứng dụng trong đời sống văn hoá xã hội.
- Hiểu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng.
- Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.
- Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.
- Biết trân trọng giá trị của các ngành nghề thuộc hoặc liên quan lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.

Bài 15: NGÀNH NGHỀ**THUỘC LĨNH VỰC MỸ THUẬT ỨNG DỤNG (2 tiết)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Về kiến thức**

- Nêu được một số ngành nghề tiêu biểu thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng và các ngành nghề có liên quan.
- Giới thiệu được nhân vật tiêu biểu của ngành nghề bằng các hình ảnh hoặc video.
- Nhận thức được ý nghĩa về các ngành nghề thuộc hoặc liên quan lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Khuyến khích, gợi mở, tạo điều kiện để HS nhận ra được ý nghĩa của các ngành nghề thuộc lĩnh vực mỹ thuật hoặc có liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng. – Hướng dẫn, hỗ trợ HS tra cứu và sử dụng các nguồn tư liệu để viết bài luận, xây dựng video ngắn giới thiệu về ngành nghề và nhân vật tiêu biểu. – Gợi mở cho HS hiểu được ý nghĩa của ngành nghề thuộc hoặc liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng.	– Phương pháp: trực quan, gợi mở, thực hành, thảo luận, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

– Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: biết quan sát nét đặc trưng của ngành nghề thuộc/ liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng, giá trị và lợi ích của ngành nghề đó đối với đời sống xã hội.

– Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: thực hiện được SPMT mang tính ứng dụng, viết được bài luận (hoặc vẽ được bản đồ tư duy, xây dựng được một đoạn phim ngắn) giới thiệu ngành nghề có liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng.

– Năng lực phân tích đánh giá thẩm mỹ: biết tìm hiểu và phân tích về ngành nghề thông qua sơ đồ về các lĩnh vực của Mỹ thuật ứng dụng, từ đó, có định hướng lựa chọn ngành nghề theo sở thích và theo năng lực bản thân; biết phân tích giá trị thẩm mỹ, giá trị xã hội thông qua bài luận của cá nhân hoặc nhóm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, màu sáp, màu nước, bút lông, chì, tẩy,... để tạo SPMT; biết sưu tầm các bài nghiên cứu thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng từ sách báo, tạp chí, internet,... để tự nghiên cứu và mở rộng kiến thức.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, trao đổi, chia sẻ, phân tích nhận xét bài luận/ SPMT.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng kỹ năng vẽ hoặc kết hợp vẽ với tạo SPMT ứng dụng trong thực hành sáng tạo.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

– Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kỹ năng nói, trao đổi, trình bày, giới thiệu, nhận xét, góp ý,...

– Năng lực tin học: biết ứng dụng công nghệ thông tin vào tìm hiểu, sưu tầm những tài liệu liên quan đến bài học.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính kiên trì, yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, lan toả tinh thần nhân văn ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Biết cảm nhận và trân trọng các giá trị thẩm mỹ trong cuộc sống cũng như trong các ngành nghề đặc thù thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét, phân tích bài luận và SPMT.
- Hiểu được vai trò và có ý thức phát huy mỹ thuật ứng dụng trong đời sống văn hoá xã hội.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè thông qua các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số bài viết, video giới thiệu về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng.
- Các bước hướng dẫn dàn ý bài viết.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có).
- Đồ dùng học tập: giấy vẽ, màu (màu sáp, màu gouache, màu nước), đất nặn, bút lông, lọ nước rửa bút, chì tẩy, giấy màu, keo dán, kéo, vật liệu đã qua sử dụng (bìa carton, giấy báo,...) thân thiện với môi trường và đảm bảo an toàn vệ sinh.
- Sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS cảm nhận, hiểu biết khái quát về từng ngành nghề thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng, từ đó góp phần định hướng được nghề nghiệp cho bản thân.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát, tìm hiểu hình ảnh thực tế về các ngành nghề, tác phẩm, sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được sự đa dạng, nét đặc trưng, tên gọi chính xác nội dung công việc, sản phẩm của các loại hình ngành nghề.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: Có thể cho HS chơi trò chơi đoán hình. Cách chơi: Bức hình sản phẩm được che bằng 4 mảnh ghép, mỗi mảnh tương ứng với một câu hỏi. Nếu trả lời đúng câu hỏi, mảnh ghép tương ứng của hình sẽ lộ ra. Đến câu trả lời đúng thứ 3, HS có thể đoán luôn sản phẩm mà không cần trả lời tiếp câu cuối. Ví dụ: Bức hình là sản phẩm đôn/ chân đèn/ bình vôi,... bằng gốm được che bằng 4 mảnh ghép tương ứng với các câu hỏi sau: + Làng gốm nào nổi tiếng ở gần Hà Nội? + Người tạo ra sản phẩm gốm gọi là gì? + Các sản phẩm gốm làm bằng chất liệu gì? + Kể tên một vài sản phẩm gốm tiêu biểu. – GV có thể bổ sung kiến thức: Làng gốm Bát Tràng là làng nghề gốm nổi tiếng có bề dày lịch sử tại Việt Nam, có nhiều sản phẩm gốm khác nhau, phục vụ cho nhiều mục đích sử dụng. – Giới thiệu bài mới. – Cho HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 64, 65 và tổ chức thảo luận theo nội dung: + Lĩnh vực hoạt động chính của Thiết kế công nghiệp là gì? Tên gọi của các sản phẩm. + Lĩnh vực hoạt động chính của Thiết kế đồ họa là gì? Tên gọi của sản phẩm. + Nét đặc trưng của mỗi ngành nghề được thể hiện như thế nào? + Nêu những ngành nghề chính của Mỹ thuật ứng dụng, đặc điểm sản phẩm của mỗi ngành nghề. + Nêu các ngành nghề có liên quan gần với Mỹ thuật ứng dụng. + Đặc điểm chung về sự sáng tạo ra các sản phẩm. – GV giới thiệu mở rộng về tính liên môn giữa các ngành nghề thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.	– Lắng nghe luật chơi và tham gia trò chơi. – HS quan sát, trả lời câu hỏi của mảnh ghép: + Làng gốm Bát Tràng. + Nghề nhân. + Chất liệu đất sét. + Lọ hoa, bát đĩa, ấm chén, đồ bình, chân đèn, đôn, bình vôi, nệm, chổi thờ,... – HS lắng nghe. – Thảo luận: + Hoạt động chính của Thiết kế công nghiệp là vẽ, thiết kế, tạo mô hình (dáng sản phẩm),... trong môi trường sản xuất thủ công nghiệp. Sản phẩm: hình dáng các thiết bị công nghiệp, đồ gia dụng, trang sức,... + Hoạt động chính của Thiết kế đồ họa là: vẽ, thiết kế trên thiết bị điện tử, in ấn,... Sản phẩm: lô gô, nhãn hàng, ấn phẩm xuất bản, tờ rơi, áp phích,... + (Trả lời theo hiểu biết cá nhân.) + Thiết kế công nghiệp, Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện. + Kiến trúc. + Các mẫu sản phẩm có thể làm thủ công hoặc tạo bản thiết kế trên máy vi tính; các sản phẩm đại trà thường sản xuất bằng máy móc. – Lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

a. Mục tiêu: HS hiểu, phân tích, đánh giá được một ngành nghề có liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng để hiểu sâu hơn về lĩnh vực đó.

b. Nội dung hoạt động: GV tạo điều kiện cho HS tham khảo một số bài viết giới thiệu về các ngành nghề, nghệ sĩ/ nghệ nhân, triển lãm mĩ thuật chuyên đề để HS biết cách lập dàn ý một bài luận, triển khai các ý chính để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

c. Sản phẩm học tập: Bài luận hoặc sơ đồ tư duy giới thiệu nội dung về ngành nghề (hoạ sĩ, nghệ nhân, triển lãm Mĩ thuật ứng dụng).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS đọc tham khảo một số bài viết ngắn hoặc video về ngành nghề thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng mà GV sưu tầm hoặc tự viết. Có thể là bài viết về nghề thiết kế, vẽ tem, thiết kế sách, làm gốm,.... có nội dung dễ hiểu, phù hợp với nhận thức của HS lớp 9. Ví dụ: bài viết về hoạ sĩ Bùi Trang Chước (người sáng tác Quốc huy Việt Nam); “ông tổ vẽ tem” của nước nhà – hoạ sĩ Huỳnh Văn Thuận (tác giả huy hiệu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tem, tranh cổ động,...; hoạ sĩ Nguyễn Cát Tường (nhà thiết kế áo dài đầu tiên của Việt Nam),... – Đặt câu hỏi gợi mở cho HS: + Bài nghiên cứu đề cập đến ngành nghề gì? + Ngành nghề đó thuộc lĩnh vực gì? + Bài nghiên cứu giới thiệu tác phẩm/ tác giả tiêu biểu nào? Tên tác phẩm/ sản phẩm tiêu biểu là gì? + Tài liệu được tham khảo từ nguồn tư liệu nào? + Em căn cứ vào đâu để biết nguồn tài liệu tham khảo? + Bài nghiên cứu có ý nghĩa và giá trị như thế nào đối với đời sống xã hội? – Yêu cầu HS xem gợi ý về cách chuẩn bị lựa chọn đề tài để khai thác, cách dàn ý trong SGK trang 66; nhấn mạnh nội dung trọng tâm để HS khai thác; hướng dẫn HS tìm nguồn tài liệu uy tín qua internet như: Tạp chí Mĩ thuật của Hội Mĩ thuật Việt Nam, hoặc tra cứu bằng từ khoá chuyên ngành theo tên của hoạ sĩ như: <i>Hoạ sĩ Bùi Trang Chước – tác giả Quốc huy được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh</i>	– Đọc, nghiên cứu về lĩnh vực thiết kế công nghiệp, thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, thiết kế mĩ thuật sân khấu– điện ảnh,... – Trả lời theo nội dung cụ thể của bài viết. + Nguồn tư liệu tham khảo: https://tuoitre.vn/, https://thanhnien.vn/; https://tapchimythuat.vn/, trên các trang mạng internet chính thống. + Cuối bài viết thường có mục tài liệu tham khảo (trong đó ghi cụ thể tên tài liệu, tên tác giả, tên nhà xuất bản,...).

(https://thanhnien.vn), <i>Bùi Trang Chúc – Một bậc thầy của nghệ thuật tranh sơn khắc và đồ họa ứng dụng</i> (https://tapchimythuat.vn/), <i>Nhớ Cát Tường</i> (https://tapchimythuat.vn), <i>Gốm Thành Lễ</i> (https://tapchimythuat.vn),... – Cho HS đọc lại yêu cầu gợi ý cách viết bài trong SGK trang 66. – Nhắc lại tóm tắt các bước tiến hành: + Bước 1: Xác định đối tượng nghiên cứu (xác định những vấn đề liên quan đến nội dung chuyên ngành Mĩ thuật ứng dụng). + Bước 2: Lập dàn ý gồm 3 ý chính: • Mở bài: Giới thiệu về nghề, (hoạ sĩ, nghệ nhân, triển lãm,...) dẫn dắt người đọc về nội dung liên quan đến lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng • Thân bài: Giới thiệu khái quát đặc trưng của nghề, các tác phẩm mĩ thuật; mô tả sơ lược hoặc cụ thể về tác phẩm tiêu biểu; nêu giá trị và tính ứng dụng của các tác phẩm mĩ thuật, những giải pháp truyền thông để phát huy ngành nghề. • Kết luận: Nêu ý nghĩa và cảm nghĩ của bản thân về ngành nghề. – Có thể yêu cầu HS dừng lại ở việc lập các dàn ý chính của bài, phần tìm hiểu chi tiết sẽ hoàn thiện ở tiết sau. – Có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.	– Lắng nghe, đọc lại gợi ý. – Thực hành lập dàn ý và triển khai ý chính.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS hiểu được vai trò, những đóng góp của ngành nghề thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng đối với đời sống xã hội, phân tích được giá trị của sản phẩm. b. Nội dung hoạt động: HS giới thiệu bài luận đã thực hiện trong hoạt động Luyện tập và sáng tạo, từ đó phân tích và đánh giá thêm vai trò của ngành nghề này đối với đời sống xã hội. c. Sản phẩm học tập: Bài phân tích sản phẩm trình chiếu (dành cho bài luận trên PowerPoint), phần trưng bày (dành cho sơ đồ tư duy) theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS tập thuyết trình dàn ý chính của bài viết giới thiệu ngành nghề theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. – Cho các cá nhân/ nhóm nhận xét, góp ý bổ sung dàn ý chính trong bài thuyết trình của bạn/ nhóm bạn. – GV đánh giá, phân tích dàn ý chính bài thuyết trình của từng nhóm và đặt câu hỏi để khai thác dự định cá nhân về ngành nghề mà HS chọn thuyết trình.	– Thực hiện bài thuyết trình theo hướng dẫn của GV. – Thảo luận, đánh giá, nhận xét.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS khâu chuỗi, củng cố được kiến thức bằng cách tìm kiếm hình ảnh phù hợp để minh họa tạo thành thước phim ngắn căn cứ trên nội dung bài viết đã làm ở mục Luyện tập và sáng tạo. b. Nội dung hoạt động: HS biết cách sưu tầm và có ý tưởng sắp xếp các hình ảnh phù hợp với cấu trúc bài viết để làm slide PowerPoint hoặc thước phim ngắn. c. Sản phẩm học tập: Ý tưởng sưu tầm hình ảnh minh họa phù hợp với bài viết để làm slide PowerPoint hoặc thước phim ngắn. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS tham khảo SGK trang 67 và video do GV sưu tầm, hướng dẫn HS thảo luận về các phân cảnh giới thiệu theo nội dung: + Phân cảnh giới thiệu về ngành nghề gì, đối tượng được giới thiệu là ai? (Bao gồm hình ảnh lao động sáng tạo hoặc chân dung nghệ sĩ/ nghệ nhân). + Các nội dung giới thiệu về quy trình thực hiện/ sáng tác thể hiện qua hình ảnh nào? – GV gợi ý cách lựa chọn, sắp xếp hình ảnh sao cho phù hợp với nội dung bài viết. Có thể phân tích, khai thác thêm nội dung từ hình ảnh để chuẩn bị bài tập làm slide PowerPoint hoặc thước phim ngắn.	– Thảo luận theo nội dung cụ thể. – Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.

- Củng cố kiến thức bài học.
- Dặn dò chuẩn bị đồ dùng hoàn thiện sản phẩm cho tiết học sau.

Tiết 2

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS cảm nhận, hiểu biết khái quát về từng ngành nghề thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng, từ đó góp phần định hướng được nghề nghiệp cho bản thân.
- b. Nội dung hoạt động:** HS quan sát, tìm hiểu hình ảnh thực tế về các ngành nghề, tác phẩm, sản phẩm.
- c. Sản phẩm học tập:** Nội dung, dữ liệu HS chuẩn bị ở bài nghiên cứu trong tiết học trước.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Nhắc lại nội dung và nhiệm vụ cần hoàn thành từ bài học của tiết trước. – Cho một vài HS lên trình bày dàn ý của bài viết và các hình ảnh sẽ minh hoạ trong bài. – Cho HS tổ chức nhận xét về bài viết nhằm bổ sung và củng cố thêm kiến thức theo gợi ý: + Em thấy dàn ý đã thể hiện được vai trò của ngành nghề này trong xã hội chưa? + Giá trị và tính ứng dụng của những sản phẩm trong ngành nghề này là gì? – Nhận xét tổng hợp ý kiến, nhận xét bổ sung. – Hướng dẫn thêm cho HS cách khai thác nội dung, cách diễn đạt sao cho dễ hiểu, mạch lạc.	– Nhận xét theo ý kiến riêng: – Suy nghĩ và lưu ý câu hỏi gợi mở để có thêm ý tưởng và dự định cho việc hoàn thiện bài viết.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO

- a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về ngành nghề thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng qua tìm hiểu, phân tích, đánh giá để hiểu sâu hơn về ngành nghề này.
- b. Nội dung hoạt động:** HS tham khảo một số bài viết giới thiệu về các ngành nghề, nghệ sĩ/ nghệ nhân, triển lãm mĩ thuật chuyên đề để HS biết cách lập dàn ý một bài luận, triển khai các ý chính để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.
- c. Sản phẩm học tập:** HS viết được bài luận thuyết trình theo cá nhân/ nhóm về ngành nghề (hoạ sĩ, nghệ nhân, triển lãm Mĩ thuật ứng dụng).
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tạo cơ hội, gợi mở cho HS nêu ý tưởng thực hiện và thực hiện bài viết cá nhân. – Yêu cầu HS thực hiện tiếp bài viết từ tiết học trước, triển khai thêm các ý để thông tin bài viết cụ thể và rõ ràng mạch lạc hơn – Quan sát và giúp đỡ khi HS còn lúng túng trong tiết học (nếu cần).	– Tìm hiểu, nghiên cứu bài tham khảo, tranh ảnh tự sưu tầm để minh họa cho bài viết. – Thực hành hoàn thiện bài viết cá nhân.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS hiểu được vai trò, những đóng góp của ngành nghề thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng đối với đời sống xã hội, phân tích được giá trị của sản phẩm. b. Nội dung hoạt động: HS giới thiệu bài luận đã thực hiện trong hoạt động Luyện tập và sáng tạo, từ đó phân tích và đánh giá thêm vai trò của ngành nghề này đối với đời sống xã hội. c. Sản phẩm học tập: Bài thuyết trình (PowerPoint, sơ đồ tư duy) theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS trình bày bài viết theo nhóm hoặc cá nhân như nội dung tiết 1 đã phân công. – Yêu cầu HS nêu cảm nhận và chia sẻ về bài viết theo gợi ý: + Em thích bài viết nghiên cứu của bạn nào hoặc nhóm nào? Vì sao? + Nội dung bài viết giới thiệu về ngành nghề gì? + Trong bài viết có những thông tin nào bổ ích? Em ấn tượng với những thành tựu nào của ngành nghề này? + Em muốn điều chỉnh gì trong nội dung bài viết này? – Khuyến khích HS nêu ý tưởng trong bài của mình và của bạn. – GV đánh giá, phân tích bài viết của từng nhóm và đặt câu hỏi để khai thác dự định cá nhân về ngành nghề mà HS được yêu thích.	– Thực hiện thuyết trình theo hướng dẫn của GV – Nêu cảm nhận về ý nghĩa trong bài viết của mình, của bạn. – Chia sẻ suy nghĩ cá nhân về bài viết. – Nêu dự định cá nhân.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS hoàn thành được thước phim ngắn căn cứ vào nội dung bài viết đã làm ở hoạt động trước. b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị nội dung và làm thực hành bản trình chiếu slide PowerPoint hoặc làm video sao cho phù hợp với cấu trúc bài viết; tổ chức trình chiếu sản phẩm. c. Sản phẩm học tập: Bản trình chiếu slide PowerPoint hoặc thước phim ngắn. d. Tổ chức hoạt động:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS tiếp tục hoàn thành bài tập đã được giao nhiệm vụ từ tiết trước. – Yêu cầu HS trình chiếu slide PowerPoint hoặc thước phim ngắn. – Hướng dẫn HS giới thiệu một video về ngành nghề và tác giả, tác phẩm tiêu biểu, tổ chức thảo luận theo nội dung: + Video được thiết kế bằng công cụ gì? + Em thấy video nào có ý nghĩa nhất? – GV tổ chức cho HS sắm vai mô phỏng lại hình dáng, tác phong tư thế khi thực hiện sản phẩm (tư thế khi tạo dáng sản phẩm trên bàn xoay, khi khắc nét trang trí,...), tự giới thiệu về đặc điểm tác phẩm/sản phẩm.	– Tiếp tục hoàn thành bài tập đã được giao nhiệm vụ từ tiết trước. – Xem bản trình chiếu của bạn – Chia sẻ cảm xúc cá nhân và nhận xét về sản phẩm của bạn hoặc nhóm bạn. – Phân công sắm vai.

– Củng cố kiến thức bài học.

– Dặn dò chuẩn bị: Tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu các bài viết về đặc trưng của một số ngành nghề thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 16: ĐẶC TRƯNG CỦA MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MỸ THUẬT ỨNG DỤNG (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Hiểu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng.
- Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua việc viết bài luận phân tích quá trình tạo ra sản phẩm cụ thể hoặc làm được một SPMT có tính ứng dụng.
- Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.
- Biết trân trọng giá trị của các ngành nghề thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.

Nhiệm vụ của GV	Gợi ý phương pháp, hình thức dạy học
– Khuyến khích, gợi mở, tạo điều kiện để HS nhận ra được ý nghĩa của các ngành nghề thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng. – Hướng dẫn/ hỗ trợ giúp HS biết tra cứu và sử dụng các nguồn tư liệu để hiểu biết về quá trình lao động sáng tạo nghệ thuật. – Giúp HS hiểu được những đặc trưng về sản phẩm của các ngành nghề Mĩ thuật ứng dụng, tiêu chí đánh giá và giá trị của sản phẩm.	– Phương pháp: trực quan, gợi mở, thực hành, thảo luận, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn. – Hình thức tổ chức: hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực đặc thù môn học

- Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ: hiểu biết và yêu thích các SPMT ứng dụng.
- Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: thực hiện được bài viết, bài thực hành SPMT ứng dụng theo ý thích.
- Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mĩ: biết cách phân tích, nhận xét, đánh giá về đặc trưng một số ngành nghề Mĩ thuật ứng dụng và các SPMT cá nhân hoặc nhóm.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: bước đầu thể hiện tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày, chia sẻ nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm (màu vẽ, giấy màu,...) để thực hành sáng tạo chủ đề.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh

- Năng lực ngôn ngữ: vận dụng kĩ năng nói trước lớp trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét.
- Năng lực tính toán: vận dụng sự hiểu biết về hình khối trong không gian 2 chiều, 3 chiều để áp dụng vào thực hành SPMT.

3. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính kiên trì nhẫn nại, trung thực, trách nhiệm, phẩm chất yêu nước, lan toả tinh thần nhân văn ở HS, cụ thể qua một số biểu hiện:

- Biết yêu thiên nhiên, đất nước, môi trường sống và có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.

- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng trong thực hành, sáng tạo; tích cực tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè thông qua các hoạt động.
- Biết cảm nhận được vẻ đẹp, các giá trị thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong các tác phẩm mỹ thuật.
- Biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV, KHBD biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, tìm hiểu mục tiêu bài học.
- Một số bài viết, video giới thiệu về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng.
- Các bước hướng dẫn dàn ý bài viết.
- Phương tiện hỗ trợ (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có).
- Đồ dùng học tập: giấy vẽ, màu sáp, màu gouache, đất nặn, bút lông, lọ nước rửa bút, chì tẩy, giấy màu, giấy báo, keo dán, kéo,...
- Sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1

- Ổn định tổ chức lớp.
- Kiểm tra đồ dùng học tập.
- Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

- Mục tiêu:** HS hiểu được các yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề đặc thù như: quá trình về lao động sáng tạo, hoàn thiện tác phẩm/ sản phẩm/ công trình tới công chúng, đặc trưng về sản phẩm và tiêu chí đánh giá, giá trị của SPMT ứng dụng đối với người tiêu dùng.
- Nội dung hoạt động:** GV tạo cơ hội cho HS tìm hiểu thông tin về đặc trưng ngành nghề thông qua các hoạt động mỹ thuật, quan sát một số hình ảnh sản phẩm hoặc thông qua clip.
- Sản phẩm học tập:** HS nắm được những nét tiêu biểu về công việc, các hoạt động, chuyên ngành chính của lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV cho HS xem video về các hoạt động cụ thể trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng như: hoạt động tổ chức triển lãm tranh hoặc quy trình làm tác phẩm/sản phẩm,... Có thể tham khảo qua các đường dẫn sau: https://www.youtube.com/watch?v=ReanraJ_Ryo (<i>Triển lãm Mỹ thuật ứng dụng năm 2023</i>) https://video.voh.com.vn/tap-chi-my-thuat/my-thuat-ung-dung-tren-con-duong-khang-dinh-dau-an-rieng-505557.html (<i>Mỹ thuật ứng dụng trên con đường khẳng định dấu ấn riêng</i>). – Đặt câu hỏi cho HS thảo luận, nhắc lại hình ảnh, đặc điểm sản phẩm, không gian trưng bày của các sản phẩm thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng đã được xem. – Cho HS quan sát tìm hiểu mục 1 trong SGK trang 68; có thể chuẩn bị thêm các video clip cho HS quan sát. – Gợi ý cho HS thảo luận mục 1: Đặc trưng về lao động, sản xuất và sáng tạo mỹ thuật theo gợi ý: + Em hãy nêu quy trình sáng tạo một công trình kiến trúc. + Em tiếp cận công trình kiến trúc qua hình thức nào? + Bối cảnh về không gian, phối cảnh, địa điểm của công trình kiến trúc. – Gợi ý cho HS thảo luận mục 2: Đặc trưng về sản phẩm của các ngành nghề Mỹ thuật ứng dụng: + Em hiểu thế nào là chuyên ngành chính thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng và chuyên ngành có liên quan (chuyên ngành gần)? GV cung cấp kiến thức: Chuyên ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng giúp người học có được những kiến thức và kĩ năng chuyên môn chuyên sâu. Chuyên ngành có liên quan (chuyên ngành gần) có sử dụng một số kiến thức cơ bản về học phần mỹ thuật như: hình hoạ, bố cục màu, trang trí,... để hỗ trợ cho chuyên ngành của mình. + Các chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng như Kiến trúc đóng vai trò như thế nào đối với đời sống xã hội? GV cung cấp kiến thức: Kiến trúc liên quan đến việc tổ chức sắp xếp không gian, hình thức của một công trình. Một công trình kiến trúc nổi bật phản ánh tình hình kinh tế – xã hội của một quốc gia. Kiến trúc là thước đo tư duy và góc nhìn thẩm mỹ của con người tại địa phương. Kiến trúc hợp lí giúp tối ưu hoá công năng sử dụng cho mục đích sinh hoạt, làm việc,...	– HS tham khảo SGK hoặc xem video. – Thảo luận theo yêu cầu, trả lời theo cảm nhận riêng. – Trả lời theo hiểu biết và nhận thức cá nhân. – Lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.

+ Chỉ ra đặc trưng sản phẩm của các chuyên ngành lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng mà em biết . – GV cung cấp kiến thức: Hình thức thể hiện sản phẩm của các chuyên ngành Mĩ thuật ứng dụng có chung một đặc điểm là được thực hiện theo quy trình: mẫu sản phẩm được làm thủ công, bản thiết kế được làm trên máy vi tính, sản phẩm đại trà được sản xuất bằng máy móc. Từng sản phẩm sẽ có yêu cầu đặc thù. – Gợi ý cho HS thảo luận mục 3: Tiêu chí đánh giá và giá trị của sản phẩm + Nêu các tiêu chí đánh giá những SPMT ứng dụng. + Theo em các tiêu chí nào quan trọng? Vì sao? – GV tổng kết theo nội dung trong SGK trang 70. Các SPMT ứng dụng được đánh giá bởi các tiêu chí khác nhau, nhưng tiêu chí về tính thẩm mĩ và sự tiện dụng khi sử dụng được coi là yếu tố quan trọng. Vì vậy thiết kế là yếu tố quyết định kiểu dáng đồng thời còn có tầm quan trọng trong thương mại và thương hiệu của sản phẩm. Người làm Mĩ thuật ứng dụng phải biết phân tích, dự đoán xu thế phát triển để tổng hợp và đưa ra các giải pháp đáp ứng yêu cầu phát triển chung của xã hội.	– Thảo luận và trả lời theo cảm nhận cá nhân qua việc quan sát sơ đồ trong SGK trang 70. – Trả lời theo hiểu biết cá nhân: Tiêu chí quan trọng là giá trị thẩm mĩ và công năng sử dụng.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS nắm được khái quát cách làm một SPMT mang tính ứng dụng phù hợp với năng lực và sở trường hoặc một bài luận về lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng. b. Nội dung hoạt động: GV tạo cơ hội cho HS tham khảo một số tác phẩm mĩ thuật ứng dụng hoặc bài viết giới thiệu về các ngành nghề để HS biết cách dàn ý một bài luận, triển khai các ý chính để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. c. Sản phẩm học tập: HS thực hiện được SPMT mang tính ứng dụng hoặc bài luận về lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV – Yêu cầu HS mở SGK trang 71, để quan sát sản phẩm tham khảo hoặc hình ảnh do GV sưu tầm, đặt câu hỏi để HS tìm hiểu về đề tài hoặc chất liệu và hình thức thực hiện SPMT: + SPMT làm từ chất liệu gì? (vẽ trên gốm, thiết kế bằng phần mềm đồ hoạ, vẽ trên giấy,...). + Chia sẻ về dự định viết bài luận hoặc làm SPMT ứng dụng của em.	Hoạt động của HS – Quan sát, tìm hiểu. – Trả lời câu hỏi, chia sẻ dự định.

– GV yêu cầu HS nghiên cứu thực hiện một bài luận hoặc SPMT mang tính ứng dụng theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Nếu theo hình thức nhóm thì phân công mỗi nhóm làm cả sản phẩm thực hành lẫn bài viết. – Lưu ý: Bài luận chỉ yêu cầu HS dừng lại ở bước dàn ý, bài thực hành SPMT chỉ dừng lại ở bước phác thảo thiết kế.	– Lắng nghe và thực hiện.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS hiểu được quy trình thiết kế, sáng tạo sản phẩm, đưa ra được những đánh giá về ưu điểm và nhược điểm, nhận biết được nét đặc trưng của từng thể loại SPMT ứng dụng.

b. Nội dung hoạt động: HS tập phê bình SPMT của mình và của bạn đã làm trong hoạt động Luyện tập và sáng tạo, từ đó đánh giá, nhận xét về giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS đánh giá được SPMT ứng dụng đã thực hiện, hiểu được vai trò của thiết kế là yếu tố quyết định kiểu dáng, chất lượng và thương hiệu của sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho HS tập đánh giá, phê bình sản phẩm theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Có thể cho các nhóm đánh giá chéo nhằm tăng cường năng lực quan sát, phân tích cho HS hoặc cho HS ghi chép và sử dụng nhật kí cá nhân để hỗ trợ cho hoạt động này. – Sử dụng bảng đánh giá của HS để thu thập thông tin, thu nhận thêm ý kiến, từ đó phân tích bài viết của từng nhóm. GV đưa ra các gợi ý đánh giá: + Quy trình thực hiện SPMT ứng dụng như thế nào? Cần lưu ý hoặc thay đổi gì sau khi hoàn thành sản phẩm? + SPMT ứng dụng thể hiện ở nhóm chuyên ngành gì? Bằng những chất liệu gì? Ưu điểm và nhược điểm của sản phẩm đó. – Yêu cầu HS đánh giá chung về mọi mặt của sản phẩm (hình thức, màu sắc, chất liệu, công dụng,...), nhận định về định hướng phát triển của sản phẩm trong tương lai. – Gợi ý cho HS về hướng phát triển sản phẩm, đánh giá về tiềm năng của sản phẩm trên thị trường; có thể làm blogger đăng tải các bài viết chia sẻ kinh nghiệm, sự hiểu biết của bản thân hoặc quy trình làm một SPMT, một chủ đề mà mình tâm đắc.	– Thực hiện phần đánh giá theo hướng dẫn của GV. – Thảo luận, đánh giá, nhận xét. – Trình bày, nêu ý kiến cá nhân. – Nêu mức độ (đơn giản, phức tạp,...); đánh giá chung về mọi mặt của sản phẩm (hình thức, màu sắc, chất liệu, công dụng,...); nhận định về định hướng phát triển của sản phẩm trong tương lai.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS có kiến thức mở rộng về thông tin về các ngành nghề, địa chỉ đào tạo, hình thức đào tạo của các cơ sở giáo dục.

b. Nội dung hoạt động: HS tìm kiếm thông tin hữu ích từ các trang mạng uy tín, tìm hiểu danh sách các môn học trong ngành và những ngành nghề có liên quan.

c. Sản phẩm học tập: HS tra cứu được thông tin ở các trang mạng uy tín, có được danh sách các ngành nghề mà mình quan tâm.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Hướng dẫn HS tra cứu thông tin bằng các từ khoá chuyên ngành Mĩ thuật ứng dụng và chuyên ngành có liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng như: Thiết kế đồ hoạ, Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện, Thiết kế sân khấu – điện ảnh, Thiết kế thời trang,... - Tổ chức cho HS viết bài kế hoạch học tập, rèn luyện về các ngành nghề lĩnh vực mà bản thân quan tâm theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. - Cho HS thảo luận về bản kế hoạch, về tính hiệu quả của lộ trình và sắp xếp thời gian thực hiện. (Lưu ý: các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng cần đầu tư thời gian rèn luyện từ sớm để có hiệu quả tối ưu.) - Dặn dò HS chuẩn bị đầy đủ cho tiết học sau.	- Thực hiện theo hướng dẫn của GV. - Thảo luận về bản kế hoạch, về tính hiệu quả của lộ trình sử dụng và sắp xếp thời gian.

– Cùng cố kiến thức bài học.

– Dặn dò chuẩn bị đồ dùng hoàn thiện sản phẩm cho tiết học sau.

Tiết 2

– Ổn định tổ chức lớp.

– Kiểm tra đồ dùng học tập.

– Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu được các yếu tố đặc trưng của ngành nghề về sản phẩm, công năng sử dụng,...

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS tìm hiểu, quan sát, đánh giá các bài viết do GV sưu tầm về sản phẩm Mĩ thuật ứng dụng.

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được những nét tiêu biểu về công việc, các hoạt động, chuyên ngành chính của Mĩ thuật ứng dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Khởi động: GV cho các nhóm báo cáo kết quả làm việc của bài thực hành sáng tạo từ tiết trước. – Tổ chức trao đổi theo nội dung: + Nhóm em đã làm được những gì cho bài luận hoặc bài thực hành SPMT? + Dự kiến công việc tiếp theo là gì? – Nhận xét và góp ý thêm cho nội dung công việc của nhóm – Cho HS quan sát lại hình ảnh SGK trang 71 để biết khai thác các kĩ năng liên môn. – Chia sẻ, thảo luận và thống nhất các chủ đề có liên quan đến nội dung bài học. – Cho HS nhận xét về 4 hình ảnh trong SGK và thêm hình ảnh GV tự sưu tầm (nếu có) theo gợi ý: + Em hãy nhận xét về đặc điểm và công năng sử dụng của các sản phẩm. + Cách trang trí sản phẩm. – GV cung cấp kiến thức: Các tác phẩm, sản phẩm thuộc lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng hiện nay tương đối đa dạng về hình thức thể hiện, sáng tạo cả về hình thức lẫn chất liệu sản phẩm. Để có một SPMT ứng dụng tốt, có thể áp dụng các nguyên tắc về bố cục và trang trí một cách hài hoà, nhưng phải đảm bảo phù hợp với đặc trưng của sản phẩm.	– Báo cáo theo yêu cầu của GV. – Thảo luận và dự kiến phân nhiệm vụ để tiếp tục hoàn thành bài tập (nếu làm bài theo nhóm). – Nhận xét về 4 hình ảnh: + Hình 1: Thiết kế bình gốm, dùng để trang trí hoặc cắm hoa. Bình có sử dụng hình ảnh tranh bố cục của thiếu nhi, có màu sắc tươi sáng để trang trí. + Hình 2: Thiết kế bìa sách, công năng sử dụng như một chiếc “áo” bảo vệ cuốn sách. Bìa sách sử dụng đồng thời cả kênh hình và kênh chữ thể hiện thông điệp của nội dung cuốn sách. + Hình 3: Mẫu thiết kế túi xách da. Bên cạnh chức năng lưu trữ đồ dùng thì túi xách còn là vật trang trí, làm đẹp, thể hiện thị hiếu thẩm mĩ của người sử dụng. Túi có màu sắc đồng nhất, các chi tiết như móc khoá, quai xách được thiết kế tỉ mỉ như một phần trang trí của túi xách. + Hình 4: Thiết kế áo dài. Áo dài được sử dụng phổ biến trong các dịp lễ hội, hoặc các sự kiện trọng đại. Áo được trang trí bằng hình ảnh thiếu nhi vui đùa cạnh các ngôi nhà cổ kính, vừa tôn vinh giá trị văn hoá đặc trưng Việt Nam vừa mang nét hiện đại.
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ SÁNG TẠO a. Mục tiêu: HS hiểu và nắm được cách viết bài luận hoặc làm một SPMT mang tính ứng dụng phù hợp với năng lực và sở trường. b. Nội dung hoạt động: GV tạo điều kiện cho HS tham khảo một số tác phẩm Mĩ thuật ứng dụng hoặc bài viết giới thiệu về các ngành nghề để HS triển khai tiếp bài luận hoặc thực hành SPMT. c. Sản phẩm học tập: SPMT mang tính ứng dụng hoặc bài luận. d. Tổ chức thực hiện:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS xem một số bài làm (bài luận hoặc SPMT) ở tiết học trước, gợi ý cho HS nhận xét bài của nhóm mình, nhóm bạn để rút kinh nghiệm. – Cho các nhóm tiếp tục hoàn thành nội dung và nhiệm vụ được giao từ tiết trước. – Quan sát chung và giúp đỡ cho HS (nếu cần).	– Tiếp tục hoàn thiện bài thực hành sáng tạo. – Hoàn thiện sản phẩm theo năng lực.
HOẠT ĐỘNG 3: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ a. Mục tiêu: HS tìm hiểu về quy trình thiết kế tạo dáng sản phẩm, đưa ra được những đánh giá cả về ưu điểm và nhược điểm, nhận biết nét đặc trưng của từng thể loại SPMT ứng dụng. b. Nội dung hoạt động: HS tập phê bình SPMT của mình và của bạn đã làm trong hoạt động Luyện tập và sáng tạo, từ đó đánh giá, nhận xét giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm. c. Sản phẩm học tập: Đánh giá được SPMT ứng dụng đã thực hiện. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tổ chức cho mỗi nhóm lần lượt giới thiệu, thuyết trình bài viết, video clip, SPMT giới thiệu ngành nghề theo nhóm. – Khuyến khích HS nêu và chia sẻ cảm nhận về bài thực hành của nhóm mình và của nhóm bạn. + Đối với bài luận: Nêu câu hỏi về cấu trúc bài, nội dung, bố cục bài viết, các ý triển khai,... + Đối với SPMT: Nêu câu hỏi gợi ý để HS nhận xét, đánh giá: về giá trị thẩm mỹ, công năng sử dụng của sản phẩm và một số tiêu chí khác (nếu có). – Gợi ý để HS có thêm ý tưởng điều chỉnh cho bài thực hành hoàn thiện hơn. – Đánh giá kết quả.	– Thực hiện bài thuyết trình (bài luận) hoặc trưng bày SPMT theo hướng dẫn của GV. – Thảo luận, đánh giá, nhận xét. – Tham gia nhận xét, đánh giá và tự đánh giá.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: HS tìm hiểu mở rộng được thông tin về các ngành nghề, địa chỉ đào tạo, hình thức đào tạo của các cơ sở giáo dục. b. Nội dung hoạt động: HS tìm kiếm được thông tin hữu ích từ các website uy tín, tìm hiểu danh sách các môn học trong ngành và những ngành nghề có liên quan. c. Sản phẩm học tập: Hoàn thành bản xây dựng bản kế hoạch học tập. d. Tổ chức hoạt động:	

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Tạo cơ hội cho HS tra cứu thông tin về các cơ sở đào tạo chuyên ngành Mĩ thuật ứng dụng. – Cho HS hoàn thành bài kế hoạch học tập, rèn luyện về các ngành nghề, lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng mà mình quan tâm theo hình thức cá nhân/ nhóm.	– Tra cứu, thảo luận. – Lập bản kế hoạch.

– Cùng cố kiến thức bài học.

– Dặn dò chuẩn bị đồ dùng hoàn thiện sản phẩm cho tiết học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập ĐINH GIA LÊ

Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung:

HÀ TUỆ HƯƠNG

Trình bày bìa:

ĐẶNG NGỌC HÀ – TÔNG THANH THẢO

Thiết kế sách:

CAO TIẾN DŨNG

Sửa bản in:

HÀ TUỆ HƯƠNG

Chế bản:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN MĨ THUẬT LỚP 9

**(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa Mỹ thuật 9 –
Bộ sách Chân trời sáng tạo – Bản 2)**

Mã số:

In ... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:

Cơ sở in:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 202...

Mã số ISBN: